

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Thanh Tâm

Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER
HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Thanh Tâm
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Thanh Tâm

Mã SV: 1354010224

Lớp: QT1306K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phản ánh được thực trạng của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng
- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng. Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng các số liệu năm 2012

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế, xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển. Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đưa ra cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng, em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng”**.

Nội dung của bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Chương III: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Kết hợp kiến thức được trang bị ở nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của CN. KTT. Tô Thúy Hoa. Em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu nhận thức tổng quan còn hạn chế cùng với nội dung đề tài sâu rộng nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn

CHƯƠNG I:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các tổ chức trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính. Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vốn đầu tư.

- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén đáp ứng tốt tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Doanh thu và các loại doanh thu

Khái niệm:

Doanh thu: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Phân loại doanh thu:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán

sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**Chiết khấu thương mại**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Giá trị hàng bán trả lại

- Giá trị hàng bán trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính trên phần giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.4. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp

Khái niệm:

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

Phân loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là khoản chi phí phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- *Hoạt động tài chính:* Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- *Hoạt động khác:* Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
----------------------------------	---	--	---	------------------------	---	---------------------	---	--------------------------

Trong đó :

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--	---	---	---	---------------------------------

- *Kết quả hoạt động tài chính*

Lợi nhuận tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

- *Kết quả hoạt động khác*

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động TC	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------	---	-----------------------------------	---	---------------------------	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

1.2. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản

đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ **Bán buôn:** Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo hợp đồng kinh tế.

+ **Bán lẻ:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức bán hàng gửi đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương pháp này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí

ng nghiệp...(Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp).

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02-GTTT)
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

- ✓ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
 - Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
 - Tài khoản 5118 - Doanh thu khác
- ✓ Kết cấu của tài khoản 511

Bên nợ:

- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

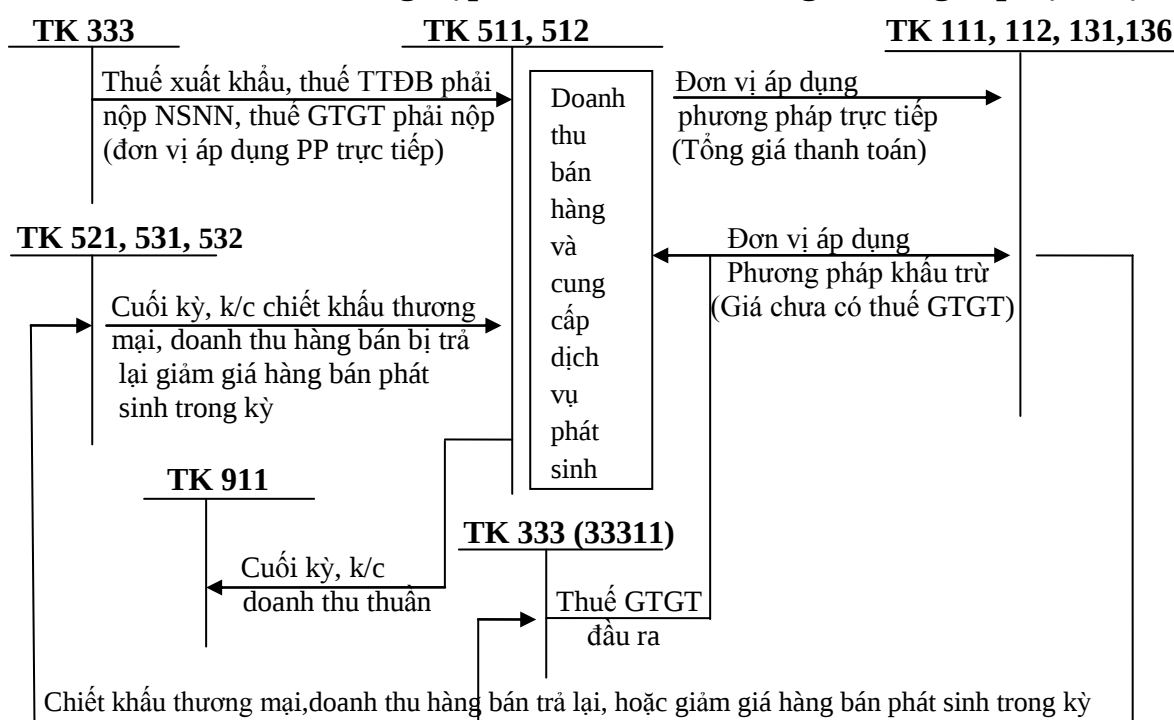
- ✓ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ, có 3 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hóa
 - Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Bên nợ:

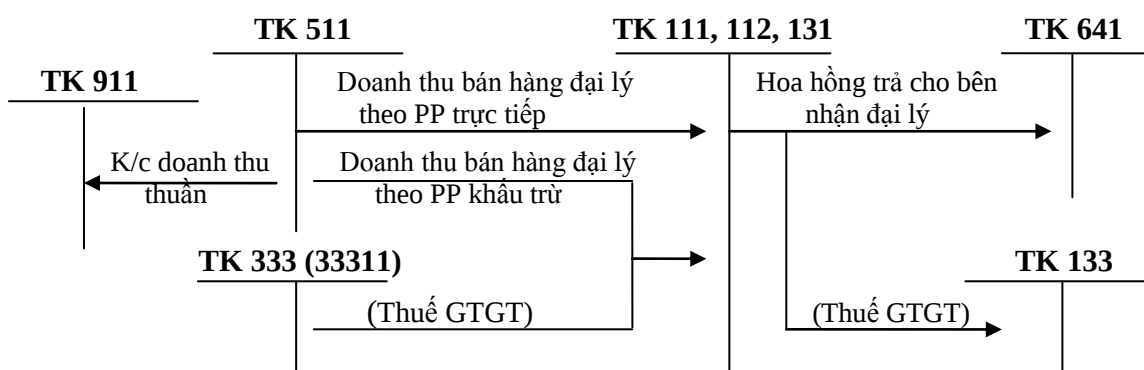
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Phương pháp hạch toán

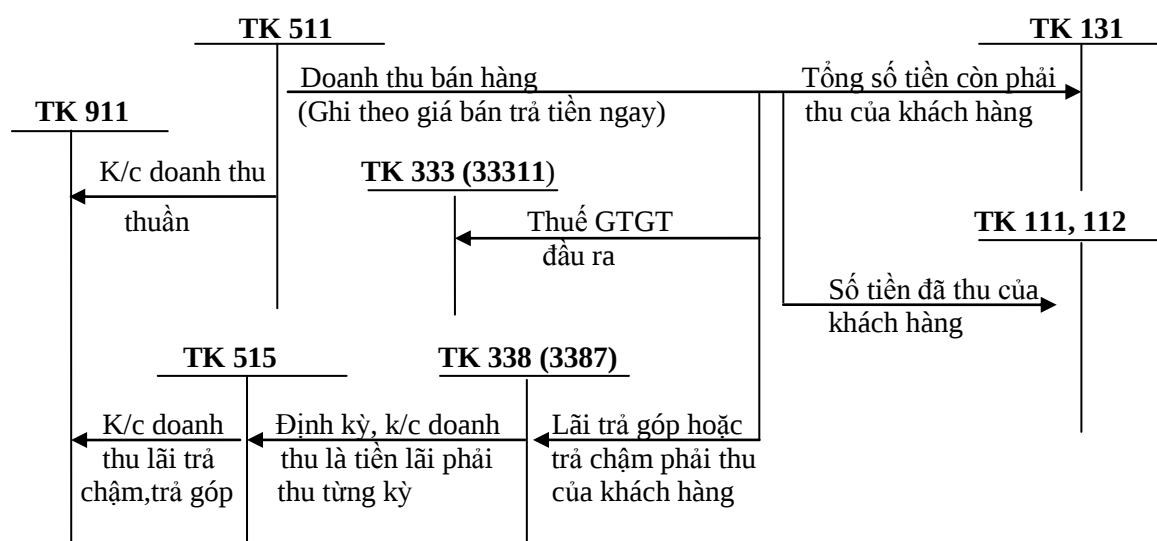
Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



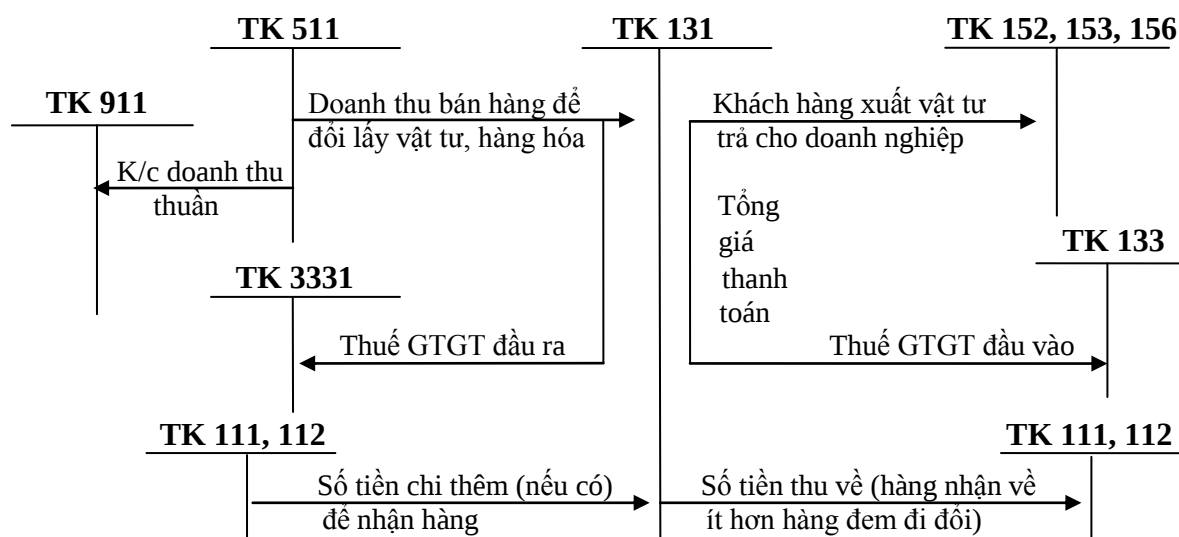
**Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng qua đại lý
(theo phương thức bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng)**



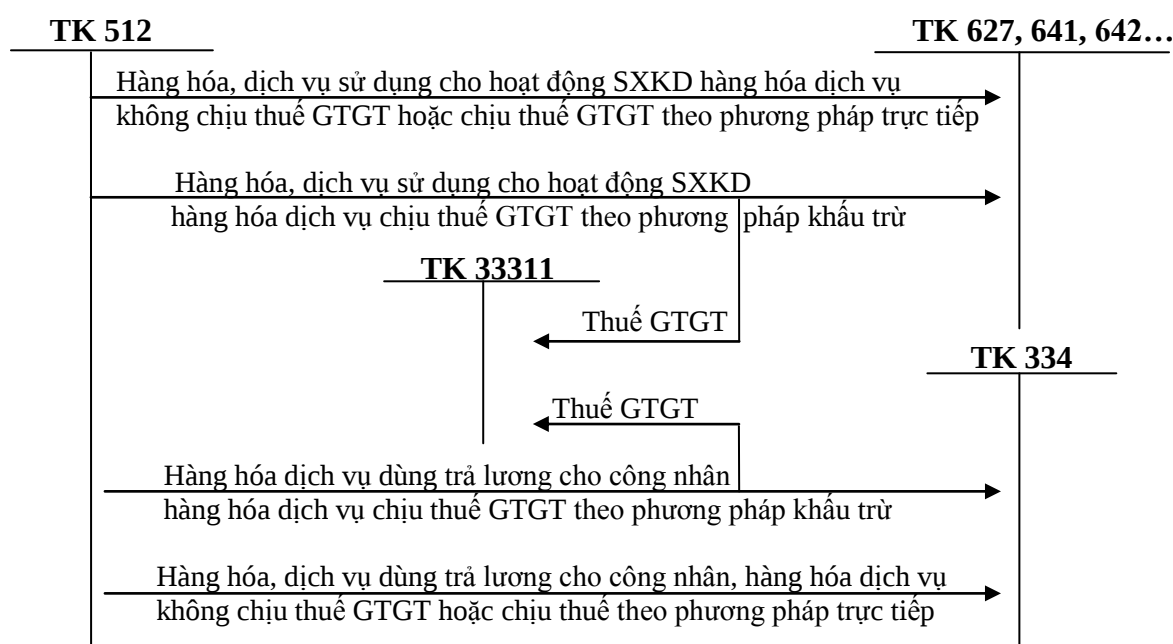
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**+ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác liên quan

+ Tài khoản sử dụng**TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

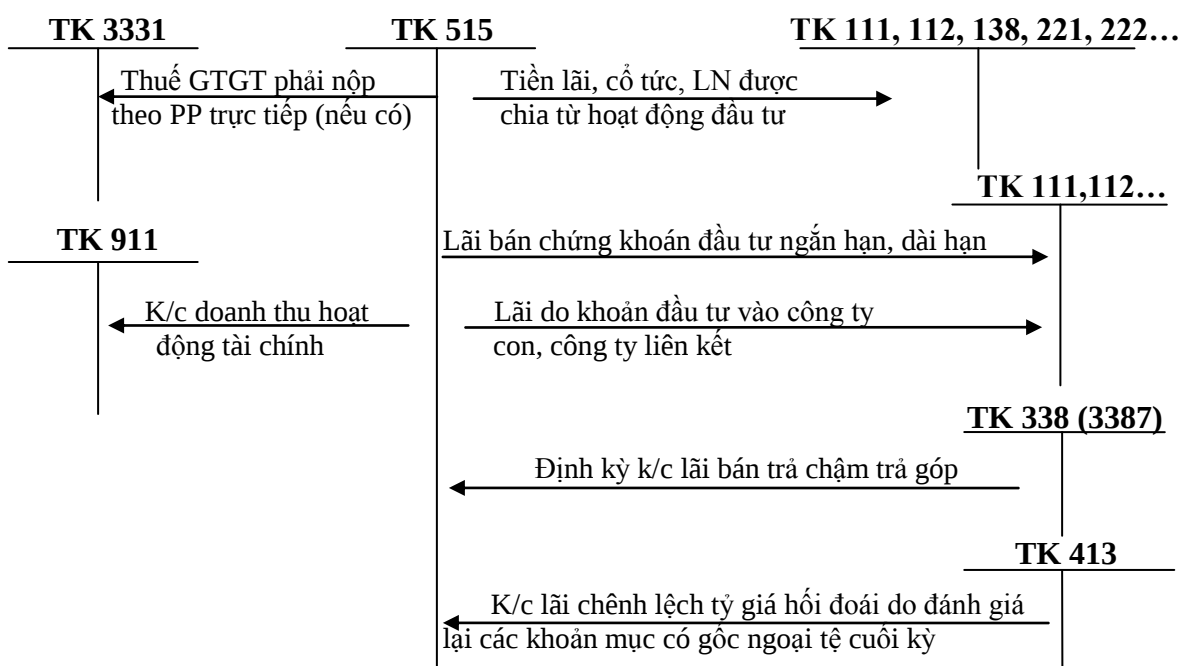
➤ *Kết cấu tài khoản 515*

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

+ Phương pháp hạch toán**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính****1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác****+ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế....

✚ Tài khoản sử dụng

TK 711 “Thu nhập khác”

➤ Kết cấu tài khoản 711:

Bên Nợ:

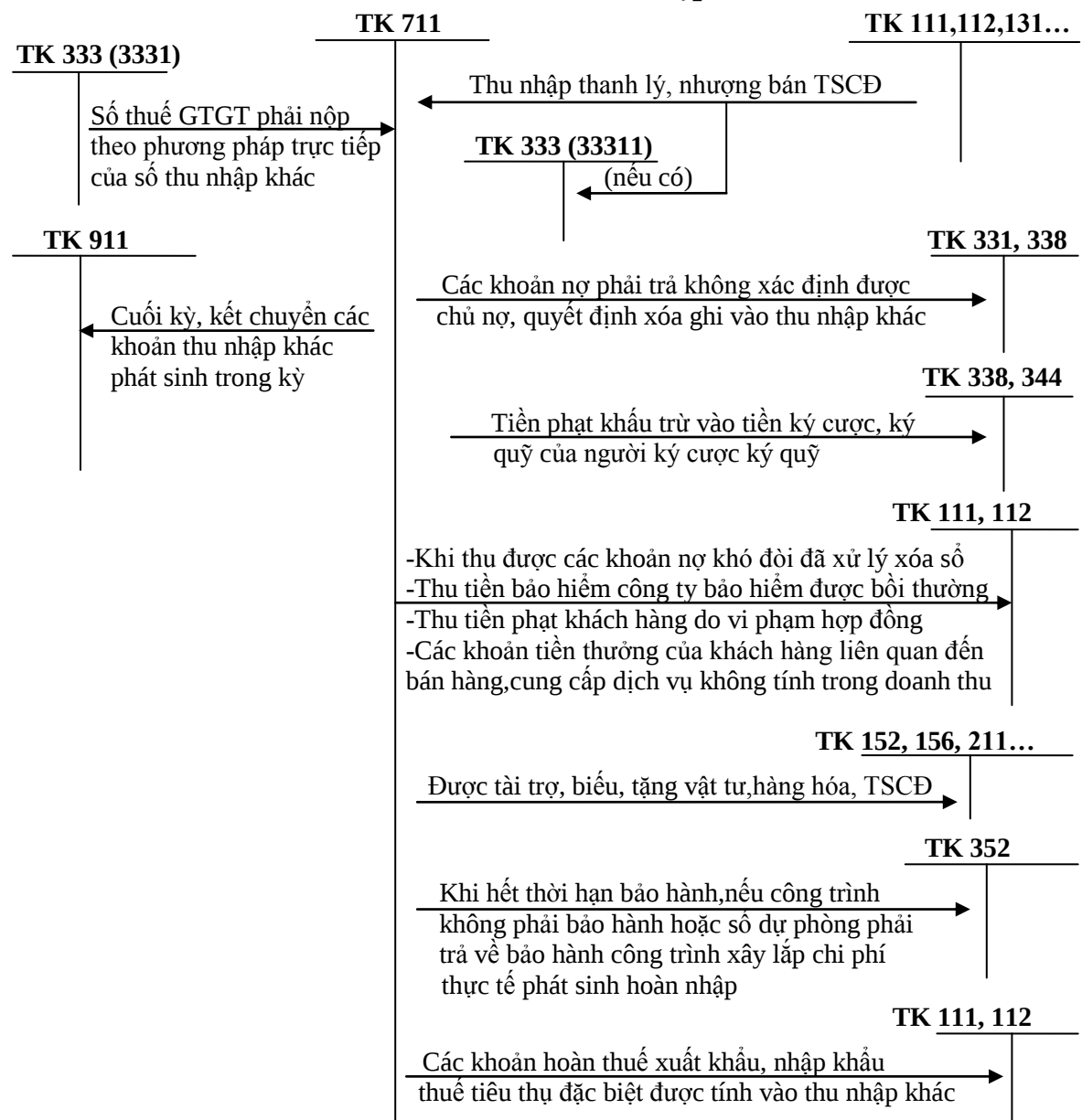
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có : Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**+ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

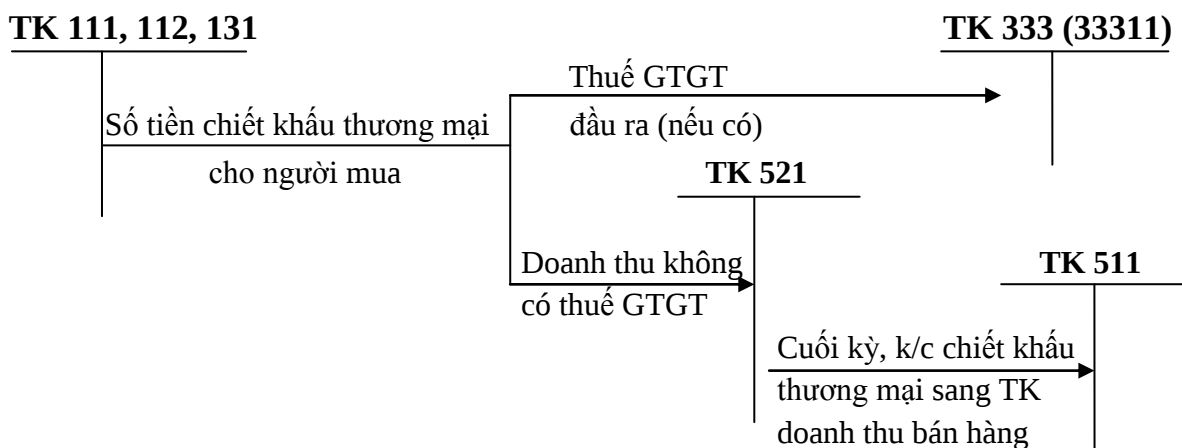
+ Tài khoản sử dụng**➤ Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”**

- ✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

✓ Kết cấu tài khoản 521

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

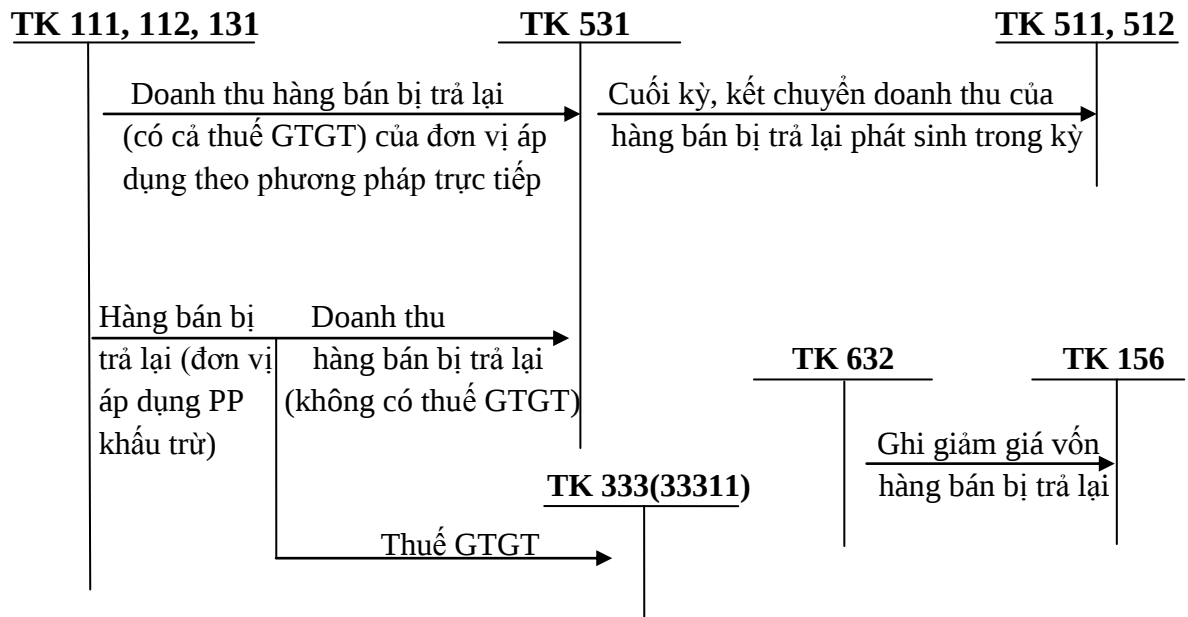
Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại**➤ Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”****✓ Kết cấu tài khoản 531**

Bên Nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

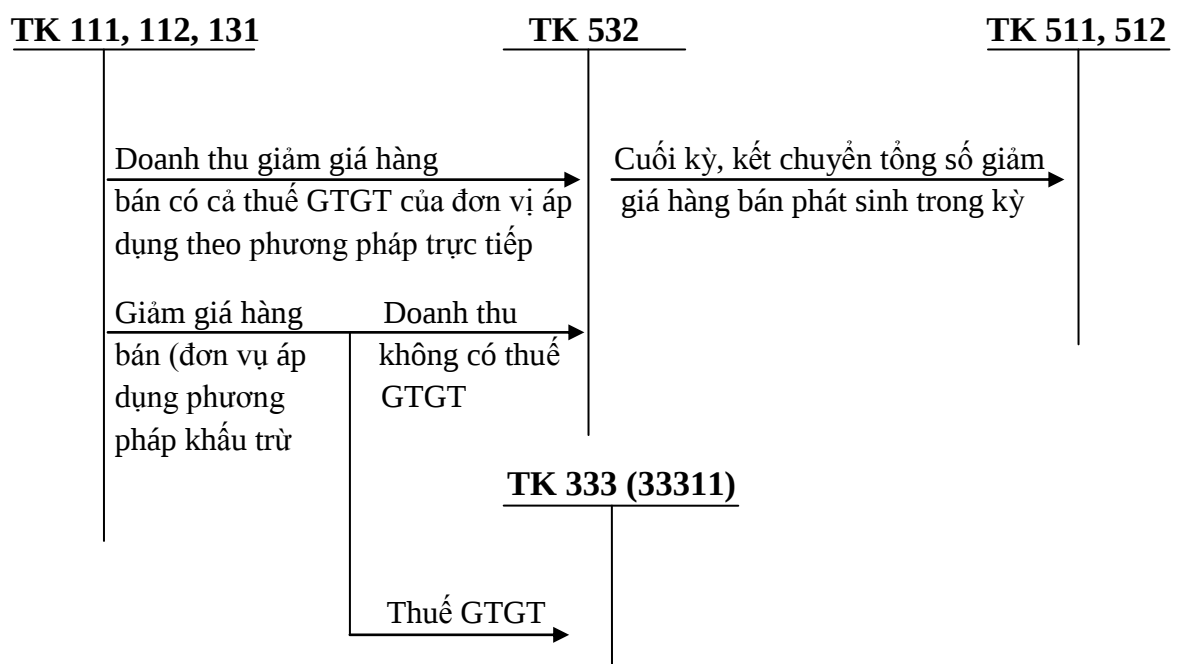
Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại➤ **Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”**✓ **Kết cấu tài khoản 532**

Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán

1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Phương pháp bình quân gia quyền:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được

xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Nhưng với phương pháp nhập sau xuất trước đã khắc phục được nhược điểm của phương pháp nhập trước xuất trước là phản ánh chi phí kịp thời với sự biến động của giá cả thị trường.

Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Phương pháp giá hạch toán:

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá SP, hàng hoá} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán SP, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất trong kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ

Trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ = Hệ số giá x Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác liên quan

 Tài khoản sử dụng:**TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

✓ *Kết cấu tài khoản 632*

Bên Nợ:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư

- Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư.
- Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ
- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.
- Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số để lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

✚ Phương pháp hạch toán

❖ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

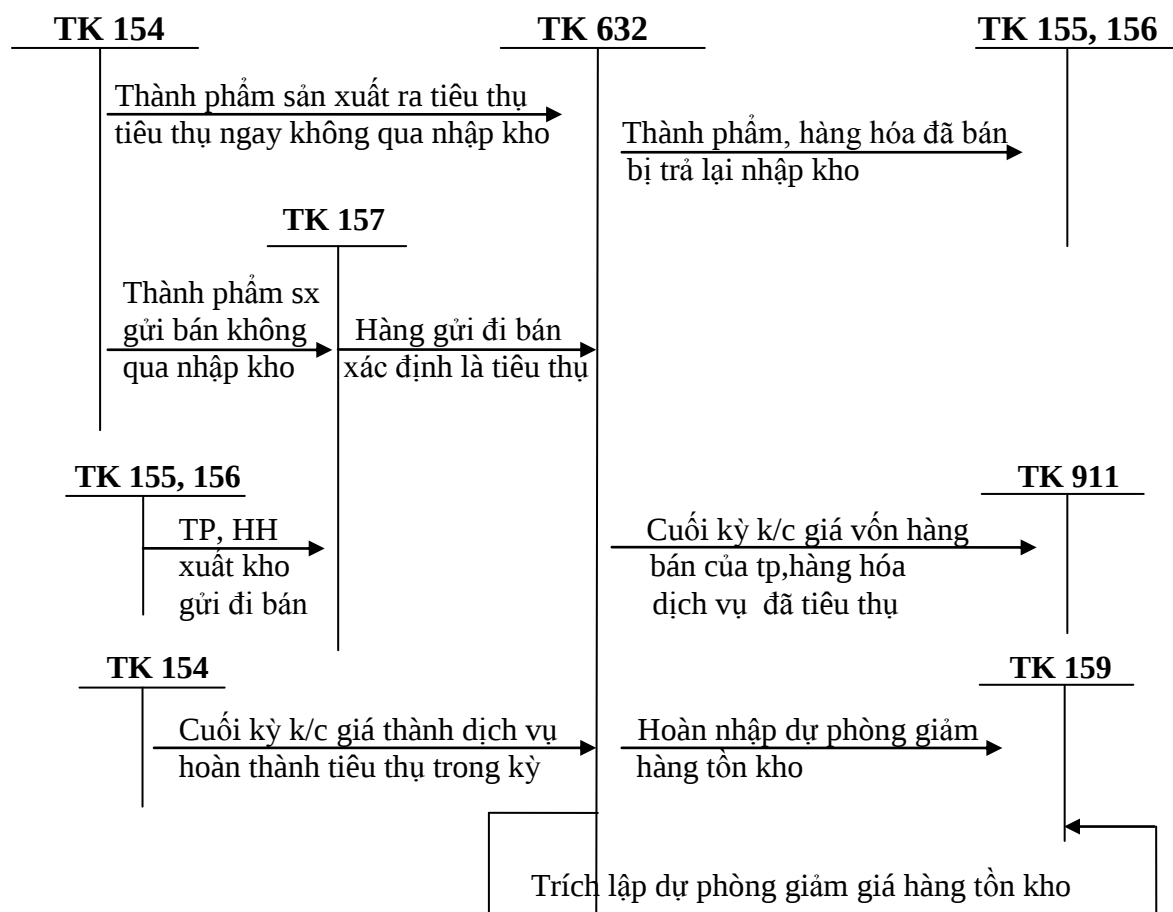
- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong các phương pháp tính giá vốn hàng bán nêu trên.

- Trị giá vốn hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp này được thể hiện qua sơ đồ

Sơ đồ 1.11 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



❖ Hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho xuất kho tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản 152, 153, 156...các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

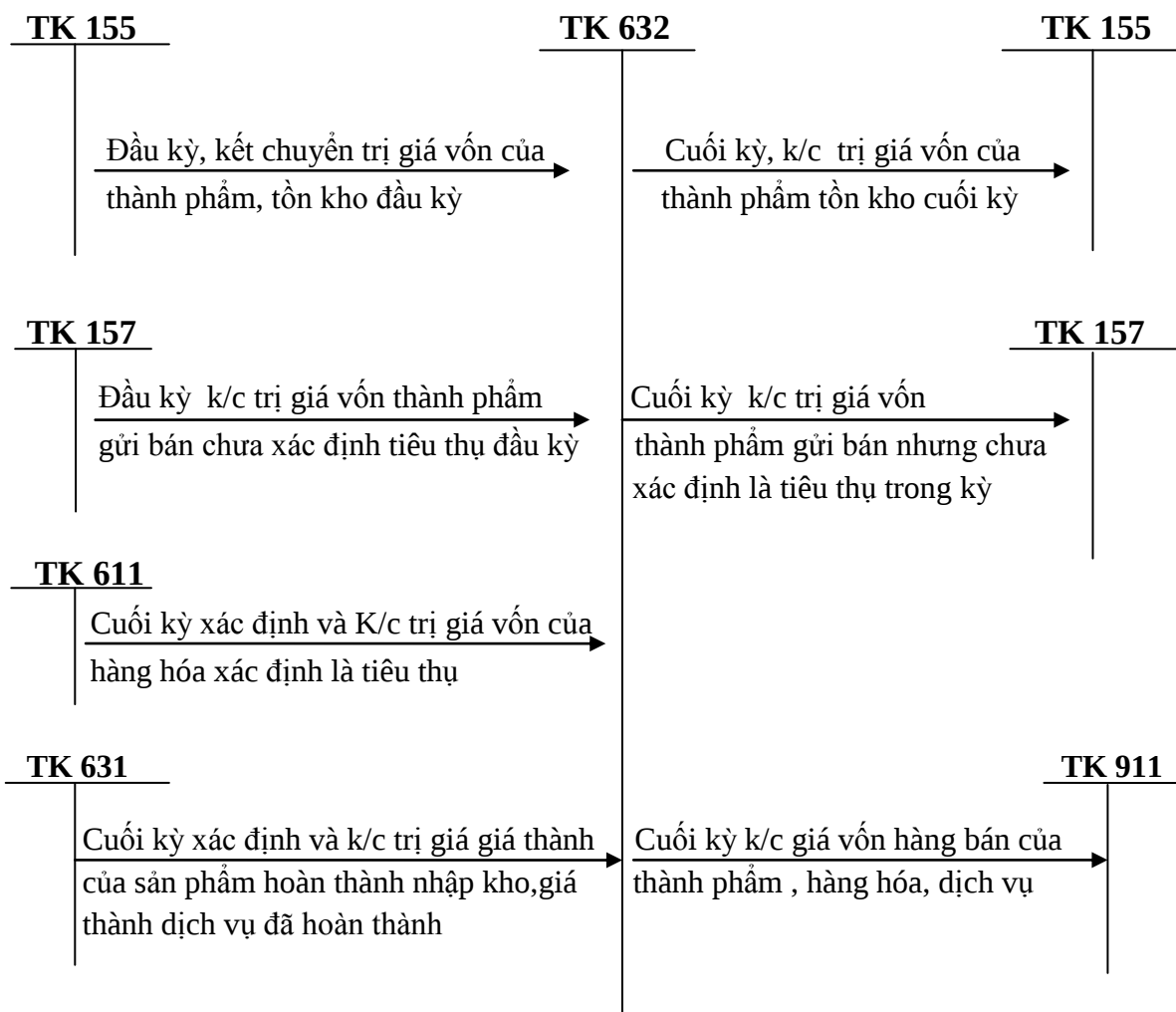
- Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua hàng xác định trị giá vốn của hàng xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho, vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

Số lượng hàng xuất kho	=	Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ	+	Số lượng hàng nhập trong kỳ	-	Số lượng hàng tồn cuối kỳ
------------------------	---	------------------------------	---	-----------------------------	---	---------------------------

- Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ trong kỳ	+	Trị giá thực tế hàng nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn hàng tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá thực tế hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ
-------------------------------	---	-------------------------------------	---	--	---	--	---	----------------------------------	---	---

Sơ đồ 1.12: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuê, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

 Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

 Tài khoản sử dụng**TK 641 “Chi phí bán hàng”**

✓ Các TK cấp 2

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

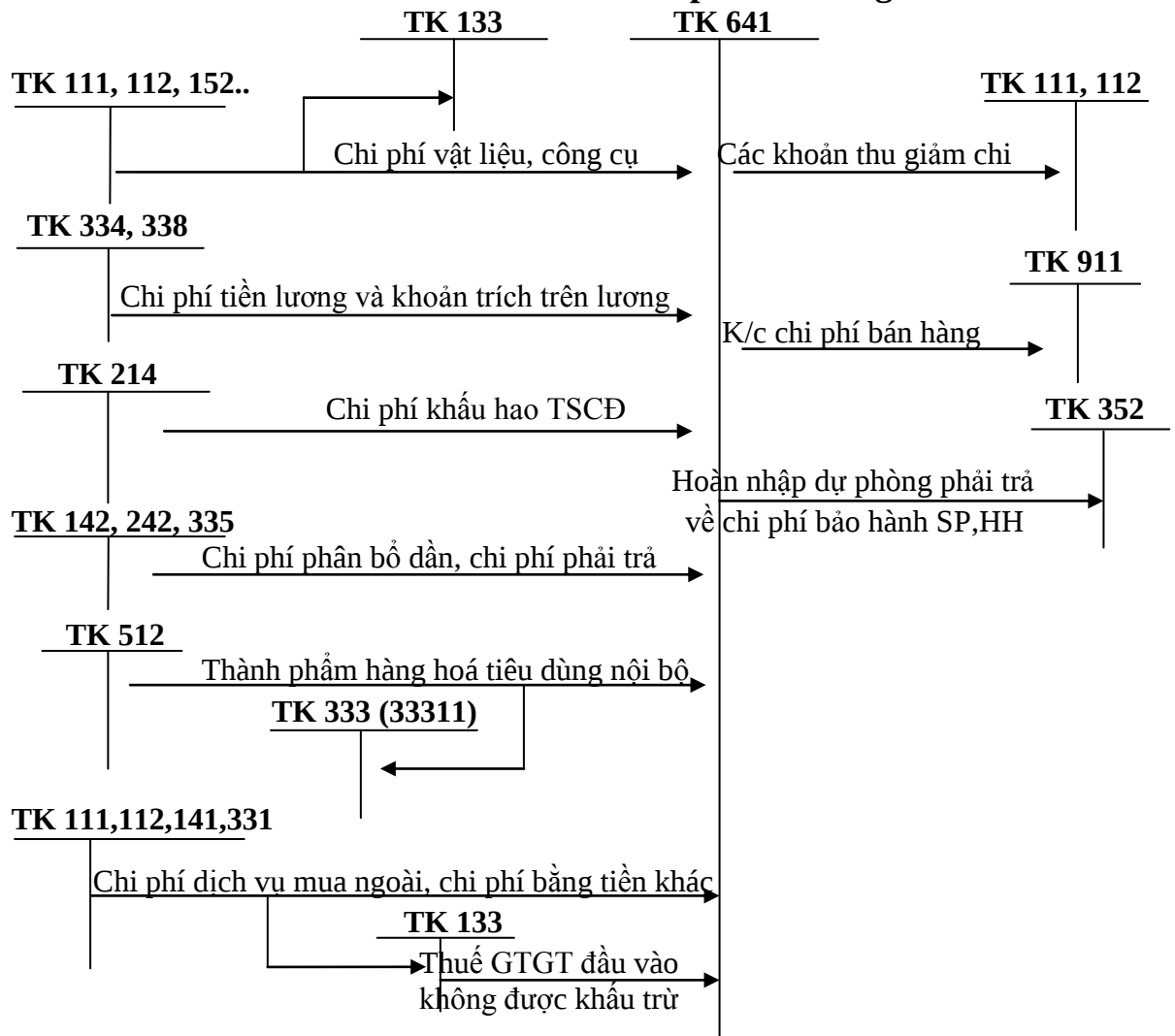
✓ Kết cấu tài khoản 641

Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có).

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng**TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu tài khoản 642

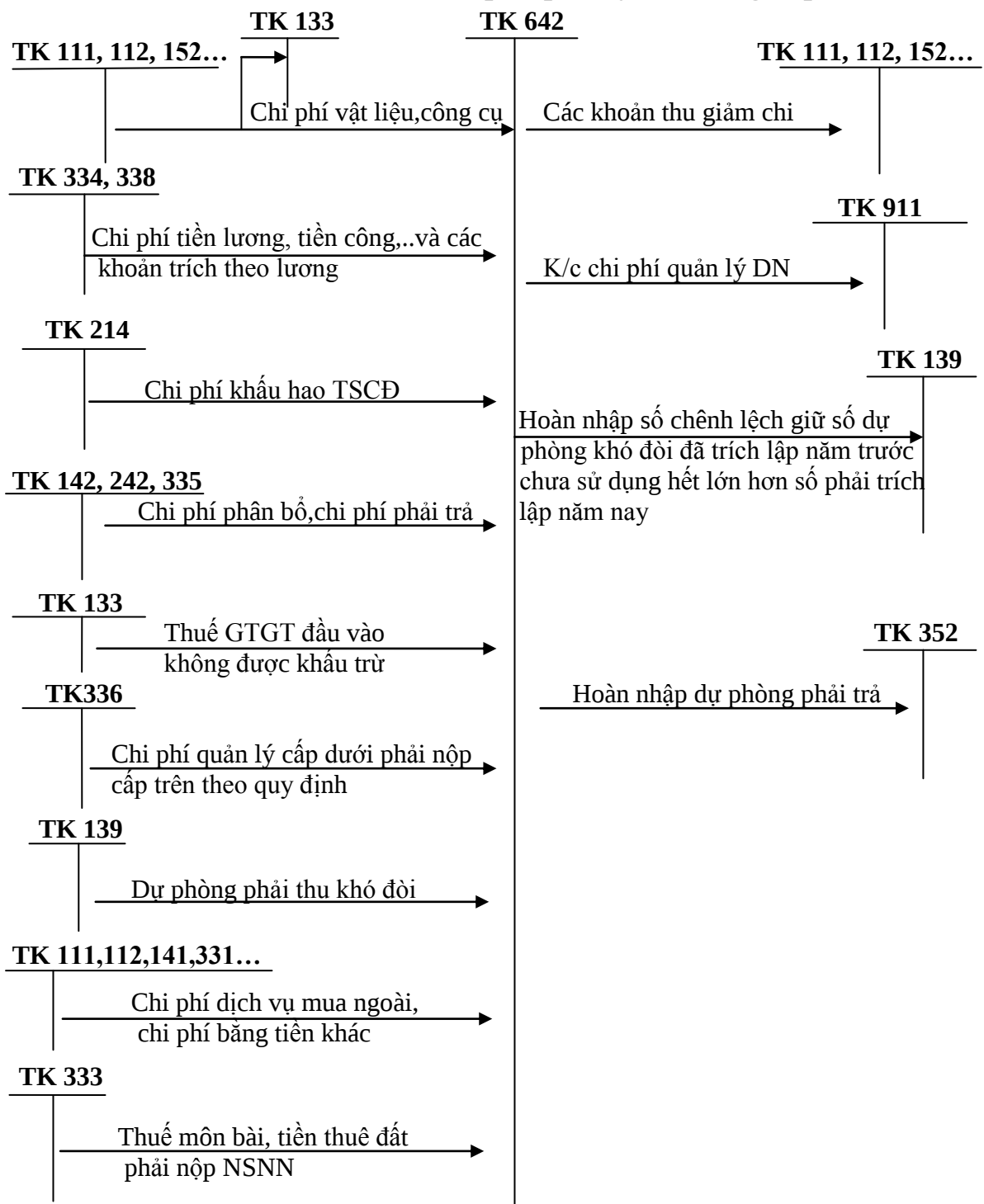
Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính**Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác liên quan

**Tài khoản sử dụng****TK 635 “Chi phí tài chính”**

✓ *Kết cấu tài khoản 635*

Bên Nợ:

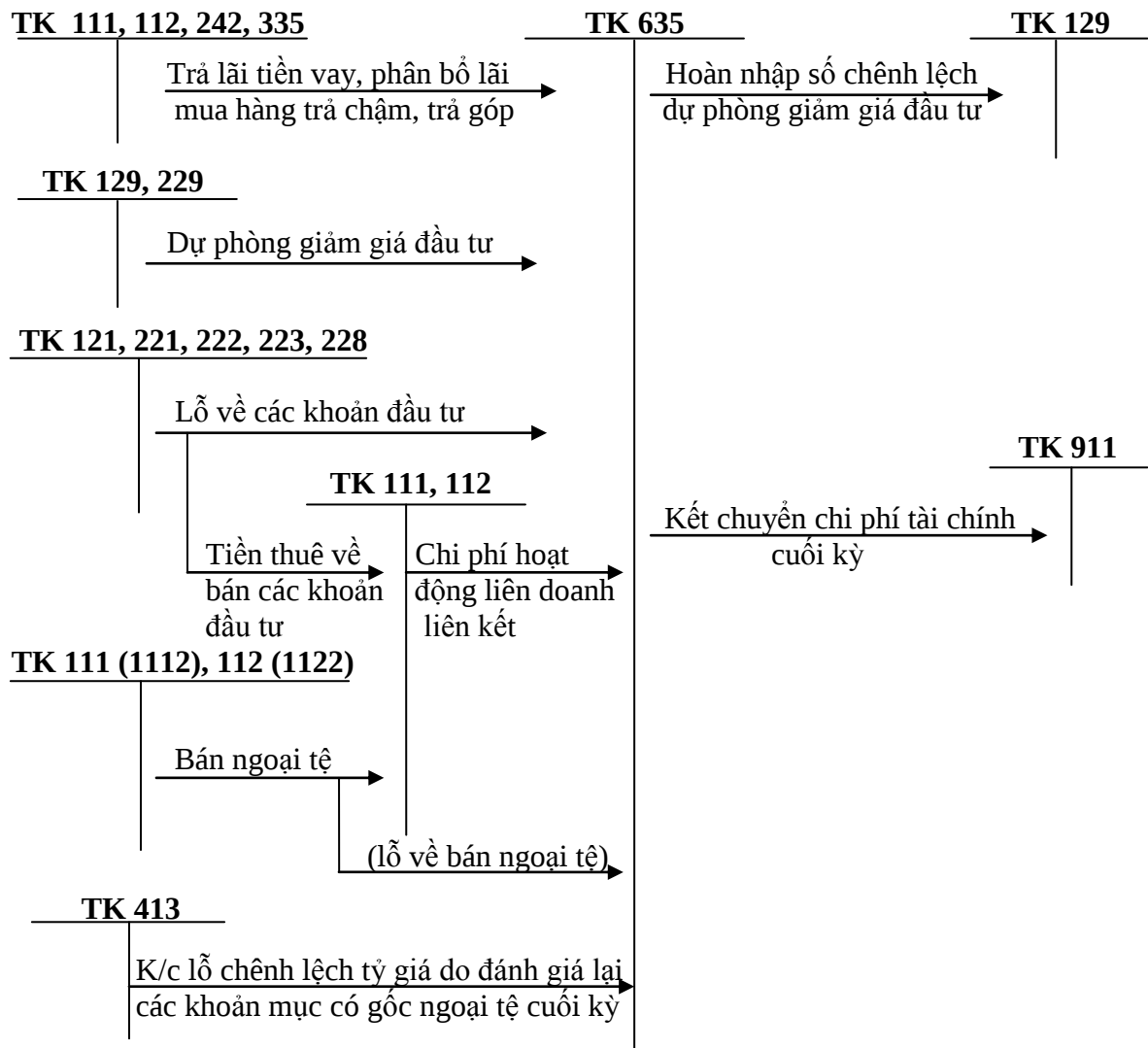
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí tài chính**1.2.2.4. Kế toán chi phí khác****Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan.

**Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 “Chi phí khác”

✓ **Kết cấu tài khoản 811**

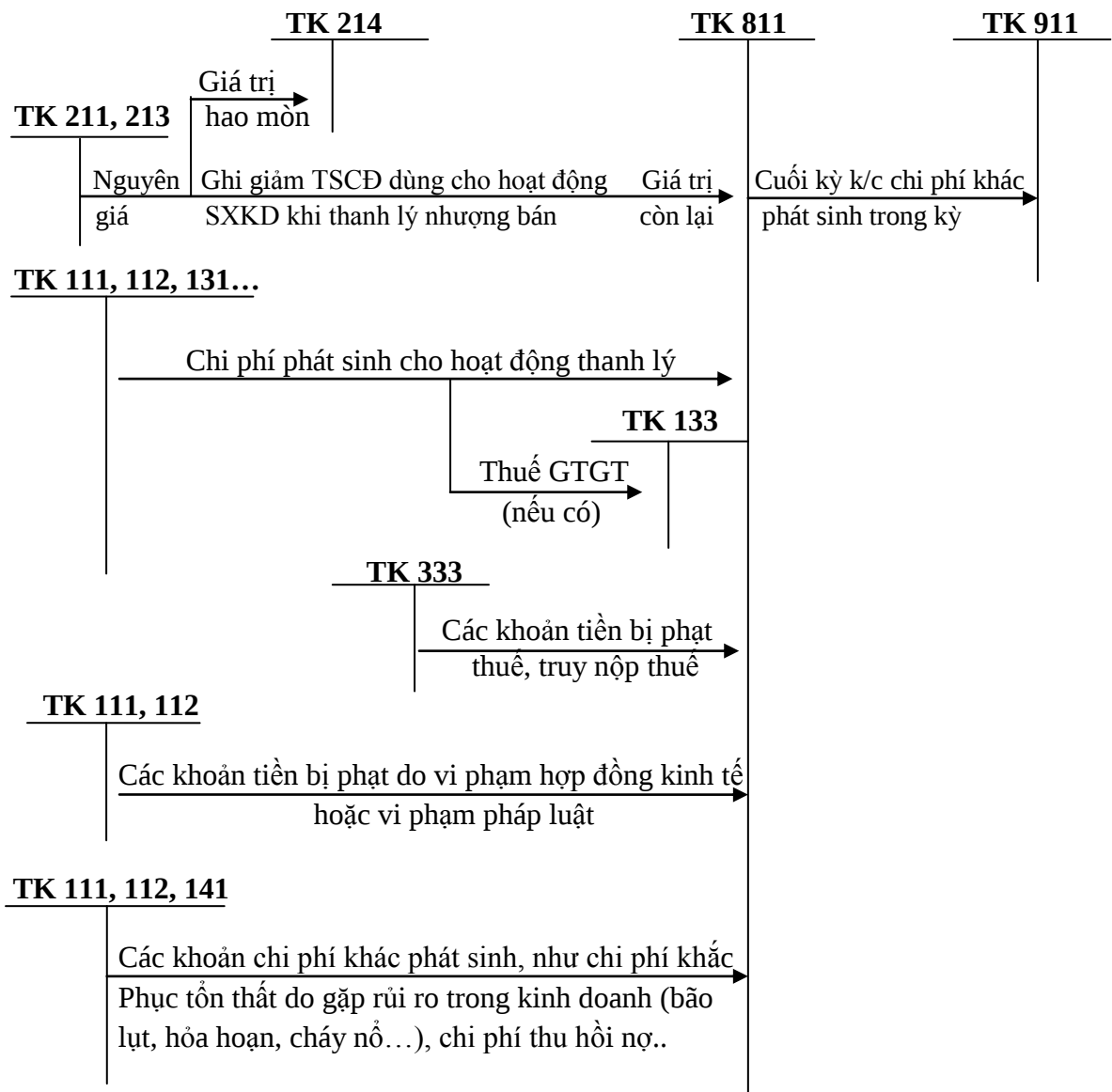
Bên Nợ: Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác



1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan khác

Tài khoản sử dụng

TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”,

- ✓ TK 821 không có số dư cuối kỳ và có 2 TK cấp 2
 - Tài khoản 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
 - Tài khoản 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- ✓ Kết cấu tài khoản 821

Bên Nợ:

- Chi phí thuế hiện hành phát sinh trong năm.

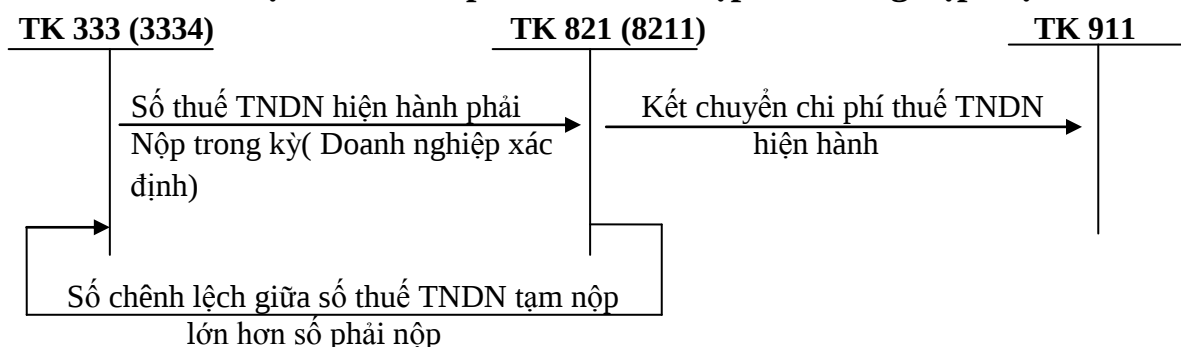
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm).
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911.

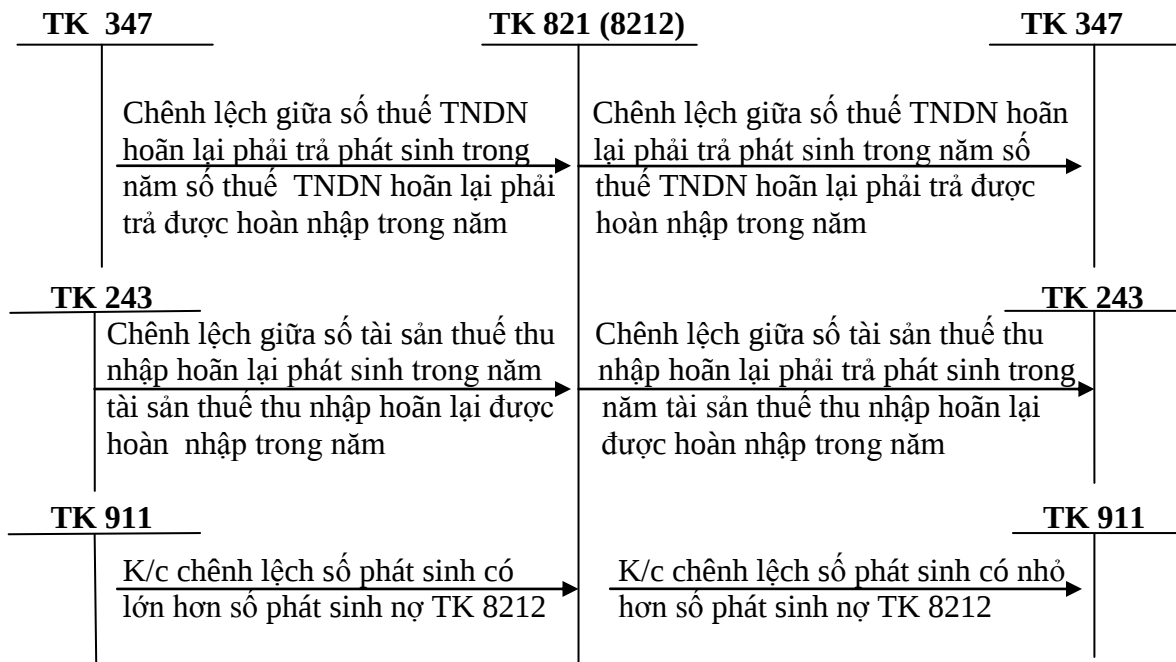
Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm).
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản 911.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

+ Tài khoản sử dụng

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

✓ Kết cấu tài khoản 911**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

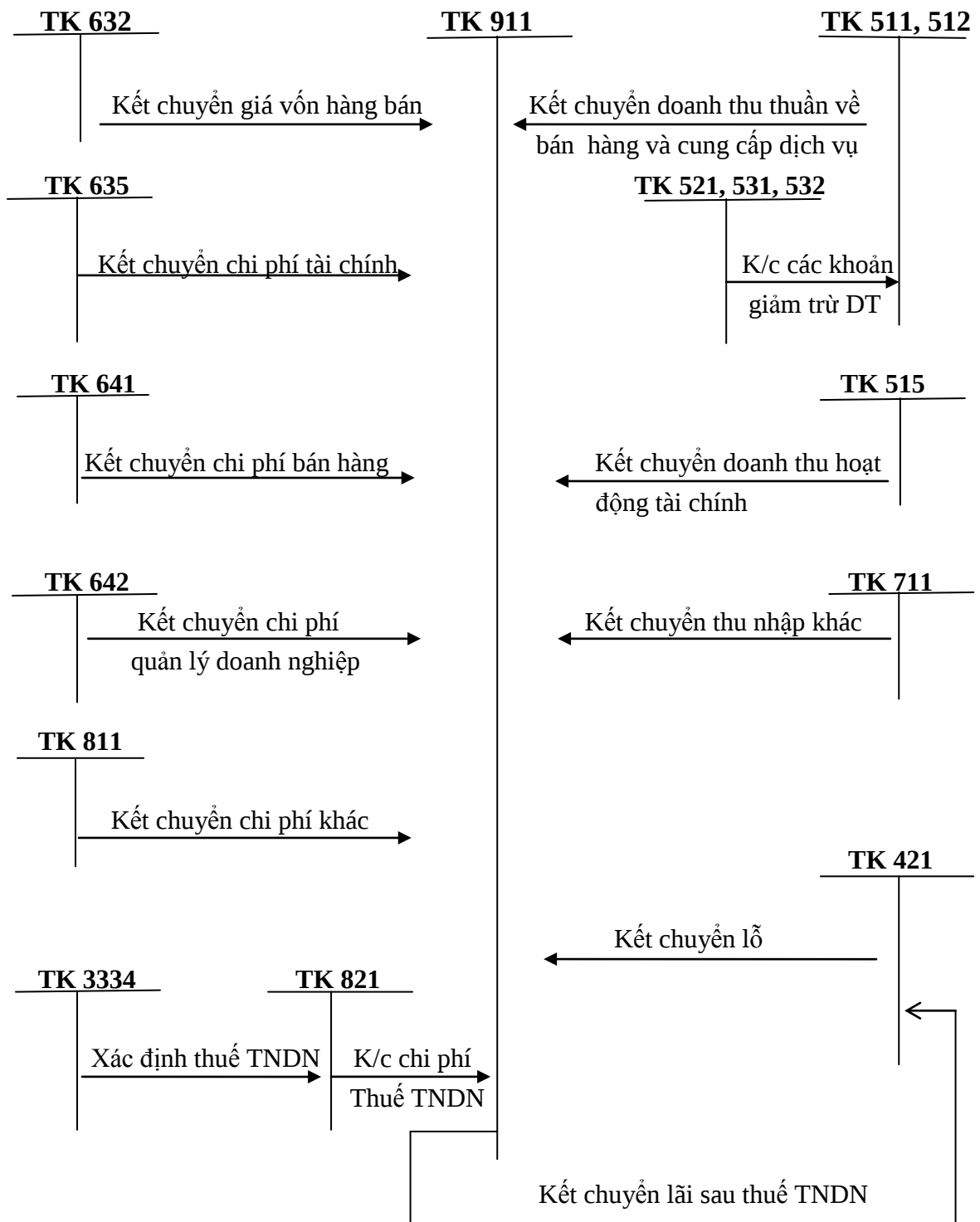
Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

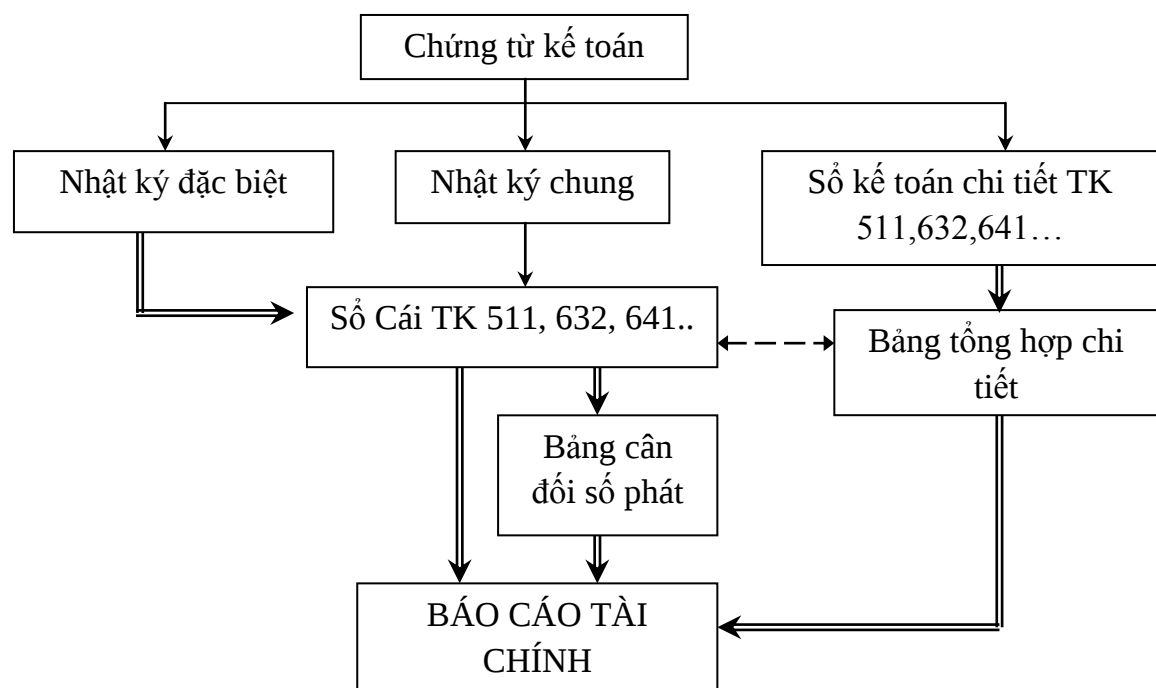
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

➤ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Các loại sổ chủ yếu

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú

————> Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

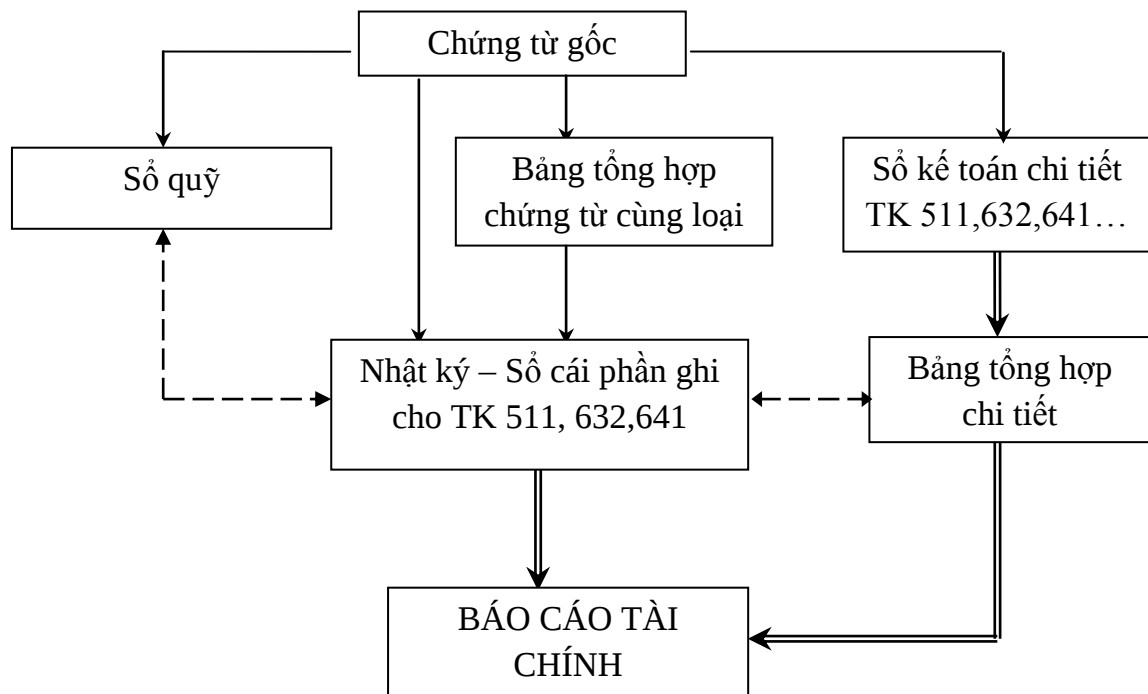
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

➤ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

➤ Các loại sổ chủ yếu

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký- sổ cái



Ghi chú

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

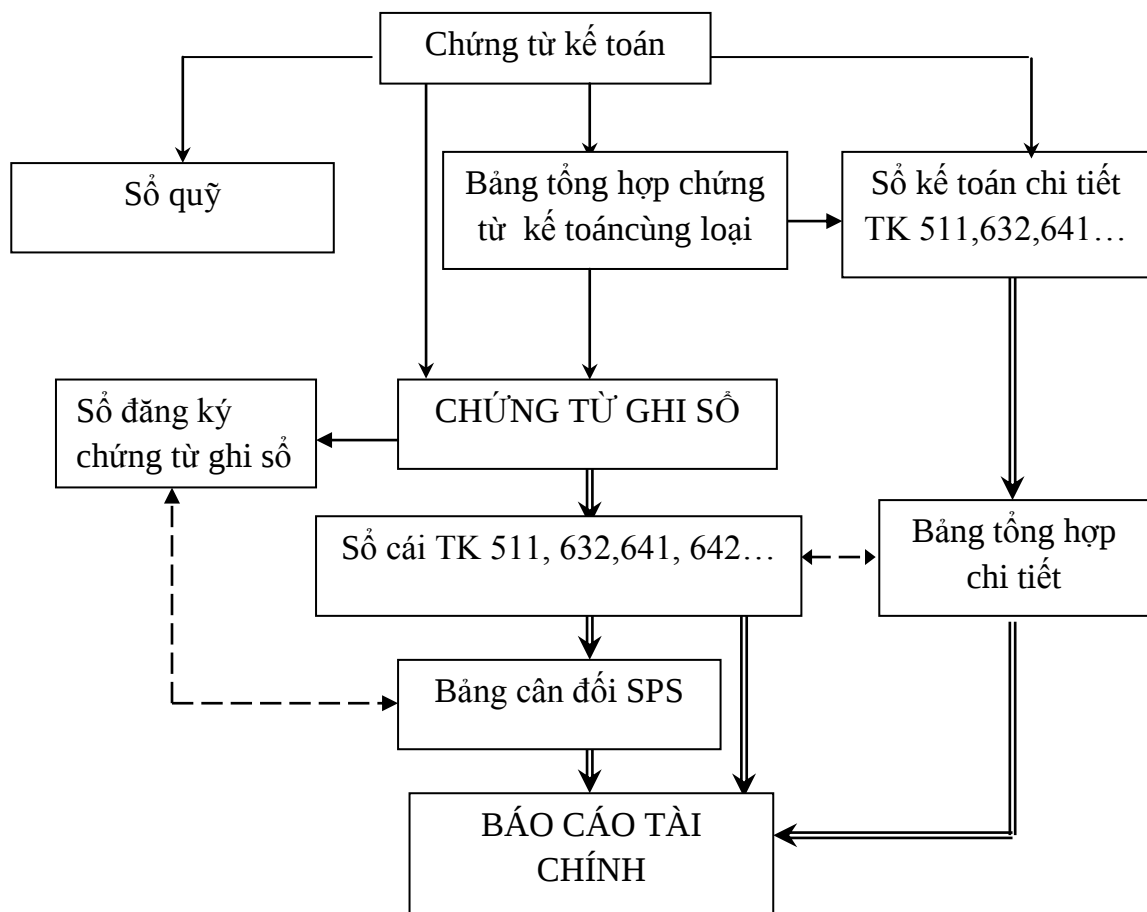
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

➤ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ

➤ Đặc trưng cơ bản:

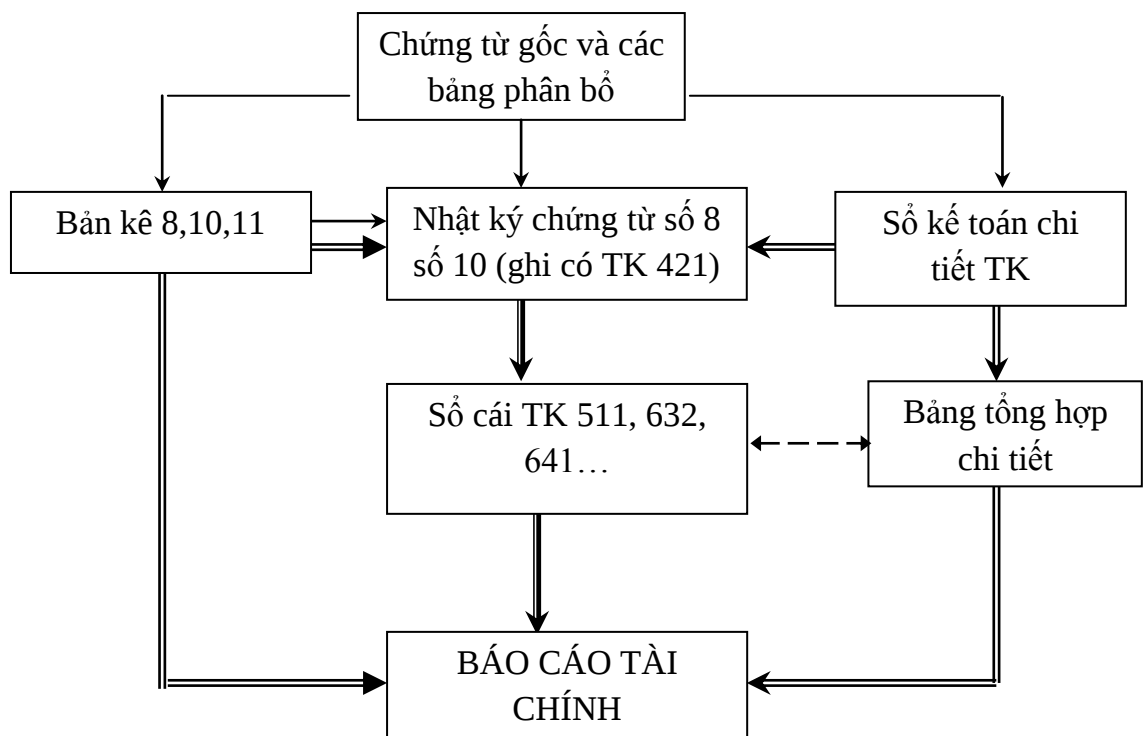
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

➤ Các loại sổ chủ yếu

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký- chứng từ



Ghi chú

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

← - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

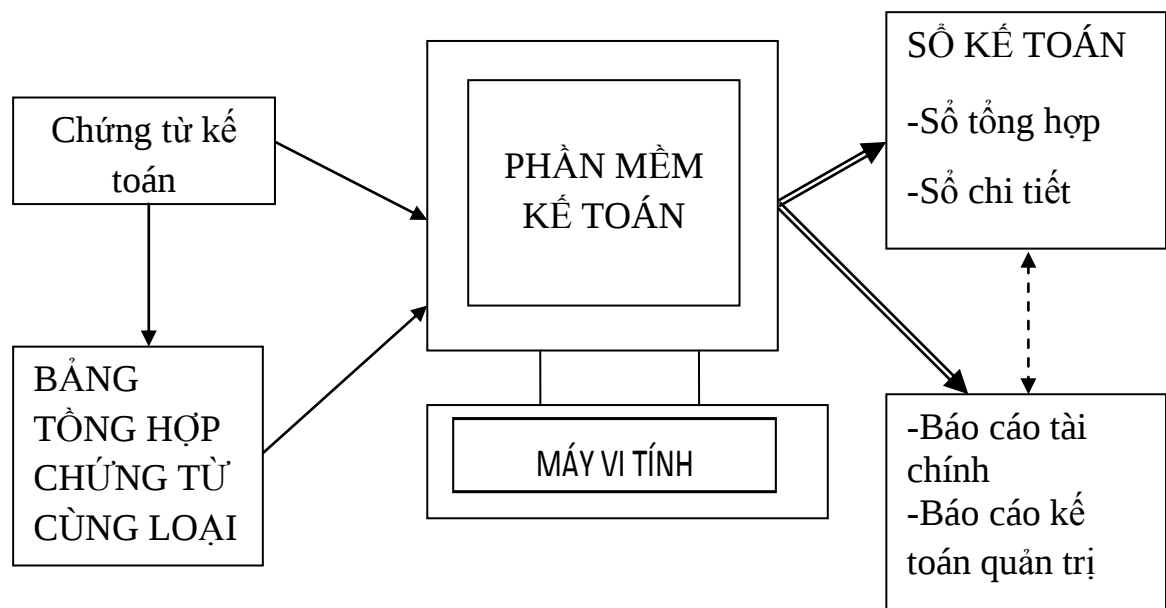
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

➤ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây

➤ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Khí Công nghiệp Messer Hải Phòng là công ty có vốn đầu tư nước ngoài của Tập đoàn MESSER Đức - Tập đoàn hàng đầu thế giới với hơn 100 năm kinh nghiệm chuyên sản xuất và phân phối các sản phẩm khí công nghiệp, có trụ sở chính tại Hải Phòng, văn phòng đại diện tại Hà Nội và nhà máy sản xuất khí công nghiệp với quy mô lớn nhất tại Hải Dương.

– Tên doanh nghiệp:

Tên bằng tiếng việt: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Tên bằng tiếng anh: Messer Hai Phong Industrial Gases Company Limited

– Tên viết tắt: MHP

– Ngày hoạt động: 16/7/1997 theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HP của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng

– Trụ sở chính: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng

– Nhà máy: Xã Hiệp Sơn, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

– Văn phòng đại diện: Tòa nhà Sao Bắc, Số 4 phố Dã Tượng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

– MST: 0200134811

– Vốn điều lệ: 417.522.588.150VND

Từ khi mới thành lập cho đến nay, 15 năm với bao nỗ lực, công ty mở rộng về quy mô và phát triển kinh doanh

Năm 1997 Thành lập công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng với hoạt động triết nạp và kinh doanh chai khí nén 150 bar: O₂, Ar, CO₂

Năm 1999 Thành lập VP đại diện tại Hà Nội nhằm mở rộng hoạt động bán hàng.

2007 - 2008 Ký hợp đồng cung cấp khí 25 năm cho Liên hợp thép Hòa Phát và xây dựng nhà máy sản xuất khí công suất giai đoạn 1 là 8.500 Nm³/h tại xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tổng công suất hai giai

đoạn là 16.500 Nm³/h. Vốn pháp định: 8.3 triệu USD và vốn đầu tư là 40 triệu USD

Năm 2009 Bắt đầu khởi công xây nhà máy 8.500 Nm³/h – giai đoạn 1 trong vòng 1 năm.

T2 - 2010 Xây dựng xong nhà máy 8.500 Nm³/h và tiến hành chạy thử

T3 - 2010 Bắt đầu đi vào hoạt động nhà máy công suất 8.500 Nm³/h và 100 tấn lỏng/ ngày để sản xuất oxy, nito và argon.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

- Sản xuất, nhập khẩu, tồn trữ và phân phối khí công nghiệp, nhập khẩu, cung cấp, lắp đặt, tư vấn kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng và bảo hành các thiết bị sử dụng khí công nghiệp có liên quan tới công nghệ cắt hàn.

- Sản xuất các loại khí hỗn hợp, khí y tế, sản xuất khí CO₂ và các loại khí nhiên liệu, khí đặc biệt và khí khác. Tiếp thị và bán các loại khí do doanh nghiệp sản xuất ra.

- Gia công, lắp đặt, vận hành trạm nạp khí, hệ thống điều áp, hệ thống phân phối khí (Chỉ áp dụng loại khí công ty sản xuất)

Sản phẩm của Công ty và nguồn gốc sản phẩm

- Khí O₂, N₂, Ar, CO₂ đóng chai áp lực 150 bars

- Khí bảo vệ hàn, các khí trộn các loại: H₂ trộn Argon, CO₂ trộn Argon, He trộn Argon ... đóng chai áp lực 150 bars

- Các khí khác nhập khẩu từ Trung Quốc và các nguồn khác

- + Khí tinh khiết cao: O₂ - 99.99%, N₂ - 99.999%, Ar - 99.999%

- + Khí hiếm: He, Kr, Ne, Xe

- + Khí sản xuất: CO₂, H₂, NH₃, CO, CH₄, SF₆

- + Khí nhiên liệu: C₂H₂, Propane

- + Khí y tế : O₂, N₂O, He, CO₂, khí khử trùng, các khí trộn cho phòng thí nghiệm

- + Khí phân tích

- + Khí dùng sản xuất đồ điện tử.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình, công ty đã có được rất nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

Thuận lợi

- Messer là một tập đoàn Khí Công Nghiệp lớn mạnh trong các thị

trường chính của Châu Âu và Trung Quốc. Khi thâm nhập vào Việt Nam đã nhanh chóng thích ứng và trở thành sự lựa chọn hàng đầu của khách hàng và người lao động.

- Đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, năng động, luôn nỗ lực hết mình với những sáng tạo mới.

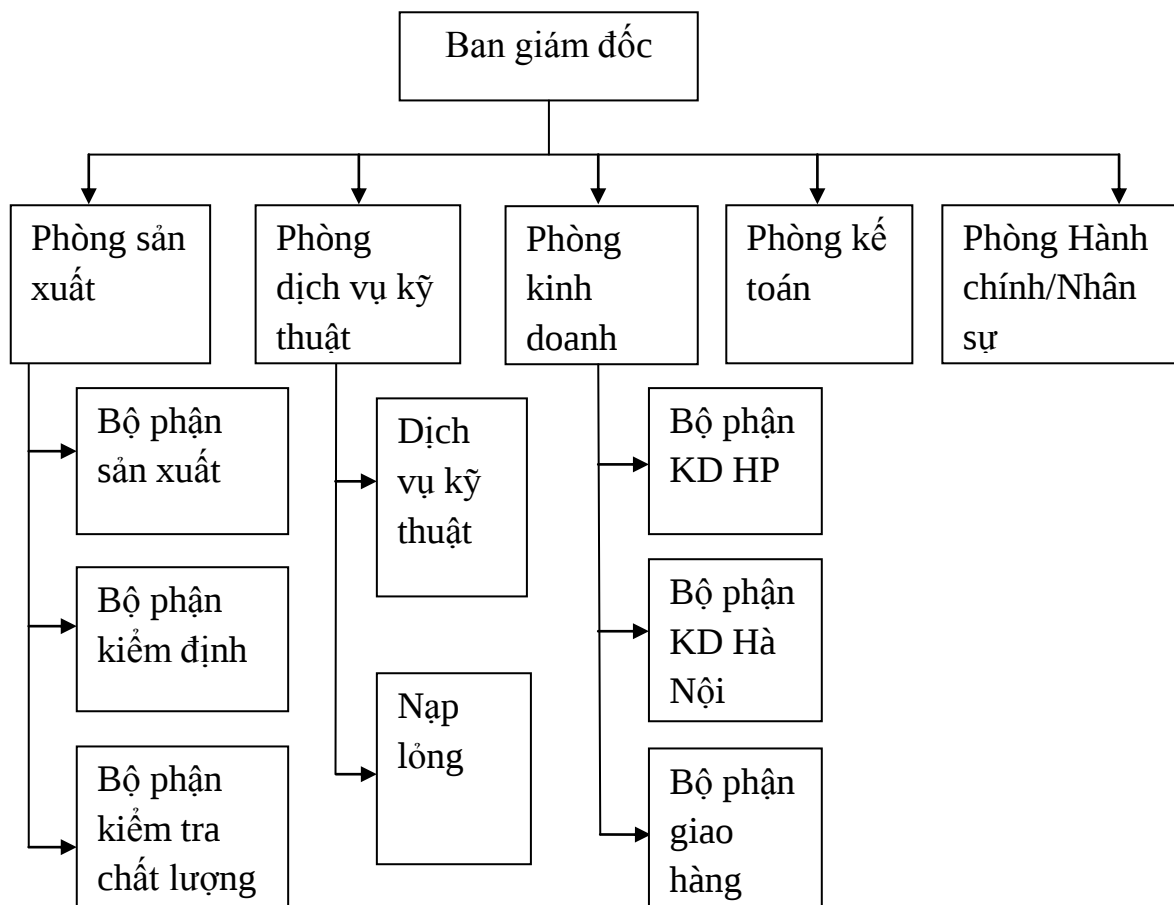
- Trang thiết bị hiện đại, đầy đủ các phương tiện vận tải cần thiết, văn phòng được trang bị đầy đủ máy tính và các phương tiện thông tin liên lạc, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác và công việc của mỗi nhân viên và cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Môi trường làm việc có tính chuyên môn hóa cao khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán cùng với đó là bộ máy quản lý chuyên nghiệp, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát.

Khó khăn: Bên cạnh những thuận lợi có được thì công ty cũng gặp phải không ít khó khăn trong quá trình hoạt động. Ngày càng có thêm nhiều đối thủ cạnh tranh không ngừng chiếm lấy mảng thị trường này.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



- Ban Giám đốc công ty: Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.
- Phòng sản xuất: Tiến hành sản xuất, kiểm định, kiểm tra chất lượng trước khi hoàn tất sản phẩm.
- Phòng dịch vụ kỹ thuật: cung cấp tư vấn hỗ trợ về kỹ thuật.
- Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng, tìm kiếm và thiết lập quan hệ với khách hàng.
- Phòng kế toán: Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.
- Phòng hành chính nhân sự: chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, quản lý chung bảng lương cho các cấp quản trị và nhân viên, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự....

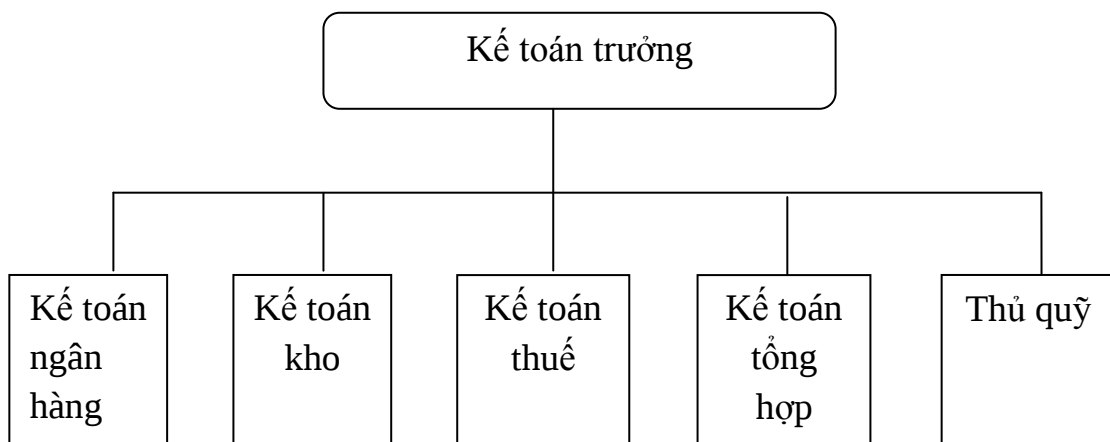
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, sản xuất kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mô hình kế toán của công ty như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty



- Kế toán trưởng: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về

những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.
- Kế toán ngân hàng: Tổng hợp, bao quát tất cả các phần hành liên quan đến giao dịch thuộc ngân hàng của công ty. Bảo quản, lưu trữ và đảm bảo cho các chứng từ, sổ sách thuộc ngân hàng được chính xác, đúng yêu cầu và luật định.
- Kế toán kho: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập xuất tồn....
- Kế toán thuế: Hạch toán các nghiệp vụ chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của công ty.
- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

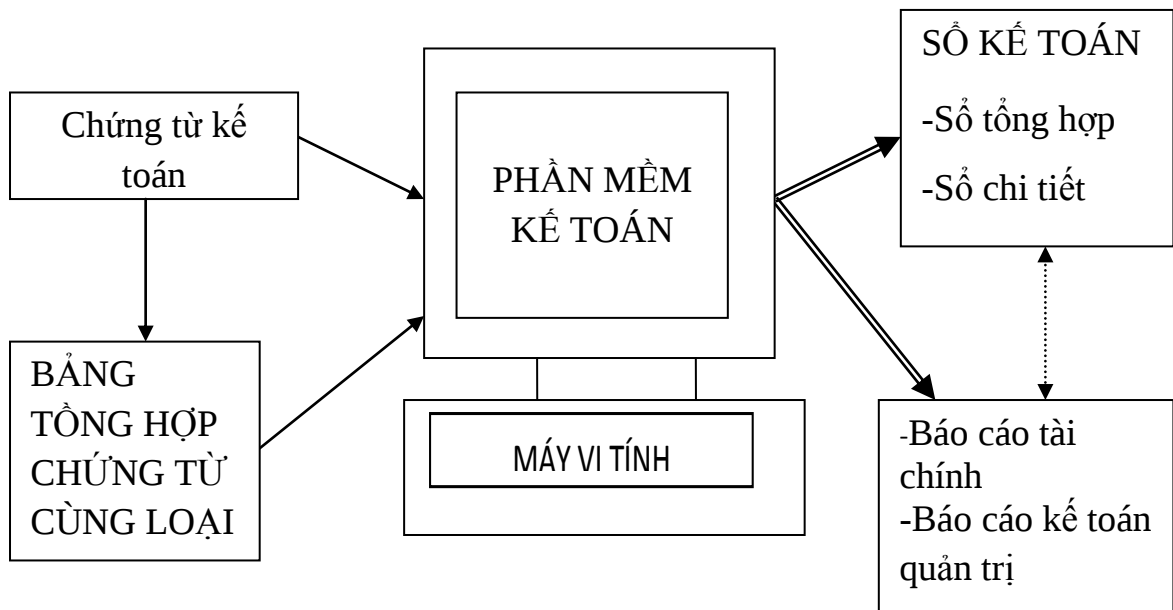
2.1.6.2.Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: Công ty vận dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.
- Phương pháp khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hiện nay công ty sử dụng phần mềm FAST ACCOUNTING 2006 do công ty cổ phần phần mềm FAST cung cấp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm : $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

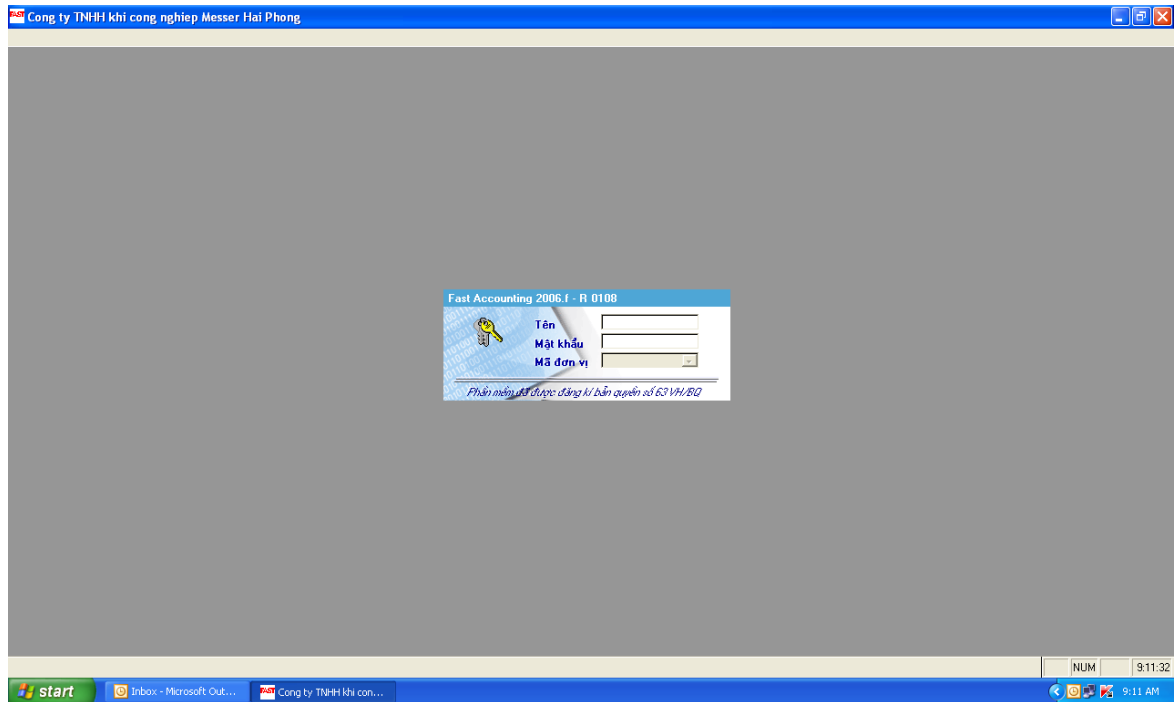
Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trong phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy

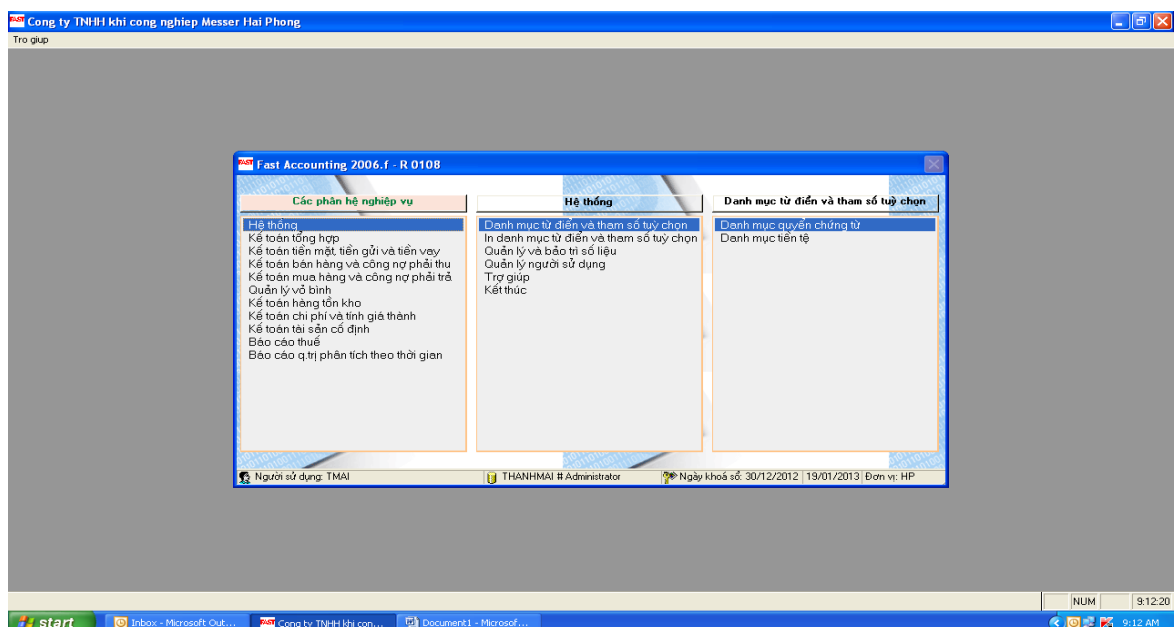
Thực hiện thao tác để in báo cáo tài chính ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán Fast Accounting, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng



Giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

- + TK 5111: Doanh thu bán chai
- + TK 5112: Doanh thu bán bồn
- + TK 5113: Doanh thu khác

Ngoài ra còn các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 131

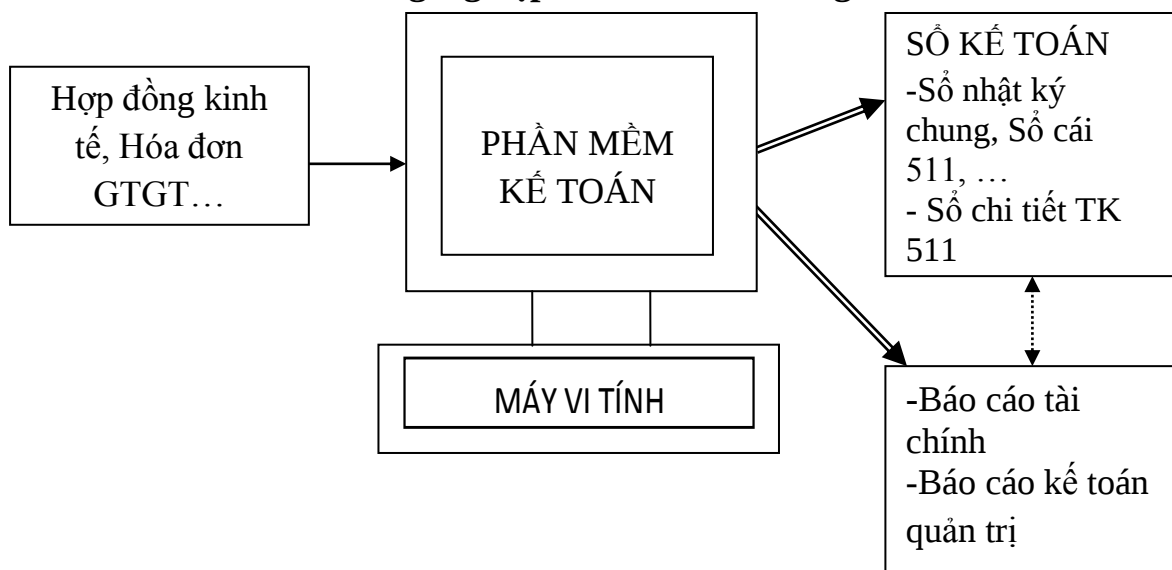
Phương thức bán hàng: Phương thức bán hàng trực tiếp

Hình thức thanh toán

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

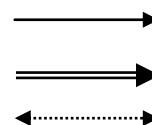


Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày:

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm :

Quan hệ đối chiếu kiểm tra:

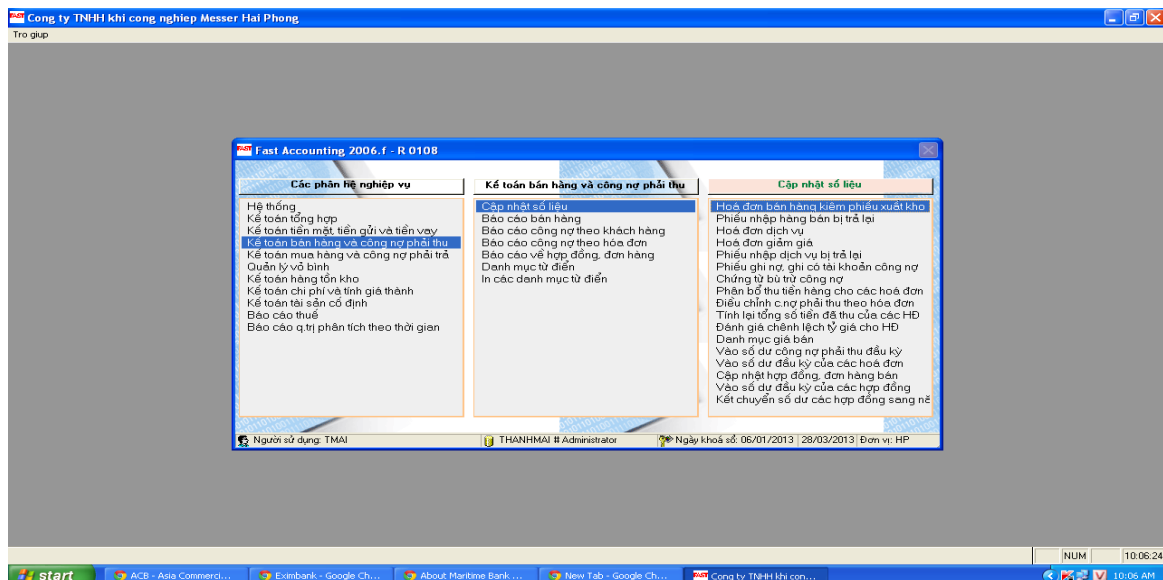


Ví dụ minh họa : Ngày 05/12/2012, công ty xuất bán 95000 kg Ar lỏng cho Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam số tiền (chưa gồm VAT 10%) 99.750.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0001164

																																																	
CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG Thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP Hải Phòng ĐT: 031-3871215 Fax: +84-31-387.1789 Mã số thuế(VAT Cod): 0200134811																																																	
Mẫu số(From No): 01GKT3/001 Ký hiệu(Serial no): ME/12P Số(Number) : 0001164 Ngày(Date) : 05/12/2012																																																	
HÓA ĐƠN (GTGT) INVOICE (VAT) Liên 3: Nội bộ (Internal's Coppy)																																																	
MST Khách hàng (Customer's Tax Code)	0100774342																																																
Mã số Khách hàng (Customer Code)																																																	
Tên và địa chỉ khách hàng (Customer Name & Address)																																																	
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam Trung Giã – Sóc Sơn – Hà Nội																																																	
Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)																																																	
Đơn đặt hàng số(PO Number)																																																	
Phiếu xuất kho (DN NO)																																																	
Hình thức thanh toán: TM/CK (Mode of Payment)																																																	
Thời hạn thanh toán (Credit Term)																																																	
Thông tin tài khoản ngân hàng (Our bank details)																																																	
1.Số TK (Acc. No): 3003826-002 Tại NH (Bank name): Indovina, chi nhánh Hải Phòng																																																	
2.Số TK (Acc. No) : 034.0101.0000634 Tại NH (Bank name): TMCP Hàng Hải, CN Long Biên, Hà Nội																																																	
<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT No</th> <th>Tên hàng hóa dịch vụ Description</th> <th>ĐVT Unit</th> <th>Số lượng Quantity</th> <th>Đơn giá Unit Price</th> <th>Thành tiền Amount</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>01</td> <td>Argon lỏng 5.0 – Xe bồn</td> <td>Kg</td> <td>9.500</td> <td>10.500</td> <td>99.750.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng (Total)</td> <td>99.750.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)</td> <td>9.975.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng thanh toán(Grand Total)</td> <td>109.725.000</td> </tr> </tbody> </table>		STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount	01	Argon lỏng 5.0 – Xe bồn	Kg	9.500	10.500	99.750.000																			Cộng tiền hàng (Total)					99.750.000	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)					9.975.000	Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					109.725.000
STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount																																												
01	Argon lỏng 5.0 – Xe bồn	Kg	9.500	10.500	99.750.000																																												
Cộng tiền hàng (Total)					99.750.000																																												
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)					9.975.000																																												
Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					109.725.000																																												
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.																																																	
Khách hàng (Customer)	Lập hóa đơn (Prepared by)																																																
	Thủ trưởng đơn vị (Director)																																																
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																																																	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001164, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự : Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm FAST ACCOUNTING, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* -> *Cập nhật số liệu* -> *Chọn Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho*.



Chọn “*mới*” để cập nhật số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng. Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, kích chọn “*lưu*” (Đối với cột giá vốn VND, tiền vốn VND máy tính sẽ tự động cập nhật vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho sau khi tính giá trung bình thành phẩm, hàng hóa cuối tháng. Vì vậy khi in ra các sổ sách liên quan, nghiệp vụ ghi nhận giá vốn được phản ánh đồng thời với nghiệp vụ ghi nhận doanh thu).

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Loại hoá đơn: 1

Mã khách: KH2000 City TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Địa chỉ: Trung Giã - Sóc Sơn - Hà Nội

Ng. mua hàng: 0100774342 MST: 0100774342 Số seri: ME/12P

Diễn giải: Xuất 9500kg Argon lỏng

Mã nh (k. ng): 13111 BPKD HN Nhóm hàng

Tỷ giá: VND 1,00

☐ Sửa trường liên ☐ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	SL chai	Đvt 2	Giá chai	KL CL	SL Kg HD	Mã vv	Tồn kho	Số lượng
BLARS08ULKM	Argon lỏng 5.0 - Xe bốn	Kg	KHN	0,00		0,00		1,00	HN		9 500,00

☐ Ct nội bộ ☐ Tính thuế theo giá trước chiết khấu

Số lượng: 9 500,00 Tiền hàng VND: 99 750 000

Mã thuế: 10 10,00% Tk thuế: 13111 / 33311 Tiền ck: Sửa HT thuế: ☐

Cục thuế: Tiền sau ck: 99 750 000 Sửa tiền thuế: ☐

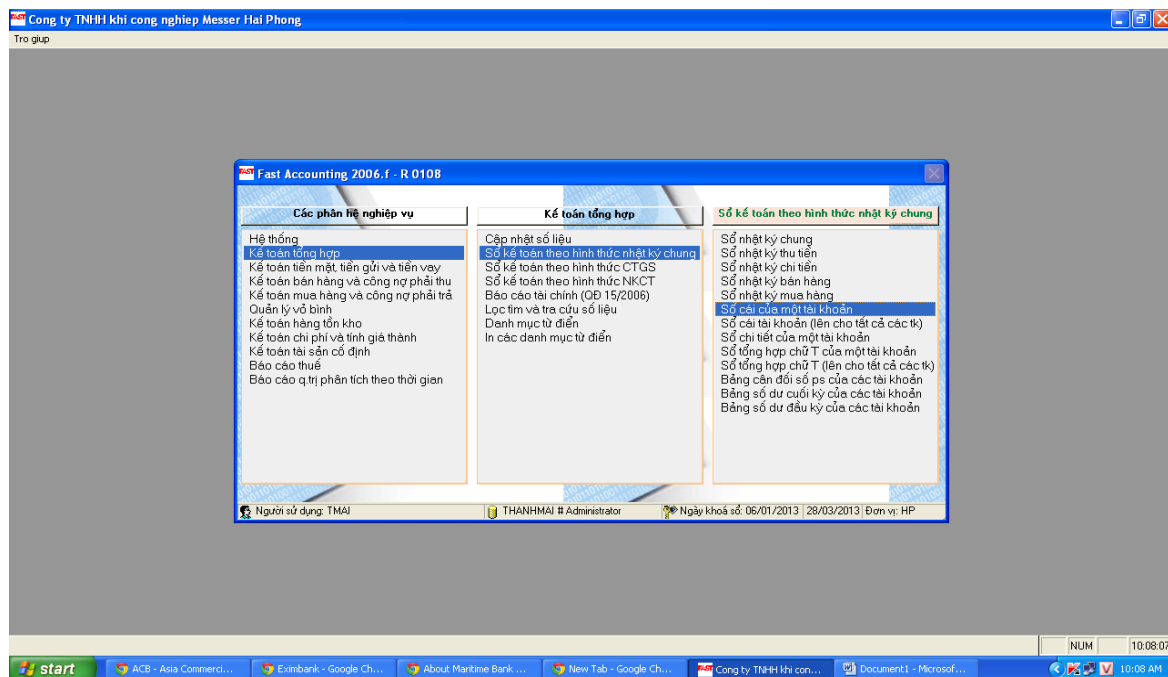
Trạng thái: Đã ghi sổ cái Tiền thuế VND: 9 975 000 Hạn TT: 30

Tổng TT: 109 725 000

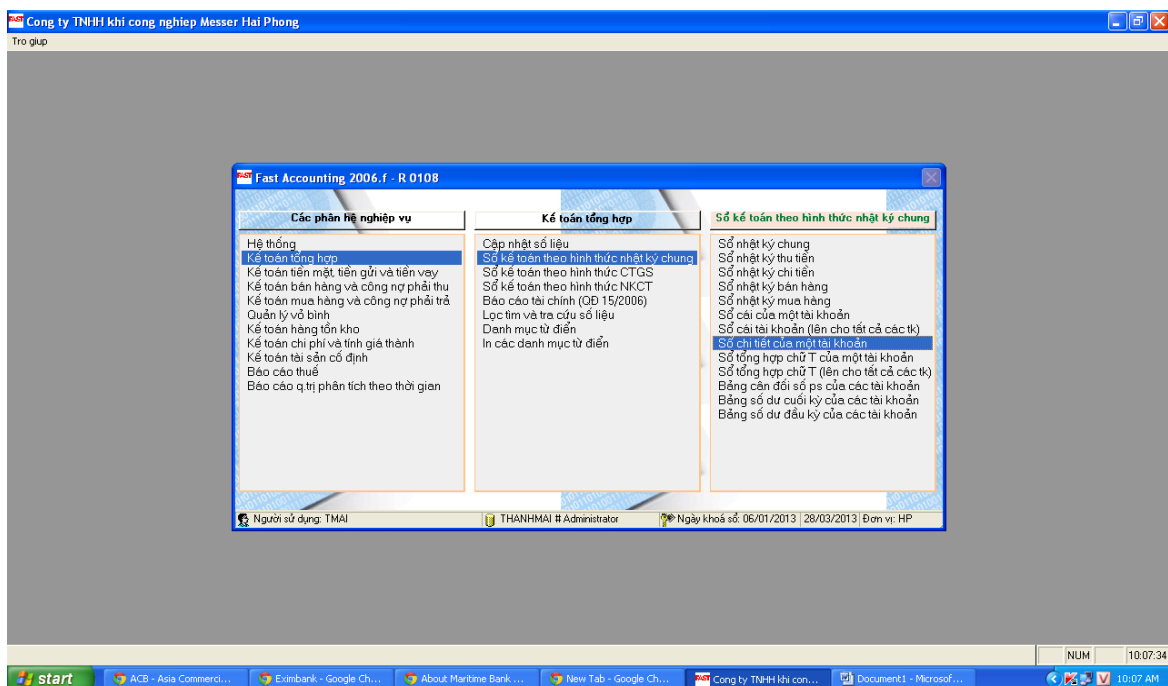
Buttons: Lưu, Mới, Copy, In từ, Sửa, Xóa, Xem, In, Quay ra

Để in Sổ nhật ký chung, chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung* -> *Sổ nhật ký chung*. Tại mục “*Từ ngày đến ngày*” : Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Sau cùng chọn “*nhận*” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

Để in ra sổ cái TK 511, kế toán chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung* -> *Sổ cái của một tài khoản* (TK 511).



Để in ra sổ chi tiết TK 5112, kế toán chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung* -> *Sổ chi tiết của một tài khoản* (TK 5112).



Biểu số 2 : Trích Sổ nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
03/12 /2012	HĐ 19523	Xuất bán 13 Ar (Công ty TNHH Quang Bình)			
		Phải thu khách hàng	13111	1.820.000	
		Doanh thu bán chai	5111		1.820.000
		Phải thu khách hàng	13111	182.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		182.000
		Giá vốn bán chai	6321	1.078.455	
		Thành phẩm	155		1.078.455
...					
05/12 /2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)			
		Phải thu khách hàng	13111	99.750.000	
		Doanh thu bán bồn	5112		99.750.000
		Phải thu khách hàng	13111	9.975.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		9.975.000
		Giá vốn bán bồn	6322	57.100.225	
		Hàng hóa	156		57.100.225
...					
17/12 /2012	PT 93	Thu tiền hàng (XN SX TM Thịnh Vượng)			
		Quỹ Hải Phòng	111110	2.655.400	
		Phải thu khách hàng	13111		2.655.400
17/12 /2012	HĐ 19807	Xuất 1 XL Nito (Công ty TNHH Anpha)			
		Phải thu khách hàng	13111	1.000.000	
		Doanh thu bán bồn	5112		1.000.000
		Phải thu khách hàng	13111	100.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		100.000
		Giá vốn bán bồn	6322	285.779	
		Thành phẩm	155		285.779
...					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3: Trích sổ cái TK 511 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
03/12/ 2012	HĐ 19523	Xuất bán 13 Ar (Công ty TNHH Quang Bình)	13111		1.820.000
...	...				
05/12/ 2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)	13111		99.750.000
.....					
17/12/ 2012	HĐ 1194	Xuất bán 8105 kg Oxy lỏng (Công ty TNHH CN Board Bright Sakura Việt Nam)	13111		118.381.630
.....					
26/12/ 2012	HĐ 1211	Xuất 10170 kg Ar lỏng (Công ty cổ phần Cẩm Hà)	13111		148.482.000
.....	..				
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển DT bán hàng 5111 -> 911	911	18.603.520.926	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển DT bán hàng 5112 -> 911	911	59.949.530.242	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển DT bán hàng 5113 -> 911	911	8.734.444.811	
		Tổng số phát sinh		87.287.495.979	87.287.495.979

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 4: Trích sổ chi tiết TK 5112 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán buôn

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
01/12 /2012	HĐ 875	Xuất 24060 kg Lox (Công ty CP Khí công nghiệp Vinasin)	13111		48.120.000
.....					
01/12 /2012	HĐ 1128	Xuất 8375 kg Ar lỏng, 4030 kg CO2 lỏng (Công ty TNHH Kyoei Việt Nam)	13111		131.281.290
.....					
05/12 /2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)	13111		99.750.000
.....					
17/12 /2012	HĐ 1194	Xuất bán 8105 kg Oxy (Công ty TNHH CN Board Bright Sakura Việt Nam)	13111		118.381.630
.....					
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển DT bán hàng 5112->911	911	59.949.530.242	
		Tổng số phát sinh		59.949.530.242	59.949.530.242

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**+ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

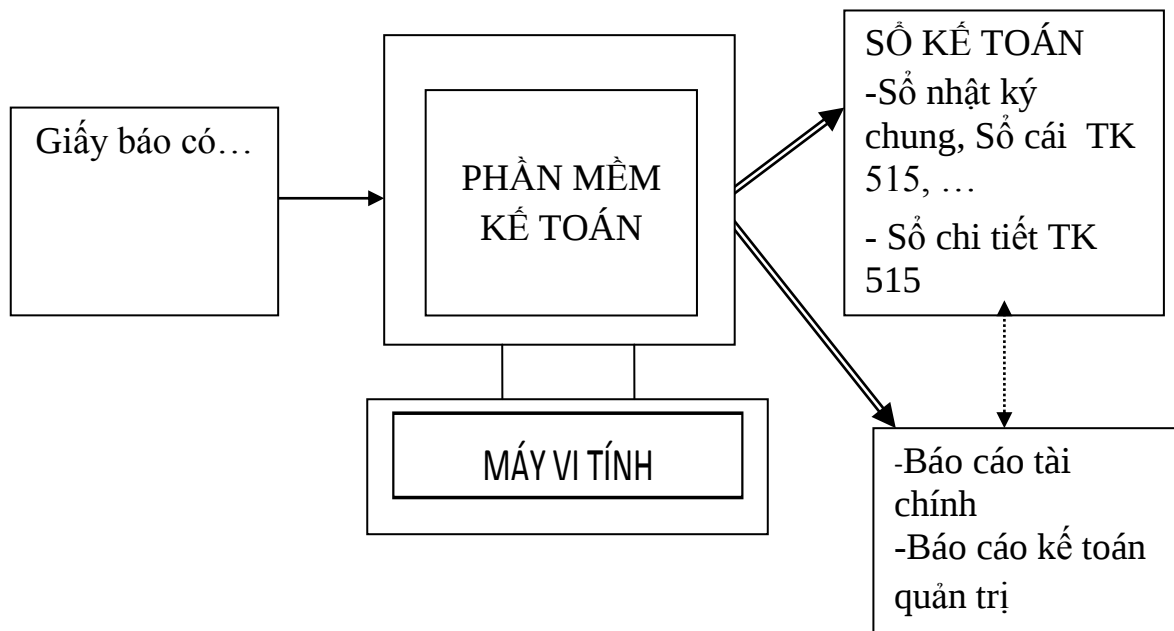
+ Tài khoản sử dụng

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

- + TK 5151: Lãi đánh giá lại ngoại tệ
- + TK 5152: Lãi tiền cho vay, tiền gửi

+ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày: $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm : $\Longrightarrow$

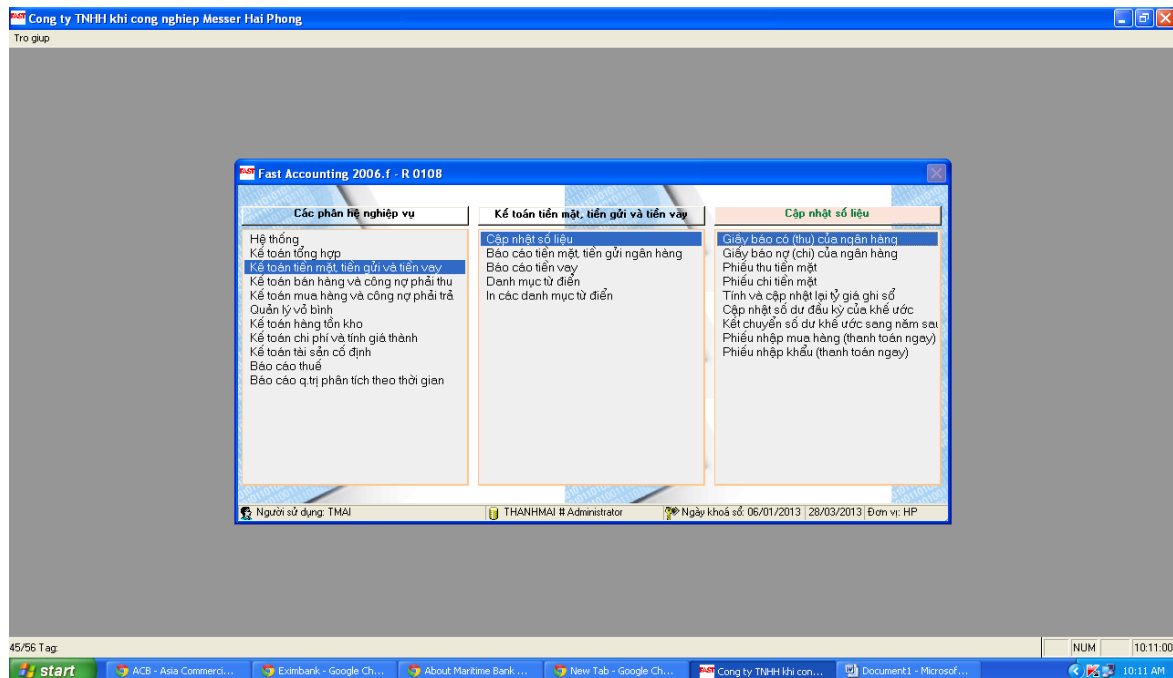
Quan hệ đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Ví dụ minh họa : Ngày 19/12/2012, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng của ngân hàng TMCP Hàng Hải, số tiền 7.500.000 đồng.

Biểu số 5 : Giấy báo có

	GIẤY BÁO CÓ ADVICE OF CREDIT	Liên 2: Giao khách hàng For Customer Số/Seq No: CD1100/6 Ngày/Date: 19/12/2012
Đơn vị/Branch: CN Long Biên MST/ Tax Code: 0200124891-020		
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 000063 4 TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG		KÝ HIỆU CHỨNG TỪ
Kính gửi/To: CTY TNHH KHI CN MESSER HẢI PHÒNG Mã số thuế/Tax Code: 020013481 Người chuyển tiền/Sender: Số TK/Account No: Ngân hàng/Bank:	Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được GHI CỐ như sau: <i>Please note that we have today CREDIT your account with the following entries:</i>	
DIỄN GIẢI / PARTICULAR	SỐ TIỀN/ AMOUNT (VND)	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/ EQUIVALENT
0000003420100009249T- LAI TG CO KY HAN		
Số tiền GHI CỐ/ Credit Amount:	7.500.000	7.500.000
Phí dịch vụ/ Service Charge:	0	0
Thuế GTGT/ VAT:	0	0
Tổng số tiền GHI CỐ/ Total Credit Amount:	7.500.000	7.500.000
NV thực hiện giao dịch/ Teller Người lập/ Prepare by CB kiểm soát giao dịch/ Supervisor Kiểm soát/ Verified by		

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng TMCP Maritime, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* -> *Cập nhật số liệu* -> *Giấy báo có (thu) của ngân hàng* để nhập số liệu vào *Giấy báo có (thu) của ngân hàng* trên phần mềm kế toán máy.



Màn hình giao diện giấy báo có (thu) của ngân hàng

Loại phiếu thu	Mã khách	Địa chỉ	Ng. nộp tiền	Lý do nộp	Tk nợ	Thu chi tiết theo khách hàng	Ngày ht	Ngày lập pt	Quyển số	Số pt	TGGD	VND	Hạn TT
2	S10002	217 Nguyễn Văn Cù - LB - HN		Lãi TK 03420100009249	112120	NH TMCP Hàng Hải - CN Long Biên HN	19/12/2012	19/12/2012	UNT28	618		1,00	0

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc
5152	Lãi tiền cho vay, tiền gửi	7 500 000	Lãi TK 03420100009249	HP

- Số liệu được cập nhật chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, Sổ chi tiết TK 5152.

Biểu số 6: Trích Sổ nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN(Ban hành theo
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....	...				
05/12 /2012	BC 465	Lãi TK 3003826-019			
		Tiền VND gửi ngân hàng Indo	112110	2.250.000	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5152		2.250.000
.....					
17/12 /2012	BC 478	Lãi TK 3003826-023			
		Tiền VND gửi ngân hàng Indo	112110	5.062.500	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5152		5.062.500
.....	...				
19/12 /2012	BC 618	Lãi TK 03420100009249			
		Tiền VND gửi ngân hàng Maritime	112120	7.500.000	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5152		7.500.000
...					
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	5152	398.352.960	
		Kết chuyển DT hoạt động tài chính 5152->911	911		398.352.960
...					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 7: Trích sổ cái TK 515 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
05/12 /2012	BC 465	Lãi TK 3003826 - 019 (Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hải Phòng)	112110		2.250.000
.....	...				
17/12 /2012	BC 478	Lãi TK 3003826 - 023 (Ngân hàng TNHH Indovina-Chi nhánh Hải Phòng)	112110		5.062.500
.....	...				
19/12 /2012	BC 618	Lãi TK 03420100009249 (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên)	112120		7.500.000
.....	..				
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính 5151 -> 911	911	779.272.180	
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính 5152 -> 911	911	398.352.960	
		Tổng số phát sinh		1.177.625.140	1.177.625.140

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 8: Trích sổ chi tiết TK 5152 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 5152 – Lãi tiền cho vay, tiền gửi

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
05/12 /2012	BC 465	Lãi TK 3003826-019 (Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hải Phòng)	112110		2.250.000
.....	...				
19/12 /2012	BC 618	Lãi TK 03420100009249 (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên)	112120		7.500.000
.....	..				
28/12 /2012	BC 649	Lãi TK 03420100009672 (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên)	112120		11.250.000
.....	..				
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính 5152 -> 911	911	398.352.960	
		Tổng số phát sinh		398.352.960	398.352.960

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

+ Chứng từ sử dụng

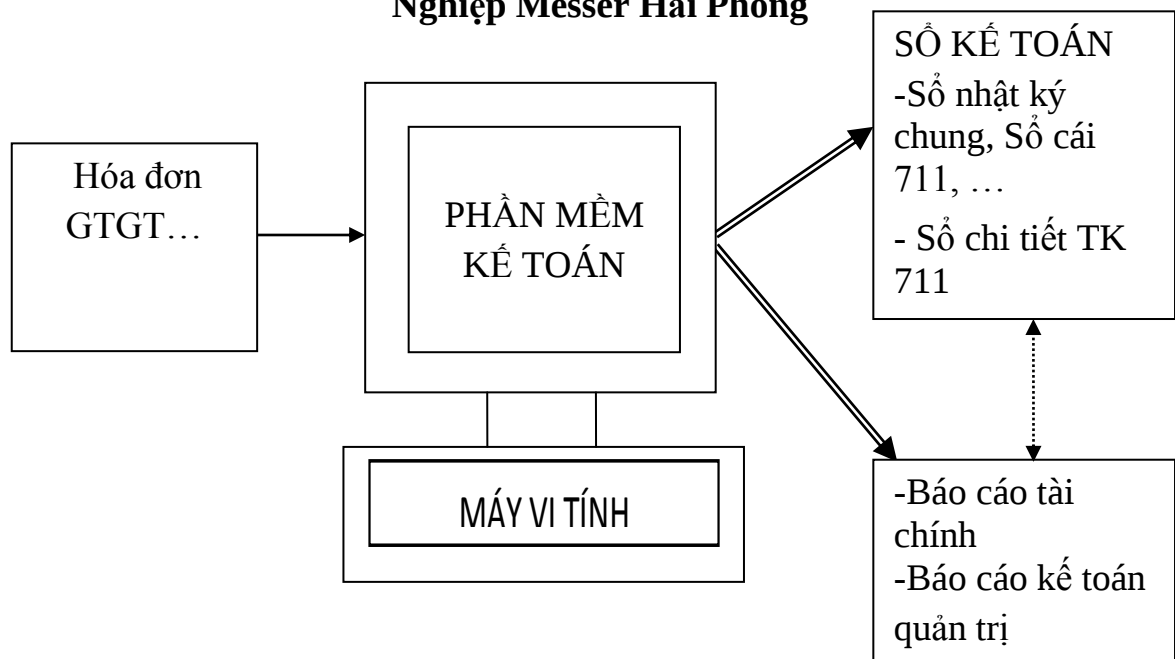
- Phiếu thu
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác liên quan

+ Tài khoản sử dụng

- + TK 7111: Thưởng, Bồi thường
- + TK 7112: Thu nhập khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + TK 7113: Thu nhập khác

+ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm : $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Ví dụ minh họa: Ngày 28/12/2012 Xuất bán 47 vỏ chai khí cho công ty CP LISEMCO 2, số tiền 117.500.000 đồng (chưa gồm VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2012

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty cổ phần Lisemco 2

Đại diện: Ông Nguyễn Đức Thành

Chức vụ: TP tài chính kế toán

Bên B: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Đại diện: Ông Ngô Tùng Lâm

Chức vụ: Giám sát bán hàng

Bà Lương Thị Thanh Chi

Chức vụ: Kế toán

Cùng nhau bàn bạc và thống nhất nội dung như sau:

Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng sẽ xuất hóa đơn GTGT cho công ty CP Lisemco 2 về số vỏ chai là 47 vỏ, trị giá 2.500.000 đồng/ vỏ chưa bao gồm thuế VAT. Tổng số tiền: 129.250.000 đồng.

Công ty cổ phần Lisemco 2 cam kết sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 2 tháng (tháng 1, tháng 2 năm 2013) kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính từ công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.

Biên bản làm việc được lập thành hai bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản.

Đại diện bên A

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 9: Hóa đơn GTGT 0001268

																																																	
CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG Thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP Hải Phòng ĐT: 031-3871215 Fax: +84-31-387.1789 Mã số thuế(VAT Cod): 0200134811																																																	
Mẫu số(From No): 01GTTK3/001 Ký hiệu(Serial no): ME/12P Số(Number) : 0001268 Ngày(Date) : 28/12/2012																																																	
HÓA ĐƠN (GTGT) INVOICE (VAT) Liên 3: Nội bộ (Internal 's copy)																																																	
MST Khách hàng (Customer's Tax Code)	Đơn đặt hàng số (PO Number)																																																
Mã số Khách hàng (Customer Code)	Phiếu xuất kho (DN NO)																																																
Tên và địa chỉ khách hàng (Customer Name & Address)	Hình thức thanh toán: TM/CK (Mode of Payment)																																																
Công ty cổ phần LISEMCO 2 Km 35, Quốc lộ 16, Quán Toan, An Lão	Thời hạn thanh toán (Credit Term)																																																
Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)	Thông tin tài khoản ngân hàng(Our bank details) 1.Số TK (Acc. No): 3003826-002 Tại NH (Bank name): Indovina, chi nhánh Hải Phòng 2.Số TK (Acc. No) : 034.0101.0000634 Tại NH (Bank name): TMCP Hàng Hải, CN Long Biên, Hà Nội																																																
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT No</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hóa dịch vụ Description</th> <th style="width: 8%;">ĐVT Unit</th> <th style="width: 12%;">Số lượng Quantity</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá Unit Price</th> <th style="width: 22%;">Thành tiền Amount</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>01</td> <td>Vỏ chai</td> <td>Chiếc</td> <td>47</td> <td>2.500.000</td> <td>117.500.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng (Total)</td> <td>117.500.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)</td> <td>11.750.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng thanh toán(Grand Total)</td> <td>129.250.000</td> </tr> </tbody> </table>		STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount	01	Vỏ chai	Chiếc	47	2.500.000	117.500.000																			Cộng tiền hàng (Total)					117.500.000	Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)					11.750.000	Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					129.250.000
STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount																																												
01	Vỏ chai	Chiếc	47	2.500.000	117.500.000																																												
Cộng tiền hàng (Total)					117.500.000																																												
Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10% Tiền thuế VAT(VAT amount)					11.750.000																																												
Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					129.250.000																																												
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm hai mươi chín triệu, hai trăm lăm mươi ngàn đồng.																																																	
Khách hàng (Customer)	Lập hóa đơn (Prepared by)																																																
Thủ trưởng đơn vị (Director)																																																	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																																																	

Căn cứ vào hóa đơn số 0001268, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

Kế toán vào phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* -> *Cập nhật số liệu* -> *Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho* để nhập số liệu từ hóa đơn GTGT.

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Thông tin hóa đơn:

- Loại hoá đơn: 1
- Mã khách: 103015
- Địa chỉ: KM35 QL10 - Quốc Tuấn - An Lão - HP
- Ng. mua hàng: MST 0200786383
- Diễn giải: Xuất bán 47 vỏ chai khí
- Mã rx (tk. ng): 13111
- Ngày ht: 28/12/2012
- Ngày lập ct: 28/12/2012
- Quyển số: HDB05
- Số seri: ME/12P
- Số hd: 1268
- Tỷ giá: VND
- Tỷ giá: 1.00

Thông tin khách hàng: Công ty CP LISEMCO 2

Thông tin thuế: F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	SL chai	Đvt 2	Giá chai	KL CLạch	SL Kg HD	Mã vv	Tồn kho	Số lượng	bán
V0	Vỏ chai 41 lít- Tài sản cố định	Chiec	KCT	47.00		2500000.00	0.00	1.00	HP		47.00	0.00

Chi tiết tính toán:

- Số lượng: 47.00
- Tiền hàng VND: 117 500 000
- Mã thuế: 10
- 10.00% Tk thuế: 13111 / 33311
- Tiền ck: 117 500 000
- Cục thuế: 11 750 000
- Tiền thuế VND: 11 750 000
- Tổng TT: 129 250 000
- Hạn TT: 30

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Nút chức năng: Lưu, Mũi, Copy, In cũ, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Quay ra

Footer: 10/25 Diễn giải: Xuất bán 47 vỏ chai khí, NUM, 10:42:13

- Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách liên quan: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 711, Sổ chi tiết TK 7112.

Biểu số 10: Trích sổ Nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
04/12 /2012	UNC 585	Trả tiền sửa biến áp (Công ty TNHH Nam Dương)			
		Phải trả người bán	3311	35.216.000	
		Tiền VND gửi NH Indo	112110		35.216.000
.....					
18/12 /2012	PKT 4	Phí quản lý T12.2012 (Công ty TNHH Khí CN Messer Việt Nam)			
		Phải thu khách hàng nội bộ	13112	6.941.880	
		Thu nhập khác	7113		6.310.800
		Thuế GTGT phải nộp	33311		631.080
.....					
20/12 /2012	HĐ 1202	Xuất bán vỏ bình (Công ty CP Cryotech Việt Nam)			
		Phải thu khách hàng	13111	272.727.000	
		Thu nhập khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7112		272.727.000
		Phải thu khách hàng	13111	27.273.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		27.273.000
.....					
28/12 /2012	HĐ 1268	Xuất bán 47 vỏ chai khí (Công ty CP LISEMCO 2)			
		Phải thu khách hàng	13111	117.500.000	
		Thu nhập khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7112		117.500.000
		Phải thu khách hàng	13111	11.750.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		11.750.000
....	...				
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 11: Trích sổ cái TK 711 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/12 /2012	HĐ 1110	Xuất bán 12 vỏ chai (Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo)	13111		31.800.000
.....					
16/12 /2012	BC 615	Thanh lý ô tô tải 16 LD – 0473 (Công ty TNHH MVT Vận Tải Biển Nam Triệu)	112120		47.727.273
.....					
18/12 /2012	HĐ 1202	Xuất bán vỏ bình (Công ty CP Cryotech Việt Nam)	13111		272.727.000
18/12 /2012	PKT 4	Phí quản lý T12.2012 (Công ty TNHH Khí CN Messer Việt Nam)	13112		6.310.800
.....					
28/12 /2012	HĐ 1268	Xuất bán 47 vỏ chai khí (Công ty CP LISEMCO2)	13111		117.500.000
.....	..				
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển thu nhập khác 7111->911	911	89.722.885	
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển thu nhập khác 7112->911	911	992.545.216	
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển thu nhập khác 7113->911	911	84.644.474	
		Tổng số phát sinh		1.166.912.575	1.166.912.575

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 12: Trích sổ chi tiết TK 7112 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 7112 – Thu nhập khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
01/12 /2012	HĐ 1110	Xuất bán 12 vỏ chai (Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo)	13111		31.800.000
.....					
16/12 /2012	BC 615	Thanh lý ô tô tải 16 LD – 0473 (Công ty TNHH MVT Vận Tải Biển Nam Triệu)	112120		47.727.273
.....					
20/12 /2012	HĐ 1202	Xuất bán vỏ bình (Công ty CP Cryotech Việt Nam)	13111		272.727.000
.....					
28/12 /2012	HĐ 1268	Xuất bán 47 vỏ chai khí (Công ty CP LISEMCO 2)	13111		117.500.000
.....	..				
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển thu nhập khác 7112->911	911	992.545.216	
		Tổng số phát sinh		992.545.216	992.545.216

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng), nên giá vốn được tính vào cuối tháng và phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ liên quan.

Tài khoản sử dụng:

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

- + TK 6321: Giá vốn bán chai
- + TK 6322: Giá vốn bán bồn
- + TK 6323: Giá vốn khác

Ví dụ minh họa: Ngày 05/12/2012, công ty xuất bán 9500kg Ar lỏng cho Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam số tiền (chưa gồm VAT 10%) 99.750.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán.

Ví dụ mục 2.2.1.1 - Kế toán doanh thu bán hàng

Sau khi nhập đầy đủ thông tin từ hóa đơn GTGT 0001164 vào hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho. Kế toán chọn “in chứng từ” để tiến hành in phiếu xuất kho

Biểu số 13: Phiếu xuất kho

Số seri: ME/12P

PHIẾU XUẤT KHO



Số phiếu: 1164

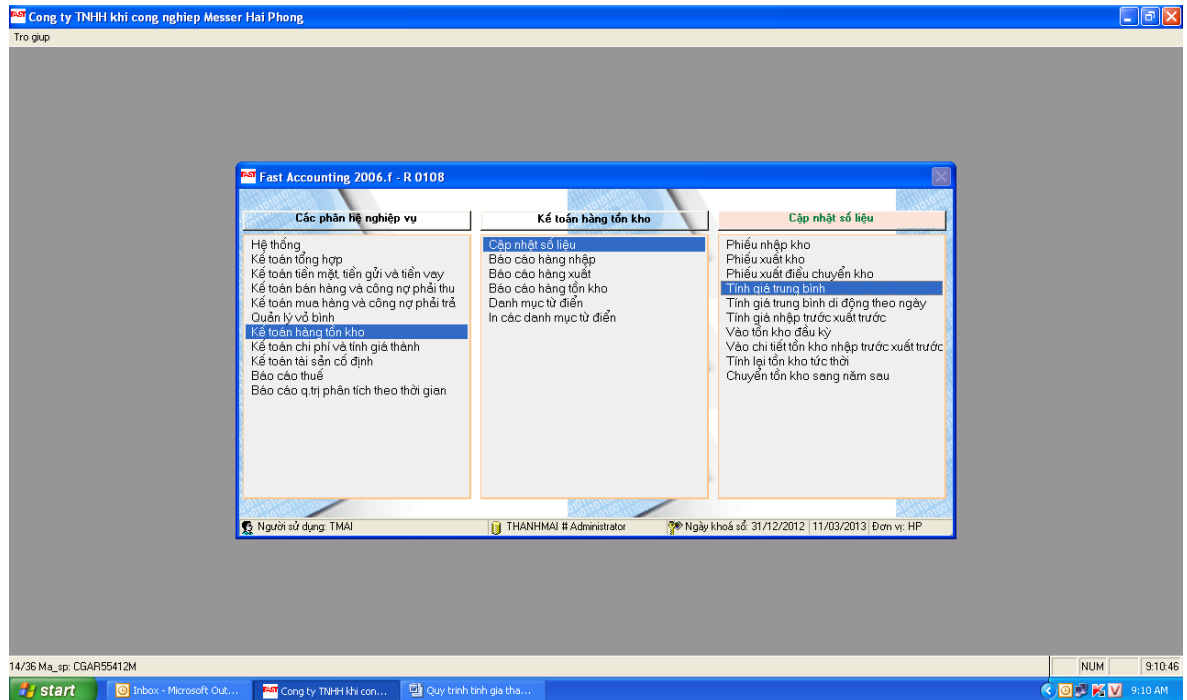
Ngày 05 tháng 12 năm 2012

MESSER HAIPHONG

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng					
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng					
Điện thoại: MST: 0200134811					
Họ tên người mua hàng: 0100774342					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam					
Địa chỉ: Trung Giã – Sóc Sơn – Hà Nội					
Hình thức thanh toán: MST: 0200578140					
ST T	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Tính chất	ĐVT	Số lượng
1	BLAR50BULKM	Argon lỏng 5.0 – Xe bồn	Xuất bán	kg	9.500
Tổng số					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)	
				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Vào ngày 31/12/2012, kế toán tính giá trung bình của từng nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa trên phần mềm kế toán FAST.

Trong ví dụ minh họa này, phần mềm sẽ tính giá trung bình Argon lỏng 5.0 tại tháng 12/2012. Kế toán vào phân hệ *Kế toán hàng tồn kho* -> *Cập nhật số liệu* -> *Tính giá trung bình*.



Khi đó sẽ xuất hiện hộp thoại, kế toán nhập tháng cần tính giá trung bình (Từ T12/2012 đến T12/2012), tên vật tư (BLAR50BULKM).

Sau đó, kích vào “nhận” để chương trình thực hiện tính giá trung bình và tự động phản ánh phần giá vốn hàng bán vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho số 0001164 lập vào ngày 05/12/2012. Khi đó các số liệu của “giá vốn VND và tiền vốn VND” ở hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho ngày 05/12/2012 sẽ tự động chuyển tới sổ sách liên quan đến nghiệp vụ ghi nhận giá vốn: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK 6322.

Biểu số 14: Trích sổ Nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN(Ban hành theo
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
05/12/2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)			
		Phải thu khách hàng	13111	99.750.000	
		Doanh thu bán vốn	5112		99.750.000
		Phải thu khách hàng	13111	9.975.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		9.975.000
		Giá vốn bán vốn	6322	57.100.225	
		Hàng hóa	156		57.100.225
.....					
10/12/2012	BC 471	Nộp tiền hàng (Nội thất Hoàng Mai)			
		Tiền VND gửi NH Indo	112110	1.409.000	
		Phải thu khách hàng	13111		1.409.000
.....					
22/12/2012	HĐ 19941	30 Oxy (Tổng Cty lắp máy Việt Nam-CN Lilama Hải Dương)			
		Phải thu khách hàng	13111	3.300.000	
		Doanh thu bán chai	5111		3.300.000
		Phải thu khách hàng	13111	330.000	
		Thuế GTGT phải nộp	33311		330.000
		Giá vốn bán chai	6321	1.732.093	
		Thành phẩm	155		1.732.093
....	...				
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	37.853.401.580	
		Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322 ->911	6322		37.853.401.580
....	...				
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 15: Trích sổ cái TK 632 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....			...		
05/12/ 2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)	156	57.100.225	
.....					
12/12/ 2012	HĐ 1187	Xuất bán Ar mix H2, 1050 kg Ar XL45 (Công ty TNHH Tae yang Việt Nam)	155	8.280.777	
.....	..		...		
17/12/ 2012	HĐ 1194	Xuất bán 8105 kg Oxy lỏng (Công ty TNHH CN Board Bright Sakura Việt Nam)	156	48.715.508	
.....					
26/12/ 2012	HĐ 1211	Xuất 10170 kg Ar lỏng (Công ty cổ phần Cẩm Hà)	156	61.127.294	
.....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->911	911		12.750.616.194
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322->911	911		37.853.401.580
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6323->911	911		5.168.822.214
		Tổng số phát sinh		55.772.839.988	55.772.839.988

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 16: Trích sổ chi tiết TK 6322 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 6322 – Giá vốn bán buôn

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....			...		
05/12 /2012	HĐ 1164	Xuất 9500 kg Ar lỏng (Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam)	156	57.100.225	
.....					
11/12 /2012	HĐ 19683	Xuất 1 XL Ar (Công ty TNHH chế tạo máy EBA)	155	1.656.155	
.....					
17/12 /2012	HĐ 1194	Xuất bán 8105 kg Oxy (Công ty TNHH CN Board Bright Sakura Việt Nam)	156	48.715.508	
.....					
26/12 /2012	HĐ 1211	Xuất 10170 kg Ar lỏng (Công ty CP Cẩm Hà)	156	61.127.294	
.....					
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322->911	911		37.853.401.580
		Tổng số phát sinh		37.853.401.580	37.853.401.580

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

+ Chứng từ sử dụng:

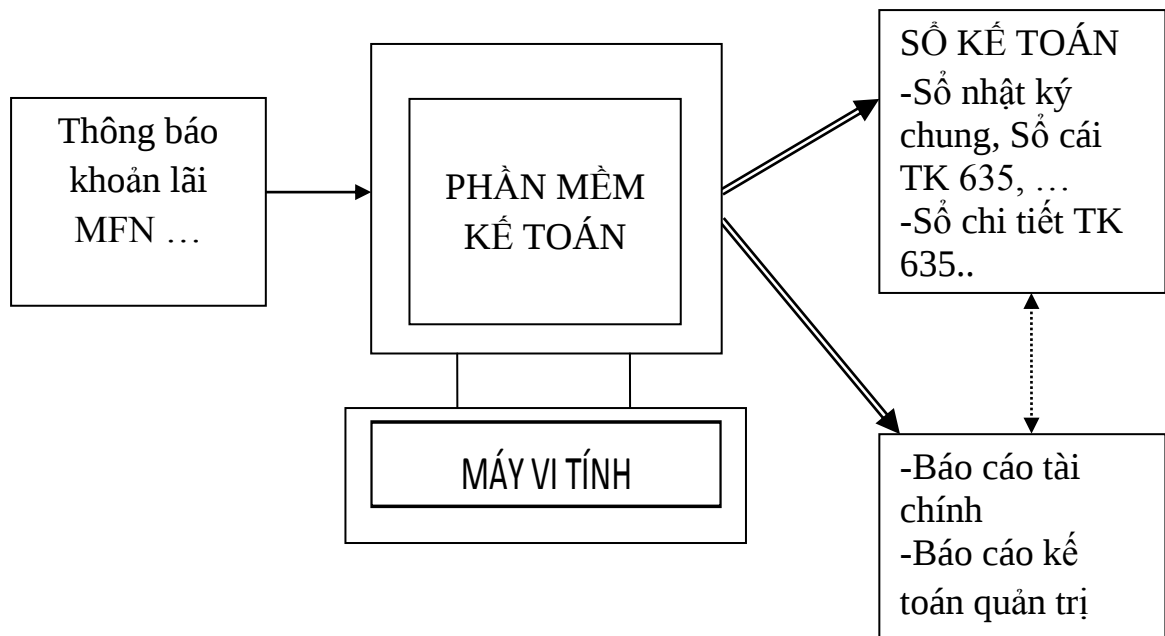
- Giấy báo nợ
- Thông báo khoản lãi MFN
- Các chứng từ khác liên quan

+ Tài khoản sử dụng

- TK 635: “Chi phí tài chính”
- + TK 6351: Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại
- + TK 6352: Chi phí lãi vay

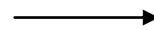
+ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng



Ghi chú:

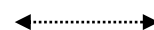
Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm :



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Ví dụ 1: Ngày 30/12/2012 công ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng tiến hành xác định lãi vay T12.2012 phải trả cho Messer Finance.

Ngày 21/12/2012 Messer Finance gửi giấy xác nhận về số tiền còn nợ, lãi suất tập đoàn quy định, khoản lãi phải trả tháng 12 năm 2012.

Biểu số 17: Thông báo khoản lãi MFN

MESSER 		Account statement Intercompany Term Loan				
		Period: 01.12.2012 until 31.12.2012			Printout	21.12.2012
Dealer: MFINANCE Messer Finance s. A. 51, avenue de la Gare 1611 Luxembourg		Partner VN-2661 Messer Haiphong Industrial Gases An Duong Ward, An Hai District Haiphong City, Vietnam Vietnam			Tan-No Loan amount Currency term begin term end criterion A criterion B	20110025 1.400.000 USD 01.09.2011 02.08.2015
Interest statement Messer HP Industrial gases						
Date		Interest rate	Days	Interest	Redemption	Amounting Outstanding
From	Till					
01.12.2012	19.12.2012	1,73580	19	-824,51		-900.000
20.12.2012	20.12.2012	1,73580			500.000	-400.000
20.12.2012	31.12.2012	1,73580	12	-231,44		-400.000
Sum			31	-1.055,95	500.000	
Oustanding amount					31.12.2012	-400.000
R.C.Luxembough no B81.804						

Ngày 30/12/2012 căn cứ vào số tiền vay trong hợp đồng cho vay và thông báo xác nhận của Messer Finance gửi cho công ty, kế toán tiến hành kiểm tra và xác định lãi vay phải trả tháng 12/2012

STT/ No	Từ/From	Đến/To	Gốc vay/ Principal loan (USD)	Lãi suất /Interest rate (libor)	Khoản lãi/ Interest amount (USD)	Lãi vay phải trả MFN/ Payable MFN (USD)	Thuế nhà thầu /Holding tax Interest (USD)	Số tiền lãi xác nhận / Interest amount Check (USD)
1	01/12/2012	19/12/2012	900.000	1,73580%	824,51	824,51	43,40	824,51
2	20/12/2012	31/12/2012	400.000	1,73580%	231,44	231,44	12,18	231,44
Tổng/ Total					1.055,95	1.055,95	55,58	1.055,95

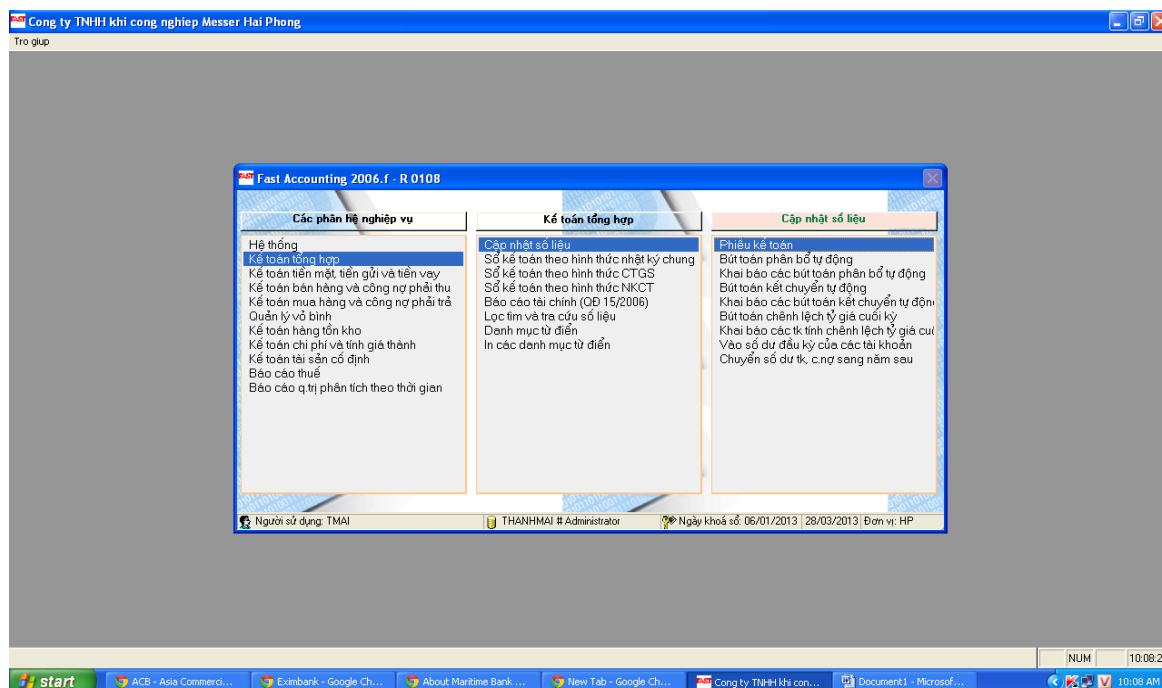
Ending USD Exchange rate	TK 6352 - Chi phí lãi vay	TK 3312- Messer Finance	TK 3338- Thuế nhà thầu
	1.111,53	1.055,95	55,58
	23.180.881	22.021.837	1.159.044

(1USD = 20.855)

$$\begin{aligned}
 & \bullet \text{ Khoản lãi phải trả} = \frac{\text{Gốc vay} \times \text{Lãi suất}}{360} \times \text{Số ngày vay} \\
 & + \text{ Từ ngày 01/12/2012 đến 19/12/2012 :} \\
 & \text{Khoản lãi phải trả} = \frac{900.000 \times 1,73580 \%}{360} \times 19 = 824,51 \\
 & + \text{ Từ ngày 20/12/2012 đến 31/12/2012} \\
 & \text{Khoản lãi phải trả} = \frac{400.000 \times 1,73580 \%}{360} \times 12 = 231,44
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & \bullet \text{ Thuế nhà thầu} = \frac{\text{Lãi vay phải trả}}{1- 5\%} \times 5\% \\
 & + \text{ Từ ngày 01/12/2012 đến 19/12/2012} \\
 & \text{Thuế nhà thầu} = \frac{824,51}{1- 5\%} \times 5\% = 43,4 \\
 & + \text{ Từ ngày 20/12/2012 đến 31/12/2012} \\
 & \text{Thuế nhà thầu} = \frac{231,44}{1- 5\%} \times 5\% = 12,18
 \end{aligned}$$

Sau khi xác định được lãi vay phải trả tháng 12/2012 cho Messer Finance, kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán*.



Kế toán chọn “*mới*” để cập nhật số liệu vào phiếu kế toán, tại ô tỷ giá kế toán chọn ngoại tệ USD. Tại ngày hạch toán tỷ giá 1USD = 20.855 VND.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

T.K	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	P. nợ USD	P. có USD	Diễn giải
6352	Chi phí lãi vay			1 111,53	0,00	Lãi vay T12.12
3312	Phản trả người bán - Messer Co.	S10043	Messer Finance	0,00	1 055,95	Lãi vay T12.12
3338	Các loại thuế khác	S10043	Messer Finance	0,00	95,58	Lãi vay T12.12

Sau khi nhập xong, kế toán chọn “*Lưu*” các số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 6352.

Ví dụ 2: Cuối năm ngày 31/12/2012 kế toán tiến hành đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm của ngoại tệ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính ngày 31/12, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tại ngày 31/12/2012: 1USD= 20.828VND.

Căn cứ vào bảng tổng hợp số dư ngoại tệ tại ngân hàng, tổng hợp số dư công nợ phải trả gốc ngoại tệ, Sổ chi tiết ngân hàng có gốc ngoại tệ. Kế toán lấy số liệu và tiến hành đánh giá lại số dư ngoại tệ ngày 31/12 bằng cách thủ công. Sau đó cập nhật vào *phiếu kế toán*. Phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635.

Để xác định số dư ngoại tệ theo nhà cung cấp, kế toán vào phân hệ *Kế toán mua hàng và công nợ phải trả* -> *Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp* -> *Bảng tổng hợp số dư công nợ cuối kỳ*.

Cong ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Tro giúp

Auto HP Latest P2051

Bảng tổng hợp số dư công nợ cuối kỳ: Tk 331. F7 - In, F10 - Tủy chọn, Esc - Quay ra

Số	Mã_kh	Tên_kh	Du_no_nt	Du_co_nt	Du_no	Du_co
		Tổng cộng	50 740,39	415 976,78	1 513 905 019	10 277 661 307
1	S23059	Audiologic Ltd		2 785,00		58 005 980
2	S23051	Beijing Tianhai Cryogenic Equipment Co., Ltd		24 998,50		520 668 758
3	S220028	Chi cục HỒCK Lào Cai			1 830 940	
4	S22015	Chinhnhac Công ty TNHH kiểm toán VACO				46 000 000
5	S22021	CN Cty TNHH MTV DV LH Saigon Tourist				33 152 000
6	S19026	Cryostar Singapore PTE LTD		11 484,50		239 199 166
7	109125	Cty CP Taxi Phương Anh			1 000 000	
8	S29012	Cty CP Cryotech Việt Nam				6 380 000
9	S24001	Cty CP Hải Dương		828,12		647 153 000
10	108048	Cty TNHH Air Liquide Việt Nam				83 556 000
11	S220032	Cty TNHH in và SX bao bì Tân Lạc Việt				2 200 000
12	S220197	Cty TNHH Thiết kế Apollonet			178 200	
13	S10044	Cty TNHH Thành An			7 300 000	
14	S19011	Cty TNHH TM Kỹ thuật Hải Quang				7 612 000
15	S19123	Cty TNHH TM và DV XNK Sinh Thịnh				28 752 900
16	S110087	Cty Xăng Dầu KV III			288	
17	S23016	Công ty CP Tư vấn thiết kế Đình Xây dựng			434 722 727	
18	S1005	Công ty CP bảo hiểm PVIICO - Chi nhánh Hải Phòng				2 520 430
19	S21002	Công ty CP Khí CN Việt Nam (Thanh gas)				12 771 000
20	S11036	Công ty CP Kỹ thuật - Công nghệ Hoàng Li				1 865 000
21	S29025	Công ty CP Quảng cáo truyền thông Thăng				950
22	S22007	Công ty CP Taxi Hà Nội			1 000 000	
23	S28003	Công ty CP Thép Hùng Cường				79 717 000
24	S21003	Công ty CP CN Dầu Thủy Ngõ Quyền				8 973 451
25	S21021	Công ty CPTM Khí Công Nghiệp Cao Ngụy				412 898 200
26	S330088	Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vực				13 932 600
27	S21001	Công ty Khí CN Kunming		20 425,00		425 411 900
28	S22003	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - CN Hải Phòng		2 500,00		
29	S11039	Công ty TNHH MTV Thịnh Vương				488 152 500
30	S22018	Công ty TNHH Phát triển Hoa Ngọc		34,28		720 000
31	S10070	Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Hải Phòng				87 672 700

36/60 Du_co_nt

NUM 9:53:07

Xác định chênh lệch tỷ giá
Theo tỷ giá liên ngân hàng

STT	Đối tượng	Đã hạch toán				Tỷ giá 31/12/2012		Chênh lệch điều chỉnh	TK Nợ	TK Có
		EUR	USD	Tỷ giá	VND	Tỷ giá	VND	VND		
1	Tiền ngoại tệ tại Indo 112210		1.705,2	20.349	34.699.217	20.828	35.515.906	816.689	112	413
2	Ngoại tệ Martime - TK current 112220		466,84	20.799	9.709.792	20.828	9.723.344	13.552	112	413
3	Ngoại tệ Deucher - TK current 112231		57.255,26	20.876	1.195.251.362	20.828	1.192.512.555	(2.738.807)	413	112
4	Audiologic Ltd		2.785	20.134	56.073.190	20.828	58.005.980	(1.932.790)	413	331
5	Beijing Tianhai Cryogenic Equipment Co.,Ltd		24.998,5	19.734	493.318.158	20.828	520.668.758	(27.350.600)	413	331
6	Cryostar Singapore PTE LTD		11.484,5	20.870	239.681.515	20.828	239.199.166	482.349	331	413
7	Công ty khí CN Kunming		20.425	20.870	426.270.700	20.828	425.411.900	858.800	331	413
8	Hangzhou Heyi M & Engineering Co., Ltd		4.589,93	20.887	95.869.293	20.828	95.599.062	270.231	331	413
9	Messer Finance		295.539,85	18.619	5.502.628.071	20.828	6.155.503.996	(652.875.925)	413	331
10	Sichuan		3.370,8	20.432	68.872.186	20.828	70.207.022	(1.334.836)	413	331
11	Spectron Gas Control Systems GmbH	5.306,8		26.681	141.588.767	27.755	147.290.234	(5.701.467)	413	331
12	Thermco Instrument Corporation		11.180	20.875	233.382.500	20.828	232.857.040	525.460	331	413
13	Messer Finance Co		400.000	20.716	8.286.500.000	20.828	8.331.200.000	(44,700,000)	413	341
	Tổng cộng							(733,667,344)		

Sau khi xác định được chênh lệch tỷ giá cuối năm, kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Cong ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Tro giúp

Phiếu kế toán

Ngày ht: 31/12/2012 Ngày lập từ: 31/12/2012

Quyển số: PKT1410 Số từ: 25

Diễn giải chung: Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012 Tỷ giá: VND 1.00

Hạch toán: HĐ thuế F4/F8-Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + < / > qua trang trái/phải

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
6351	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại			733 667 344	0	Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012
4131	Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại			0	733 667 344	Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012

☐ Sửa trường tiền ☐ Q nội bộ

733 667 344 733 667 344

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu Mới Copy In từ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

5/5 Diễn giải: Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012 NUM 9:51:51

Biểu số 18: Trích sổ Nhật ký chung năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
30/12/2012	PKT 6	Lãi vay T12.2012 (Messer Finance)			
		Chi phí lãi vay	6352	23.180.881	
		Phải trả người bán – Messer Co	3312		22.021.837
		Các loại thuế khác	3338		1.159.044
.....					
31/12/2012	PKT 20	Đánh giá CLTG LNH 31.12.2012			
		Phải trả người bán	3311	1.278.040	
		Tiền ngoại tệ gửi NH Indo (USD)	112210	816.689	
		Tiền ngoại tệ gửi NH Maritime (USD)	112220	13.552	
		Phải trả người bán Messer-Co	3312	858.800	
		Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	4131		2.967.081
.....					
31/12/2012	PKT 25	Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012			
		Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	6351	733.667.344	
		Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	4131		733.667.344
.....					
31/12/2012	PKT	Chi phí tài chính	911	815.337.062	
		Kết chuyển chi phí tài chính 6351->911	6351		815.337.062
31/12/2012	PKT	Chi phí tài chính	911	797.662.676	
		Kết chuyển chi phí tài chính 6352->911	6352		797.662.676
.....					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 19: Trích sổ cái TK 635 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
30/12 /2012	PKT 6	Lãi vay tháng 12 (Messer Finance)	3312	22.021.837	
30/12 /2012	PKT 6	Lãi vay tháng 12 (Messer Finance)	3338	1.159.044	
31/12 /2012	PKT 25	LỖ CLTG đánh giá lại cuối năm 2012	4131	733.667.344	
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính 6351->911	911		815.337.062
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính 6352->911	911		797.662.676
		Tổng số phát sinh		1.612.999.738	1.612.999.738

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 20: Trích sổ chi tiết TK 6352 năm 2012****Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 6352 - Chi phí lãi vay

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
30/12 /2012	PKT6	Lãi vay tháng 12 (Messer Finance)	3312	22.021.837	
30/12 /2012	PKT6	Lãi vay tháng 12 (Messer Finance)	3338	1.159.044	
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính 6352->911	911		797.662.676
		Tổng số phát sinh		797.662.676	797.662.676

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác liên quan

 Tài khoản sử dụng➤ **TK 641 “Chi phí bán hàng”***Các TK cấp 2,3*

- TK 6411: Chi phí nhân viên
 - + TK 64111: Lương
 - + TK 64112: Trợ cấp
 - + TK 64113: Thêm giờ
 - + TK 64114: Ăn ca
 - + TK 64115: Bảo hiểm xã hội
 - + TK 64116: Bảo hiểm y tế, BHTN
 - + TK 64117: Kinh phí công đoàn
 - + TK 64118: Đồng phục
- TK 6412: Đồ dùng văn phòng
- TK 6413: Chi phí bảo hành, sửa chữa
 - + TK 64131: Chi phí bảo hành hệ thống bồn
 - + TK 64132: Chi phí sửa xe
 - + TK 64133: Chi phí sửa chữa khác
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 64141: Chi phí khấu hao bồn
 - + TK 64142: Chi phí khấu hao vỏ chai
 - + TK 64143: Chi phí khấu hao xe
 - + TK 64144: Chi phí khấu hao TSCĐ khác
- TK 6415: Chi phí vận chuyển
 - + TK 64151: Chi phí xăng dầu
 - + TK 64152: Vé cầu đường

- + TK 64153: Công tác phí
- + TK 64154: Thuê xe
- + TK 64155: Bảo hiểm xe, sản phẩm
- + TK 64156: Chi phí gửi xe
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64171: Quảng cáo
 - + TK 64172: Điện thoại, internet, chuyển chứng từ
 - + TK 64173: Thuê VP, kho
 - + TK 64174: Đào tạo, tuyển dụng
 - + TK 64175: Điện
 - + TK 64176: Chi phí dịch vụ khác
- TK 6418: Chi phí tiếp khách
- TK 6419: Chi phí khác
 - **TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

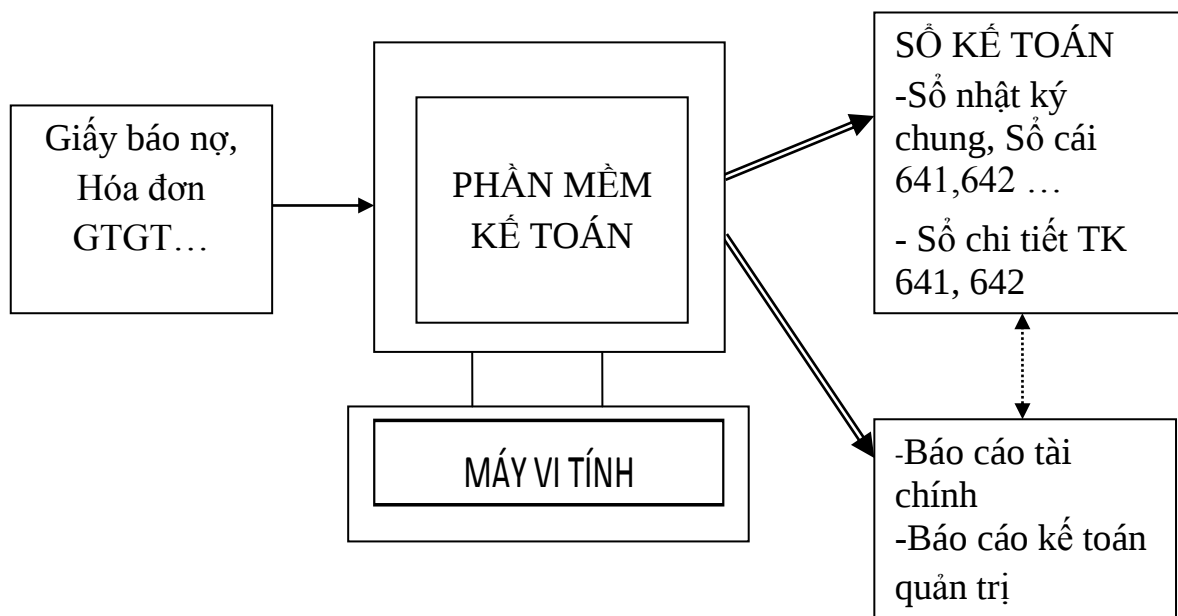
Các TK cấp 2,3

- TK 6421: Chi phí nhân viên
 - + TK 64211: Lương
 - + TK 64212: Trợ cấp
 - + TK 64213: Thêm giờ
 - + TK 64214: Ăn ca
 - + TK 64215: Bảo hiểm xã hội
 - + TK 64216: Bảo hiểm y tế, BHTN
 - + TK 64217: Kinh phí công đoàn
 - + TK 64218: Đồng phục
- TK 6422: Đồ dùng văn phòng, VPP
- TK 6423: Chi phí bảo hành, sửa chữa
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Chi phí vận chuyển
 - + TK 64251: Chi phí xăng dầu
 - + TK 64252: Vé cầu đường
 - + TK 64253: Công tác phí, vé máy bay
 - + TK 64254: Thuê xe
 - + TK 64255: Bảo hiểm xe, con người

- TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 64261: Dự phòng phải thu khó đòi
 - + TK 64262: Dự phòng trợ cấp mất việc làm
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64271: Quảng cáo
 - + TK 64272: Điện thoại, fax internet, chứng từ
 - + TK 64723: Thuê nhà, VP, kho
 - + TK 64274: Đào tạo, tuyển dụng
 - + TK 64276: Phí kiểm toán
 - + TK 64277: Phí bảo vệ
 - + TK 64278: Chi phí họp Hội đồng quản trị
- TK 6428: Chi phí tiếp khách
- TK 6429: Chi phí khác
 - + TK 64291: Phí ngân hàng
 - + TK 64292: Phí và lệ phí

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

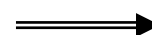


Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm :



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Ví dụ 1: Ngày 10/12/2012, công ty thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế cho công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát số tiền 6.392.935 đồng (đã bao gồm VAT 10 %).

Biểu số 21: Hóa đơn giá trị gia tăng 0000288

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/11P			
Liên 2: Giao người mua		Số: 0000288			
Ngày 09 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THUẬN PHÁT					
MST: 0 5 0 0 5 3 3 6 0 9					
Địa chỉ: Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội					
Điện thoại: (04) 33502782 Fax: (04) 33717827					
Tài khoản: 2206201000786 tại ngân hàng NN& PTNT huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng					
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng					
MST: 020013481					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x5
01	Phí vận chuyển				5.811.759
Cộng tiền hàng:					5.811.759
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		581.176
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.392.935
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000288, kế toán tiến hành lập phiếu duyệt chi, sau khi được phê duyệt, kế toán lập lệnh chuyển tiền (ủy nhiệm chi), sau đó gửi cho ngân hàng yêu cầu trích một khoản tiền trong tài khoản trả cho công ty TNHH Thương mại và vận tải Thuận Phát, sau đó ngân hàng sẽ gửi giấy báo nợ về cho công ty.

Biểu số 22: Phiếu duyệt chi

PHIẾU DUYỆT CHI APPLICATION FOR PAYMENT		 Messer Haiphong
Phiếu chi số/AFP No: Ngày lập/ Date: 09/12/2012 A/P đối chiếu/ APV No:		
Người được thanh toán (Payer name): Công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát	Ngày yêu cầu <i>Date</i>	
	Điều kiện thanh toán <i>Payment term</i>	
Diễn giải <i>Particulars</i>	Mã chi phí <i>Cost Center</i>	Số tiền <i>Amount</i>
Thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế theo HĐ 0000288		6.392.935
Tổng- Total amount		6.392.935
Số tiền tạm ứng nếu có- Advance if any		
Số dư – Blance		
Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng		
Người lập <i>Prepared by</i>		Trưởng phòng <i>Departement Head</i>
Ký duyệt <i>Acceptance</i>	Chữ ký <i>Signature</i>	Nhận xét <i>Comments</i>
KTT		
PTGD		
TGD		

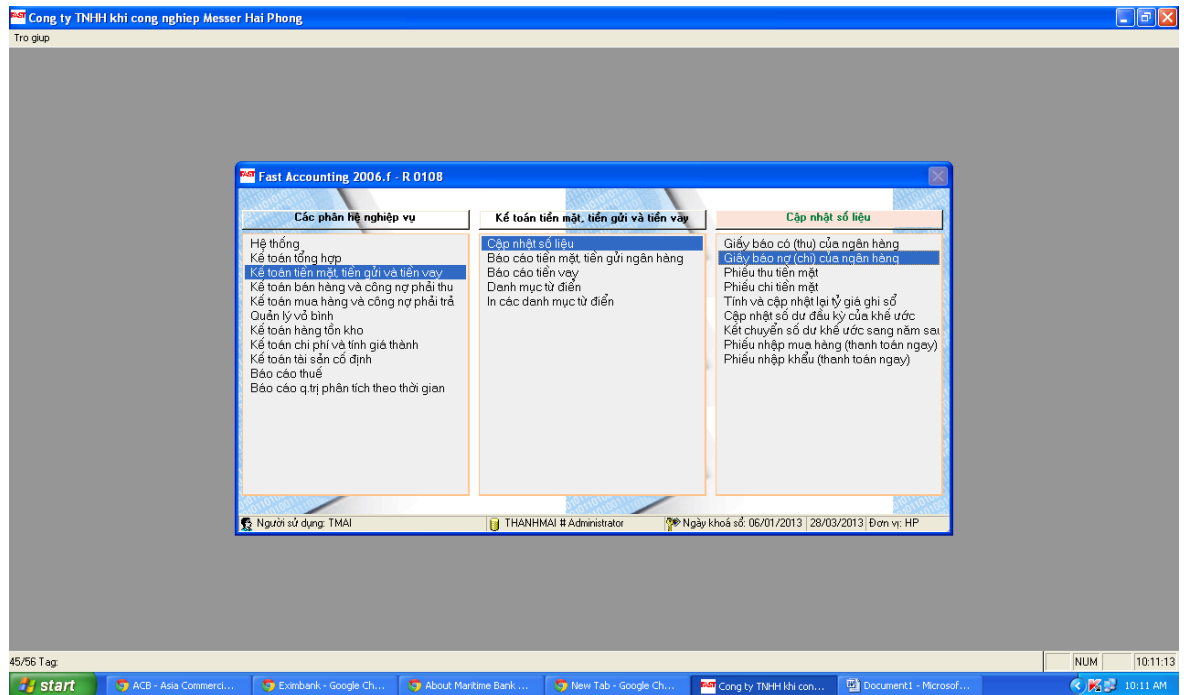
Biểu số 23: Ủy nhiệm chi

	
ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	
Chi nhánh Long Biên MST(TAX COD): 0200124891-020	Số (Seq no) Ngày (Date): 10/12/2012
Số tiền (Amount): <u>VND 6.392.935</u>	Phí ngân hàng: ☐ Phí trong (Charges) ☐ Phí ngoài (Charge Excluded)
Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng Nội dung: Thanh toán tiền cước CPN chứng từ quốc tế	
Người yêu cầu (Applicant): Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng Địa chỉ (Address): Thị trấn An Dương - huyện An Dương - Hải Phòng Số TK: 034 01 01 000063 4 Tại (w.Bank): TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên – HN	Người hưởng (Beneficiary): Công ty TNHH TM & VT Thuận Phát Địa chỉ (Address): Tổ 44 - Cụm 4 - Phường Vĩnh Phúc - Q. Ba Đình - Hà Nội Số TK (A/c No): 2206201000786 Tại NH (w.Bank): Ngân hàng NN & PTNT huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
Phần dành cho ngân hàng (For Bank Only) • MST Khách hàng • Tổng cộng ghi nợ • Phí ngân hàng • Thuế VAT • Số tiền chuyển	Người yêu cầu ghi họ và tên, đóng dấu (Applicant 's signature, named and Stamp) Kế toán trưởng Chủ tài khoản (Chief Accountant) (A/c Holder)
	Dành cho ngân hàng/người hưởng/NH trung gian (For Beneficiary/ Intermediary Bank)
Giao dịch viên Kiểm soát viên Giám đốc	

Biểu số 24: Giấy báo nợ của ngân hàng

		GIẤY BÁO NỢ ADVICE OF DEBIT		Liên 2: Giao khách hàng (For Customer) Số/ Seq No: Ngày/Date: 26/12/2012	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam					
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 034 01 01 0000634 TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH KHI CN MESSER HAI PHONG					
KÝ HIỆU CHỨNG TỪ					
Kính gửi (To)			Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được ghi NỢ như sau <i>Please note that we have today DEBIT your account with the following entries</i>		
DIỄN GIẢI / PARTICULAR			SỐ TIỀN/ AMOUNT		
0200134811 6.392.935.00 VND 0 .00VND 0.00 VND 6.392.935.00 VND					
034 0003 DD034004 MG034018 034-2-121218-00015 Người hưởng: CONG TY TNHH TM & VT THUAN PHAT TK NH : 1261000001960 26/12/2012 13: 09 7051 8219 OTA OL12 – CUNG TINH UNDER 500M – D 034-01-01-000063-4 VND CTY TNHH KHI CONG NGHIEP MESSER HAI PHONG DR 6.392.935 VND CR 6.392.935 VND NH NN VA PTNT CN TT THANH TOAN					
_____ Người lập(Preparerd by)		_____ Kiểm soát(Verified by)		_____ Giám đốc(Approved by)	

Nhận giấy báo nợ của ngân hàng Hàng Hải, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để nhập số liệu vào *Giấy báo nợ (chi)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy.

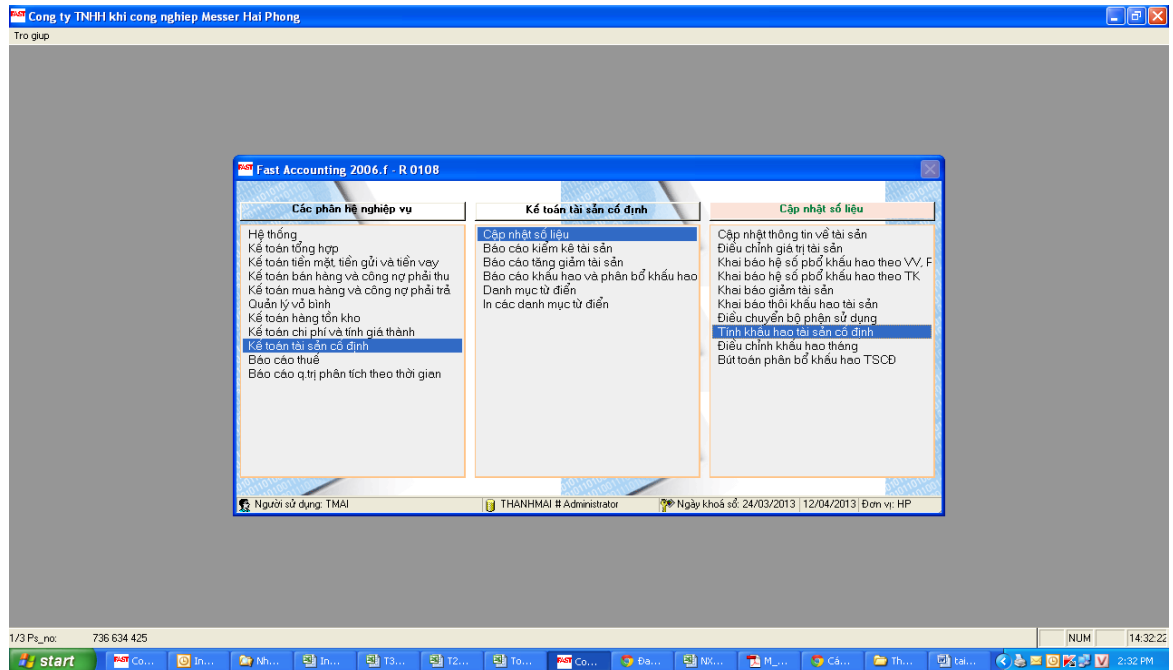


Màn hình giao diện giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

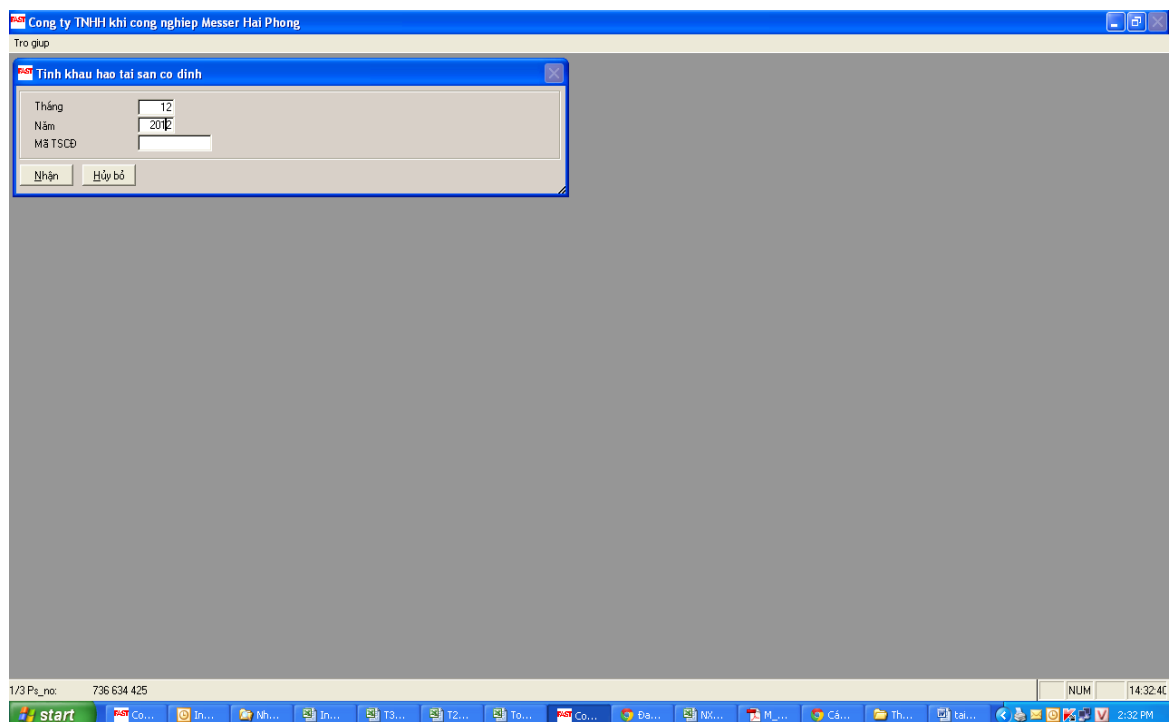
- Các số liệu được cập nhật sẽ tự động được chuyển vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 6417.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2012 kế toán tiến hành tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12 sử dụng bộ phận bán hàng trên phần mềm kế toán.

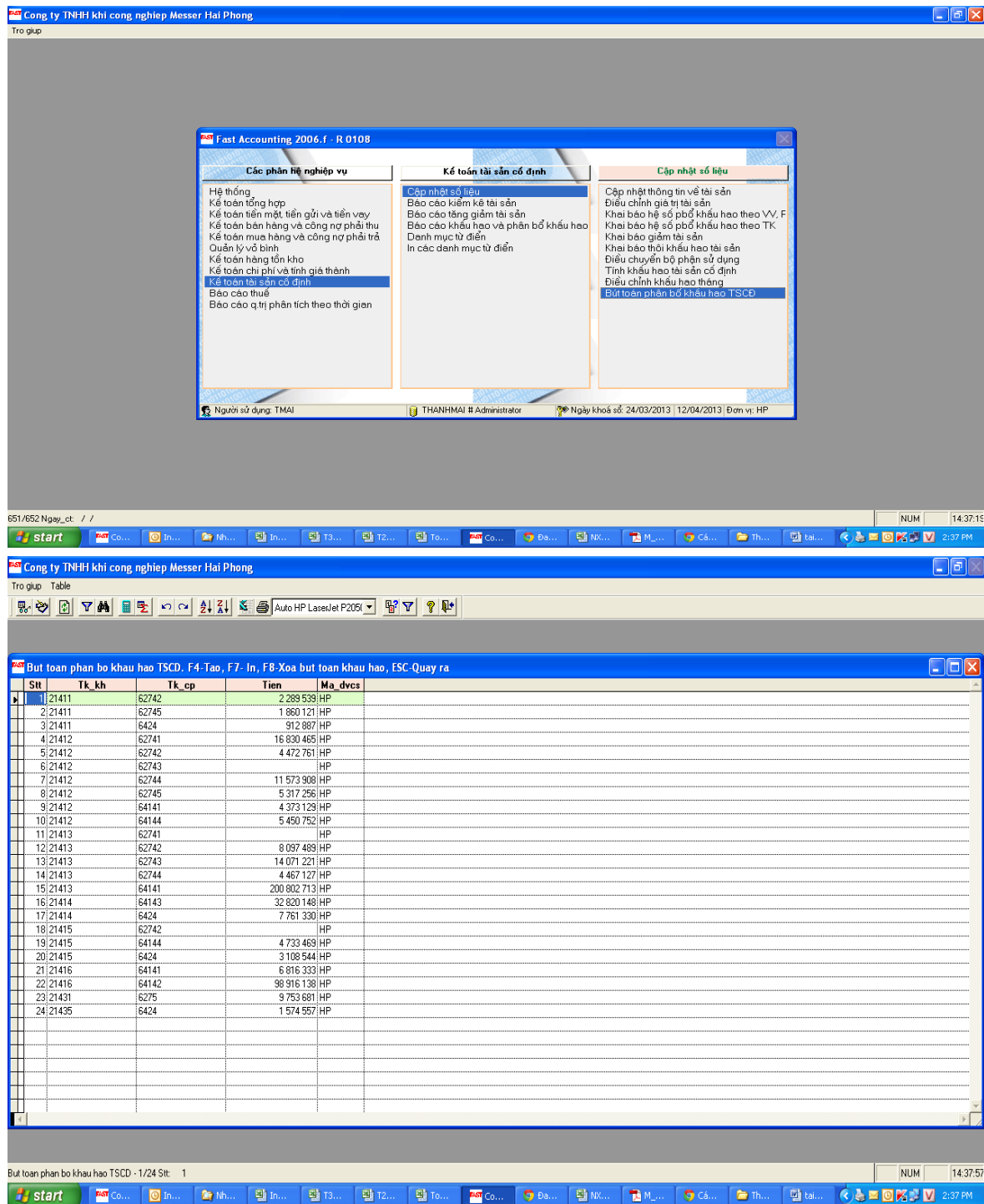
Tại ngày 31/12/2012 Kế toán vào phân hệ *Kế toán tài sản cố định* -> *Cập nhật số liệu* -> *Tính khấu hao tài sản cố định*.



Tại mục “*tháng*”: Tháng 12, “*năm*”: 2012 rồi kích “*nhận*” phần mềm sẽ tự động tính khấu hao TSCĐ tháng 12.



Sau đó kế toán vào phân hệ *Kế toán tài sản cố định* -> *Cập nhật số liệu* -> *Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ*. Tại mục “tháng”: Tháng 12 rồi kích “nhận” phần mềm sẽ tự động để tiến hành phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12 sử dụng ở các bộ phận.



Để in bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 12/2012, kế toán vào phân hệ *Kế toán tài sản cố định* -> *Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao* -> *Bảng tính khấu hao TSCĐ*. Tại mục “tháng”: tháng 12. Sau cùng chọn “Nhận” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

Biểu số 25: Trích bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 12/2012**Đơn vị : Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng****Địa chỉ : Thị trấn An Dương, Hải Phòng****BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ****Tháng 12 năm 2012**

ST T	Tên TS	Số thẻ	Ngày tính khấu hao	Số kỳ khấu hao (Tháng)	Nguyên giá	Giá trị KH trong kỳ	Giá trị KH lũy kế	Giá trị còn lại	TK – TS	TK – KH	TK- CP
...								...			
39	Bộ làm mát sử dụng khí N2	MEQ-26	01/09/2011	60	208.429.600	3.473.827	55.581.232	152.848.368	2112	21412	64144
...								...			
49	Xe Inovo 0896	CAR-02	03/01/2008	60	465.679.818	7.761.330	450.157.143	15.552.675	2114	21414	6424
50	Xe bồn Argon 2685	TRA-01	30/06/2007	120	1.527.149.798	12.726.248	852.452.347	674.697.451	2114	21414	64143
...								...			
90	Máy tính Ms. Thuy	CPT-23	01/10/2009	60	25.980.952	433.016	16.887.624	9.093.328	2115	21415	6424
...								...			
117	Phần mềm Fast	SFW-02	01/02/2010	96	127.789.750	1.331.143	46.590.005	81.199.745	2135	21435	6424
...								...			
124	Hệ thống bồn Kyoiei	TAK-04	01/07/2006	120	1.433.489.730	12.788.454	919.305.789	514.183.941	2113	21413	64141
146	Hệ thống bồn Hàn Việt	TAK-27	01/12/2012	120	4.974.115.089	41.450.959	455.960.549	4.518.154.540	2113	21413	64141
...								...			
168	Pallet gang thép TN	PA-02	01/05/2011	60	12.984.895	216.415	4.328.300	8.656.595	2116	21416	64142
...								...			
	Cộng				68.043.167.563	446.003.090	37.952.098.360	30.091.069.203			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sinh viên: Lê Thị Thanh Tâm_QT 1306K

Biểu số 26: Trích sổ nhật ký chung năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN(Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
10/12/2012	UNC 529	Trả tiền cước CPN			
		Điện thoại, internet, chuyển chứng từ	64172	5.811.759	
		Tiền VND gửi tại NH Maritime	112120		5.811.759
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	13311	581.176	
		Tiền VND gửi tại NH Maritime	112120		581.176
.....					
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí khấu hao bồn	64141	4.373.129	
		Hao mòn máy móc thiết bị	21412		4.373.129
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí KH TSCĐ khác	64144	5.450.752	
		Hao mòn máy móc thiết bị	21412		5.450.752
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí khấu hao bồn	64141	200.802.713	
		Hao mòn bồn chứa	21413		200.802.713
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí khấu hao xe	64143	32.820.148	
		Hao mòn phương tiện vận tải	21414		32.820.148
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí KH TSCĐ khác	64144	4.733.469	
		Hao mòn thiết bị văn phòng	21415		4.733.469
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí khấu hao bồn	64141	6.816.333	
		Hao mòn vỏ và XL 45	21416		6.816.333
31/12/2012	PKT TS12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12			
		Chi phí khấu hao vỏ chai	64142	98.916.138	
		Hao mòn vỏ và XL 45	21416		98.916.138
.....					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 27: Trích sổ cái TK 641 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
10/12/2012	UNC 529	Trả cước CPN chứng từ quốc tế (Công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát)	112120	5.811.759	
...	...				
18/12/2012	UNC 547	Trả tiền điện thoại T11/2012 (Viễn thông HP)	112120	2.000.000	
...	...				
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21412	4.373.129	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21412	5.450.752	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21413	200.802.713	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21414	32.820.148	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21415	4.733.469	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21416	6.816.333	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21416	98.916.138	
.....					
31/12/2012	PKT 9	Lương KDHP	334	52.109.000	
31/12/2012	PKT 9	Lương LXHP	334	44.807.500	
31/12/2012	PKT 9	Trợ cấp, ĐT, TN KDHP	334	7.500.000	
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64141->911	911		2.605.978.046
...	...				
31/12/2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64172->911	911		201.653.692
		Tổng số phát sinh		20.323.521.532	20.323.521.532

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 28: Trích sổ chi tiết TK 6417 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
10/12 /2012	UNC 529	Trả cước CPN chứng từ quốc tế (Công ty TNHH thương mại và vận tải Thuận Phát)	112120	5.811.759	
.....					
18/12 /2012	UNC 547	Trả tiền điện thoại T11/2012 (Viễn thông Hải Phòng)	112120	2.000.000	
.....	..				
19/12 /2012	UNC 550	Trả tiền bảo hiểm tài sản (Công ty TNHH Aon VN)	112120	10.779.819	
.....	..				
31/12 /2012	PKT 16	Phân bổ chi phí tháng 12.2012 - thuê VPHN	142	47.868.193	
.....	..				
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64171->911	911		35.453.703
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64172->911	911		201.653.692
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64173->911	911		607.563.586
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64174->911	911		4.000.000
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64175->911	911		16.346.844
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 64176->911	911		232.689.276
		Tổng số phát sinh		1.097.707.101	1.097.707.101

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

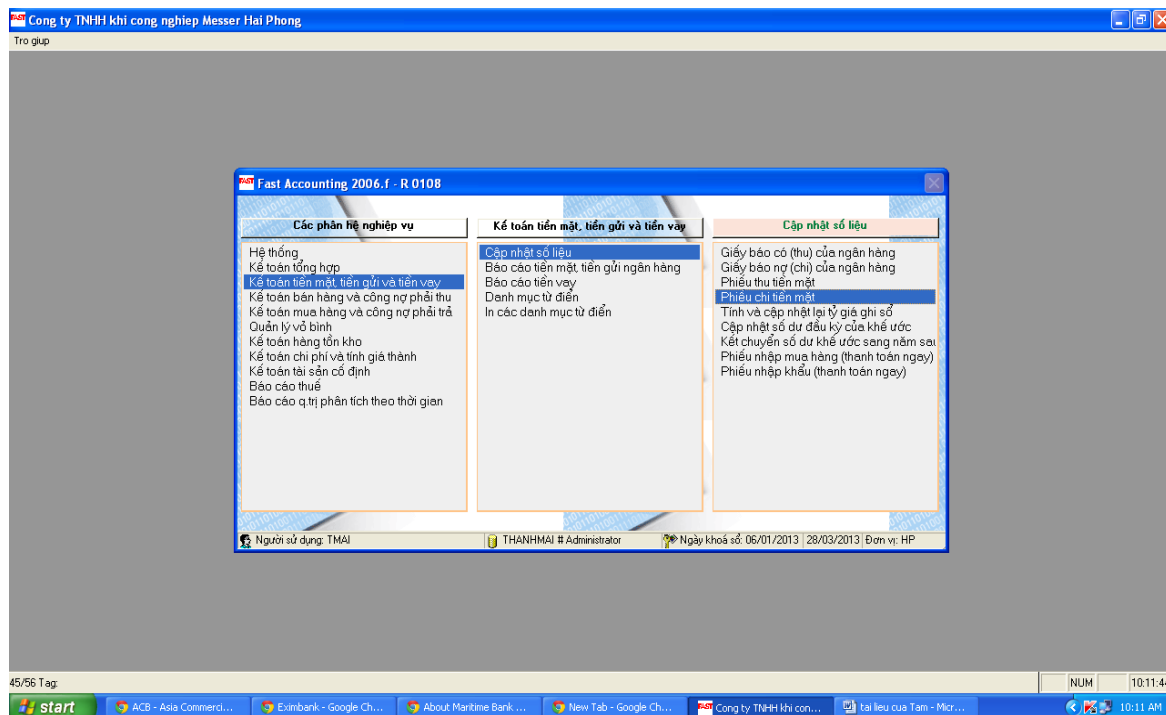
➤ Ví dụ chi phí quản lý doanh nghiệp

Ví dụ 1 : Ngày 05/12/2012 Công ty thanh toán tiền in sổ và phong bì cho công ty TNHH in và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt bằng tiền mặt 693.000 đồng.

Biểu số 29 : Hóa đơn giá trị gia tăng 0001085

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Kí hiệu: AA/11P	
(Liên 2: Giao cho người mua)				Số: 0001085	
Ngày 05/12/2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH in và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt					
MST: 0202006710					
Địa chỉ: 111 Trần Huy Liệu - Kiến An - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Anh Sơn					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng					
MST: 020013481					
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Phí in sổ và phong bì				630.000
Cộng tiền hàng:					630.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		63.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					693.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001085, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* -> *Phiếu chi tiền mặt* để lập phiếu chi trên phần mềm kế toán máy.



Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Loại phiếu chi	8	T/Á chi phí trực tiếp bằng tiền	Ngày ht	05/12/2012
Mã khách	SS20032	Cty TNHH in và SX bao bì Tân Lạc Việt	Ngày lập pc	05/12/2012
Địa chỉ	111 Trần Huy Liệu - Kiến AN - HP		Quyển số	PCT12202
Ng. nhận tiền	Nguyễn Mạnh Thiết		Số pc	30
Lý do chi	Thanh toán in sổ + phong bì (Payment to print develope)		TGGS	VND 1,00
Tk có	111110	Quỹ Hải Phòng	Hạn TT	0

Hạch toán | HD thuế | F4-Thêm dòng mới; F5-Tính tỷ giá ghi sổ; F8/Xóa dòng; Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	HB	Mẫu bc
6422	Đồ dùng VP, VPP	630 000	Thanh toán in sổ + phong bì (Payment to print develope)	1	3

☐ Sửa tương tiền
 ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ
 ☐ Sửa thông tin thuế
 Tiến hh, dv 630 000
 Tiến thuế 63 000
 Tổng TT 693 000

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

K_phimp (d:\Fast06\temp\48275\k_phimp.dbf) Record: 1/1 Exclusive

Sau khi lập phiếu chi xong, để in ra phiếu chi, kế toán kích chọn “*In chứng từ*” -> “*in*”.

Biểu số 30: Phiếu chi 30

CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số:
15/2006/QĐ - BTC Ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Số phiếu: **30**

Nơ TK: 6422, 13311

Có TK: 111110

Người nhận tiền : Nguyễn Mạnh Thiết

Đơn vị: SS20032 - Công ty TNHH in và sản xuất bao bì Tân Lạc Việt

Địa chỉ: 111 Trần Huy Liệu - Kiến An - Hải Phòng

Về khoản: Thanh toán in sổ và phong bì

Số tiền: 693.000 đồng

Bằng chữ: : Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Đã nhận đủ số tiền (bằng chữ): Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn

.....

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Ví dụ 2: Ngày 31/12 Công ty tính các khoản lương phải trả cho cán bộ công nhân viên bộ phận hành chính và kế toán theo bảng chấm công, bảng kê làm thêm giờ, bảng thanh toán lương.

Biểu số 31: Trích bảng chấm công nhân viên T12/2012**Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG****Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng****BẢNG CHẤM CÔNG**
Phòng hành chính nhân sự
Tháng 12 năm 2012

S T T	Họ tên	CV	Ngày trong tháng												Tổng số công
			1	2	3	4	5	6	..	27	28	29	30	31	
1	Nguyễn Văn Huy	TP	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
2	Phạm Văn Quân	NV	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
3	Đào Văn Lộc	NV	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
4	Nguyễn Th. Thảo	NV	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
5	Nguyễn Lan Anh	NV	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
6	Phạm Thị Thư	NV	x	CN	x	x	x	X	..	x	x	x	CN	x	26
.		..	..	...	.	..	...	..	.	..	..	...	..	..	...

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 32: Trích Bảng kê làm thêm giờ nhân viên tháng 12 năm 2012**

ST T	Họ và tên	Phòng	Chức vụ	Thêm giờ (H)			Tổng thêm giờ (Quy ngày)
				Ngày thường	Chủ nhật	Nghỉ lễ	
..	..	..	..	...	..	..	...
6	Phạm Văn Quân	HC	NV	12	-	-	2.25
..	..	..	..	...	..	..	...
9	Trần Thị Hoa	KT	NV	-	10	-	2.5
10	Nguyễn Thanh Mai	KT	NV	-	10	-	2.5
..	...	...	...	..	..	..	...

Thêm giờ quy đổi được tính

- Ngày thường: Số giờ làm thêm x 1.5
- Chủ nhật: Số giờ làm thêm x 2
- Ngày lễ: Số giờ làm thêm x 3

Tổng thêm giờ= Thêm giờ quy đổi/ 8 h

Sinh viên: Lê Thị Thanh Tâm_QT 1306K

(Quy ngày)

Biểu số 33: Trích bảng thanh toán lương tháng 12 năm 2012

Số ngày LV: 26

S T T	Tên	CV	Lương đóng BHXH	Ng ày cô ng	Lương HĐ	Lương trong tháng	Thêm giờ (Quy ngày)	Thêm giờ	Trợ cấp xăng, ĐT, TN	Tổng thu nhập	BHXH 7%	BHYT 1.5%	BHTN 1% Lương CB	Công đoàn 1% Tổng TN	Thực lĩnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7+9+ 10	12	13	14	15	16=11-12- 13-14-15
		..	...	..	..	..	...	...	...	...	...	...	...		
	HCKT		165.884.843		165.884.843	163.785.206		4.239.000	16.500.000	184.524.206	11.611.939	2.488.273	1.658.848	1.845.242	166.919.904
15	Nguyễn Văn Huy	TP	6.218.000	26	6.218.000	6.218.000	-	-	800.000	7.018.000	435.260	93.270	62.180	70.180	6.357.110
16	Phạm Văn Quân	NV	4.450.000	26	4.450.000	4.450.000	2.25	385.096	300.000	5.135.096	311.500	66.750	44.500	51.351	4.660.995
17	Đào Văn Lộc	NV	4.016.481	26	4.016.481	4.016.481	-	-	300.000	4.316.481	281.154	60.247	40.165	43.165	3.891.750
18	Nguyễn Th. Thảo	NV	3.934.023	26	3.934.023	3.934.023	-	-	300.000	4.234.023	275.382	59.010	39.340	42.340	3.817.951
19	Nguyễn Lan Anh	NV	3.643.000	26	3.643.000	3.643.000	-	-	300.000	3.943.000	255.010	54.645	36.430	39.430	3.557.485
20	Phạm Thị Thư	NV	3.643.000	26	3.643.000	3.643.000	-	-	300.000	3.943.000	255.010	54.645	36.430	39.430	3.557.485
	...	...		...	..	...	...	...	...	..		...	...	...	...
28	Nguyễn Thị Tú	KT	4.735.000	25	4.735.000	4.552.885	-	-	300.000	4.852.885	318.702	68.293	45.529	48.529	4.599.476
29	Trần Thị Hoa	KT	4.057.250	25	4.057.250	3.901.202	2.5	390.120	300.000	4.591.322	273.084	60.859	47.350	45.913	4.164.116
30	Nguyễn T. Mai	KT	3.675.000	26	3.675.000	3.675.000	2.5	353.365	300.000	4.328.365	257.250	55.125	36.750	43.284	3.935.956
	...	...		...	..	...	...	...	...	..		...	...	...	...
	Cộng		767.483.596		767.483.596	743.527.959		15.467.000	64.409.000	823.403.959	53.723.851	11.512.254	7.674.836	8.234.039	742.258.979

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 34: Trích bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương tháng 12 năm 2012

Stt	Đối tượng	Lương tính BHXH	Tổng lương	Các khoản tính vào chi phí					Khấu trừ vào lương					Tổng cộng
				BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (1%)	Tổng cộng	BHXH (7%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	KPCĐ (1%)	Tổng cộng	
1	Bộ phận QL	378.528.013	397.167.376	64.349.762	11.355.840	3.785.280	3.971.674	83.462.556	26.496.961	5.677.920	3.785.280	3.971.674	39.931.835	123.394.391
	Quản lý BOD	212.643.170	212.643.170	36.149.339	6.379.295	2.126.432	2.126.432	46.781.497	14.885.022	3.189.648	2.126.432	2.126.432	22.327.533	69.109.030
	HCKT	165.884.843	184.524.206	28.200.423	4.976.545	1.658.848	1.845.242	36.681.059	11.611.939	2.488.273	1.658.848	1.845.242	17.604.302	54.285.361
2	Bộ phận BH	306.227.583	337.373.983	52.058.689	9.186.827	3.062.276	3.373.740	67.681.532	21.435.931	4.593.414	3.062.276	3.373.740	32.465.360	100.146.892
	KDHP	55.345.000	59.609.000	9.408.650	1.660.350	553.450	596.090	12.218.540	3.874.150	830.175	553.450	596.090	5.853.865	18.072.405
	LXHP	47.807.500	51.422.900	8.127.275	1.434.225	478.075	514.229	10.553.804	3.346.525	717.113	478.075	514.229	5.055.942	15.609.746
	KDHN	157.728.383	173.691.383	26.813.825	4.731.851	1.577.284	1.736.914	34.859.874	11.040.987	2.365.926	1.577.284	1.736.914	16.721.110	51.580.984
	LXHN	20.326.700	22.154.700	3.455.539	609.801	203.267	221.547	4.490.154	1.422.869	304.901	203.267	221.547	2.152.584	6.642.738
	NV nạp lòng	27.020.000	30.496.000	4.593.400	810.600	270.200	304.960	5.979.160	1.891.400	405.300	270.200	304.960	2.871.860	8.851.020
3	Sản xuất trực tiếp	41.046.000	43.705.400	6.977.820	1.231.380	410.460	437.054	9.056.714	2.873.220	615.690	410.460	437.054	4.336.424	13.393.138
4	Bộ phận phân xưởng	40.682.000	45.157.200	6.915.940	1.220.460	406.820	451.572	8.994.792	2.847.740	610.230	406.820	451.572	4.316.362	13.311.154
	Tổng	767.483.596	823.403.959	130.472.211	23.024.507	7.674.836	8.234.040	169.405.595	53.723.852	11.512.254	7.674.836	8.234.040	81.144.981	250.550.576

Căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương. Kế toán vào phần hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán* để nhập số liệu trên phần mềm kế toán máy. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào các sổ sách liên quan.

Màn hình phiếu kế toán hạch toán các khoản liên quan đến lương

Cong ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Tro giúp

Auto HP LaserJet P2050

Phiếu kế toán

Ngày ht: 31/12/2012 Ngày lập ch: 31/12/2012

Quyển số: PKT1410 Số ch: 9

Diễn giải chung: HT lương NV T12.2012 Tỷ giá: VND 1.00

Hạch toán: HD thuế F4/F8-Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + < /> qua trang trái/phải

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
6221	Lương nhân viên			34 526 000	0	Lương SX T12.2012
62711	Lương nhân viên			36 582 000	0	Lương SX T12.2012
64111	Lương			52 109 000	0	Lương KDHP T12.2012
64111	Lương			44 807 500	0	Lương LXHP T12.2012
64111	Lương			23 020 000	0	Lương nạp lỏng T12.2012
64111	Lương			157 728 383	0	Lương KDHN T12.2012
64111	Lương			18 326 700	0	Lương LXHN T12.2012
64211	Lương			212 643 170	0	lương BOD T12.2012
64211	Lương			163 785 206	0	lương HCKT T12.2012
334	Phải trả người lao động			0	743 527 959	Lương CNV T12.2012
6223	Thêm giờ			1 401 000	0	Thêm giờ SX T12.2012

☐ Sửa trường tiền ☒ Ct nội bộ

1 072 089 658 1 072 089 658

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu Mới Copy In ch Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

24/55 Diễn_giai: Thêm giờ KDHN T12.2012 NUM 9:14:05

Biểu số 35: Trích sổ Nhật ký chung năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....	...				
05/12 /2012	PC 30	Thanh toán in sổ và phong bì			
		Đồ dùng VP, VPP	6422	630.000	
		Quỹ Hải Phòng	111110		630.000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	13311	63.000	
		Quỹ Hải Phòng	111110		63.000
.....	...				
06/12 /2012	PC 36	Thanh toán tiền vé máy bay			
		Công tác phí vé máy bay	64253	4.488.000	
		Quỹ Hải Phòng	111110		4.488.000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	13311	440.000	
		Quỹ Hải Phòng	111110		440.000
.....					
31/12 /2012	PKT 9	Lương SX T12.2012	6221	34.526.000	
		Lương SX T12	62711	36.582.000	
		Hoàn thiện lương NV T12	64111	295.991.583	
		Hoàn thiện lương NV T12	64211	376.428.376	
		Hoàn thiện lương NV T12	334		743.527.959
31/12 /2012	PKT 9	Thêm giờ SX T12.2012	6223	7.934.000	
		Thêm giờ SX T12.2012	62713	1.401.000	
		Thêm giờ HCKT T12.2012	64213	4.239.000	
		Hoàn thiện lương NV T12	64113	7.934.000	
		Hoàn thiện lương NV T12	334		15.467.000
.....					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 36: Trích sổ cái TK 642 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
05/12/2012	PC 30	Thanh toán tiền in sổ và bao bì (Công ty TNHH in và SX bao bì Tân Lạc Việt)	111110	630.000	
.....					
06/12/2012	PC 36	Thanh toán vé máy bay hợp tại Phú Quốc (Công ty TNHH TM & DV du lịch Trường Anh)	111110	4.488.000	
.....	..				
17/12/2012	PC 56	Thanh toán mua VPP tháng 12.2012 (DNTN Thanh Ngọc)	111110	6.122.200	
.....	..				
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21414	7.761.358	
31/12/2012	PKTT S12	Bút toán PB KH TSCĐ tháng 12	21435	1.574.698	
.....	..				
31/12/2012	PKT9	Lương HCKT T12.2012	334	163.785.206	
31/12/2012	PKT9	Thêm giờ HCKT T12.2012	334	4.239.000	
31/12/2012	PKT9	Trợ cấp xăng, ĐT, TN HCKT T12.2012	334	16.500.000	
31/12/2012	PKT9	BHXX HCKT T12.2012	3383	28.200.423	
31/12/2012	PKT9	BHYT HCKT T12.2012	3384	4.976.545	
31/12/2012	PKT9	BHTN HCKT T12.2012	3389	1.658.848	
31/12/2012	PKT9	KPCĐ HCKT T12.2012	3382	1.845.242	
.....	..				
31/12/2012	PKT	Kết chuyển CP quản lý DN 6422->911	911		258.972.276
.....	..				
		Tổng số phát sinh		9.004.873.262	9.004.873.262

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 37: Trích sổ chi tiết TK 6422 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN**(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 6422 – Đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
05/12/ 2012	PC 23	Thanh toán tiền mua báo quý 4 (Bưu điện thành phố)	111110	1.227.200	
05/12/ 2012	PC 30	Thanh toán tiền in sổ và bao bì (Công ty TNHH in và SX bao bì Tân Lạc Việt)	111110	630.000	
.....					
17/12/ 2012	PC 56	Thanh toán mua VPP tháng 12.2012 (DNTN Thanh Ngọc)	111110	6.122.200	
.....	..				
21/12/ 2012	PC 201	Thanh toán nước uống bình Water Man (Công ty TNHH Trần Liên)	111110	736.364	
.....					
30/12/ 2012	PKT 5	Thay mực máy in (Công ty TNHH TM kỹ thuật Hải Quang)	3311	1.420.000	
.....	..				
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển CP bán hàng 6422->911	911		258.972.276
		Tổng số phát sinh		258.972.276	258.972.276

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác**Chứng từ sử dụng:**

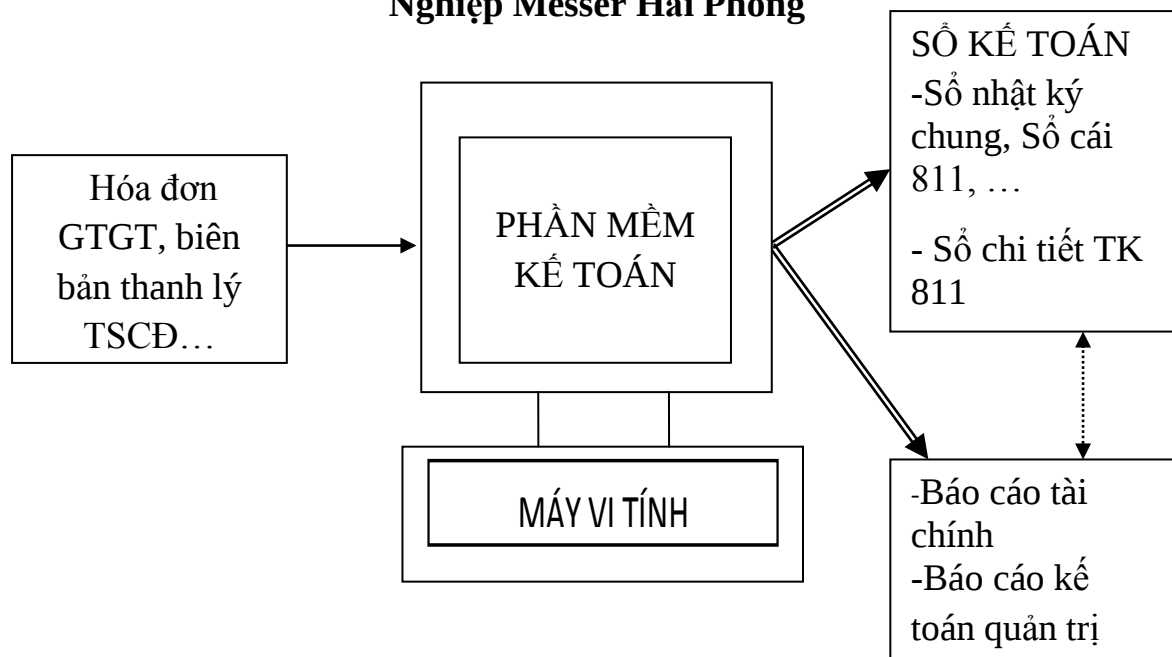
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng:**➤ TK 811 “Chi phí khác”**

- + TK 8111: Bồi thường, bị phạt và chi phí khác
- + TK 8112: Chi phí khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + TK 8113: Chi phí khác

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán chi phí khác tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm : ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <-.->

Ví dụ minh họa:

Ngày 16/12/2012 thanh lý xe ô tô tải biển kiểm soát 16 LD-0473 nguyên giá 188.025.400 đ. Hao mòn lũy kế 169.222.860 đ, giá trị còn lại của xe 18.802.540 đ. Số tiền thu được từ thanh lý xe là 47.727.273 đ (chưa có thuế 10%).

Biểu số 38: Biên bản thanh lý tài sản cố định

Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

Địa chỉ: Thị trấn An Dương- Huyện An Dương- Hải Phòng

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số: 1511
Nợ TK 8112
Nợ TK 21414
Có TK 2114

Căn cứ quyết định ngày 15 tháng 12 năm 2012 của Tổng giám đốc về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Bà: Đào Thu Hương Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Ông: Nguyễn Công Túy Chức vụ: Đội trưởng đội xe - Trưởng ban thanh lý

Bà: Vũ Thị Diệu Linh Chức vụ: Phòng nhân sự

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên: Xe ô tô biển kiểm soát 16LD – 0473
- Nhãn hiệu: Hyundai - Hàn Quốc
- Năm sản xuất: 1999
- Năm đưa vào sử dụng 2002
- Nguyên giá TSCĐ 188.025.400
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý 169.222.860
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 18.802.540

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

Quyết định thanh lý xe ô tô biển kiểm soát 16LD – 0473 cho Công ty TNHH MVT Vận Tải Biển Nam Triệu

Ngày 16 tháng 12 năm 2012

Trưởng ban thanh lý
(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ : 0 (viết bằng chữ) Không
- Giá trị thu hồi: 47.727.273 đ (viết bằng chữ) Bốn bảy triệu bảy trăm hai bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng.
- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 16 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 16 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 39: Hóa đơn bán thanh lý TSCĐ

																																					
CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG Thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP Hải Phòng ĐT: 031-3871215 Fax: +84-31-387.1789 Mã số thuế(VAT Cod): 0200134811																																					
Mẫu số(From No): 01GTKT3/001 Ký hiệu(Serial no): ME/12P Số(Number) : 0001195 Ngày(Date) : 16/12/2012																																					
HÓA ĐƠN (GTGT) INVOICE (VAT) Liên 3: Nội bộ																																					
MST Khách hàng (Customer's Tax Code) Mã số Khách hàng (Customer Code) Tên và địa chỉ khách hàng (Customer Name & Address) Công ty TNHH MVT Vận Tải Biển Nam Triệu Km 90+300 Đường 5 mới – Hùng Vương-Hồng Bàng-HP Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)	Đơn đặt hàng số(PO Number) Phiếu xuất kho (DN NO) Hình thức thanh toán: CK (Mode of Payment) Thời hạn thanh toán (Credit Term) Thông tin tài khoản ngân hàng(Our bank details) 1.Số TK (Acc. No): 3003826-002 Tại NH (Bank name): Indovina. chi nhánh Hải Phòng 2.Số TK (Acc. No) : 034.0101.0000634 Tại NH (Bank name): TMCP Hàng Hải. CN Long Biên. Hà Nội																																				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT No</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hóa dịch vụ Description</th> <th style="width: 10%;">ĐVT Unit</th> <th style="width: 15%;">Số lượng Quantity</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá Unit Price</th> <th style="width: 15%;">Thành tiền Amount</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>01</td> <td>Ô tô tải 16 LD – 0473</td> <td>Cái</td> <td>1</td> <td>47.727.273</td> <td>47.727.273</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng (Total)</td> <td>47.727.273</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10%</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tiền thuế VAT(VAT amount)</td> <td>4.772.727</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng thanh toán(Grand Total)</td> <td>52.500.000</td> </tr> </tbody> </table>		STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount	01	Ô tô tải 16 LD – 0473	Cái	1	47.727.273	47.727.273	Cộng tiền hàng (Total)					47.727.273	Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10%						Tiền thuế VAT(VAT amount)					4.772.727	Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					52.500.000
STT No	Tên hàng hóa dịch vụ Description	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount																																
01	Ô tô tải 16 LD – 0473	Cái	1	47.727.273	47.727.273																																
Cộng tiền hàng (Total)					47.727.273																																
Thuế suất GTGT(VAT rate) : 10%																																					
Tiền thuế VAT(VAT amount)					4.772.727																																
Tổng cộng thanh toán(Grand Total)					52.500.000																																
Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng. Khách hàng (Customer) Lập hóa đơn (Prepared by) Thủ trưởng đơn vị (Director) (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																																					

Căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản cố định, hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng thanh lý. Kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán* để cập nhật. Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 8112.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Cong ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng

Tro giúp

Phiếu kế toán

Ngày ht: 16/12/2012 Ngày lập ct: 16/12/2012

Quyển số: PKT1410 Số ct: 3

Diễn giải chung: Thanh lý xe ô tô tải Tỷ giá: VND 1,00

Hạch toán: HD thuế F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps ng VND	Ps có VND	Diễn giải	Mã vv
21414	Hao mòn phương tiện vận tải			169 222 860	0	Thanh lý xe ô tô tải	HP
8111	Bồi thường, bị phạt và CP khác			18 802 540	0	Thanh lý xe ô tô tải	HP
2114	Phương tiện vận tải			0	188 025 400	Thanh lý xe ô tô tải	HP

☐ Sửa trường tiền ☐ Di nội bộ

188 025 400 188 025 400

Xử lý: Ghi vào sổ cái

Lưu Mũi Copy In cũt Hủy bỏ Xóa Xem In Quay ra

518/570 Ma_QS: PKT1410 NUM 10:15:28

start ACB - Asia Commer... Eximbank - Google Ch... About Maritime Bank... New Tab - Google Ch... Cong ty TNHH Khí công... tài liệu của Tâm - Mirc...

Biểu số 40 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN(Ban hành theo
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
06/12 /2012	BC 596	Công ty TNHH thương mại Hòa Bình trả tiền khí			
		Tiền gửi VND tại NH Maritime	112120	66.000.000	
		Phải thu khách hàng	13111		66.000.000
.....					
16/12 /2012	PKT 3	Thanh lý xe ô tô tải 16LD – 0473			
		Hao mòn phương tiện vận tải	21414	169.222.860	
		Chi phí khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8112	18.802.540	
		Phương tiện vận tải	2114		188.025.400
.....					
30/12 /2012	PKT 17	Thanh lý 360 vỏ chai T12.2012			
		Hao mòn vỏ và XL 45	21416	201.676.767	
		Chi phí khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8112	159.535.353	
		Vỏ chai và XL 45	2116		361.212.120
.....					
31/12 /2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác	911	234.545.398	
		Kết chuyển chi phí khác 8112->911	8112		234.545.398
.....					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 41: Trích sổ cái TK 811 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
16/12/2012	PKT 3	Thanh lý xe ô tô tải 16LD-0473	2114	18.802.540	
30/12/2012	PKT 17	Thanh lý 360 vỏ chai XL 45	2116	159.535.353	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		619.011
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8112->911	911		234.545.398
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8113->911	911		341.702.915
		Tổng số phát sinh		576.867.324	576.867.324

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 42: Trích sổ chi tiết TK 8112 năm 2012****Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S38-DN**(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 8112 – Chi phí khác: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
16/12/2012	PKT 3	Thanh lý xe ô tô tải 16LD-0473	2114	18.025.540	
28/12/2012	PKT 17	Thanh lý 360 vỏ chai T12.2012	2116	159.535.353	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8112->911	911		234.545.398
		Tổng số phát sinh		234.545.398	234.545.398

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng

TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

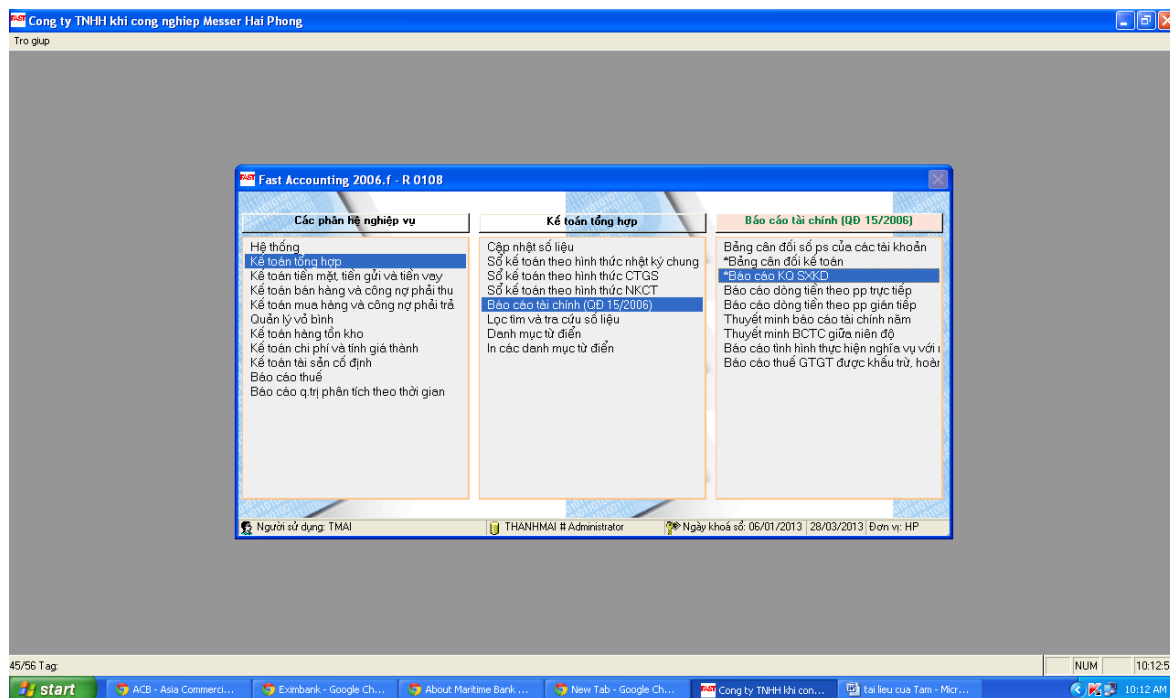
TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”

Phương pháp hạch toán

Cuối năm, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả lãi lỗ.

Kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Báo cáo tài chính (QĐ 15/2006)*
-> *Báo cáo KQ SXKD* để lập báo cáo kết quả kinh doanh trên phần mềm.



Kế toán lấy số liệu của chỉ tiêu “*Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*” trên Báo cáo kết quả kinh doanh để tiến hành xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển, phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821.

Ví dụ minh họa: Tại ngày 31/12/2012 công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

Ngày 31/12/2012 kế toán lập báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2012 trên phần mềm kế toán.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng 2.340.931.850

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = $2.340.931.850 \times 25\% = 585.232.963$

Sau khi tính được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012. kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán* để phản ánh nghiệp vụ xác định thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Biểu số 43 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải PhòngMẫu số S03a-DN(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5112	59.949.530.242	
		Kết chuyển doanh thu bán hàng 5112->911	911		59.949.530.242
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	35.453.703	
		Kết chuyển chi phí bán hàng 64171 ->911	64171		35.453.703
.....					
31/12/2012	PKT 30	Xác định thuế TNND phải nộp năm 2012			
		Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8211	585.232.963	
		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		585.232.963
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	585.232.963	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->911	8211		585.232.963
.....					
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 44: Sổ cái TK 821**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12/ 2012	PKT 30	Xác định thuế TNDN năm 2012	3334	585.232.963	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->911	911		585.232.963
		Tổng số phát sinh		585.232.963	585.232.963

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Tài khoản sử dụng:

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

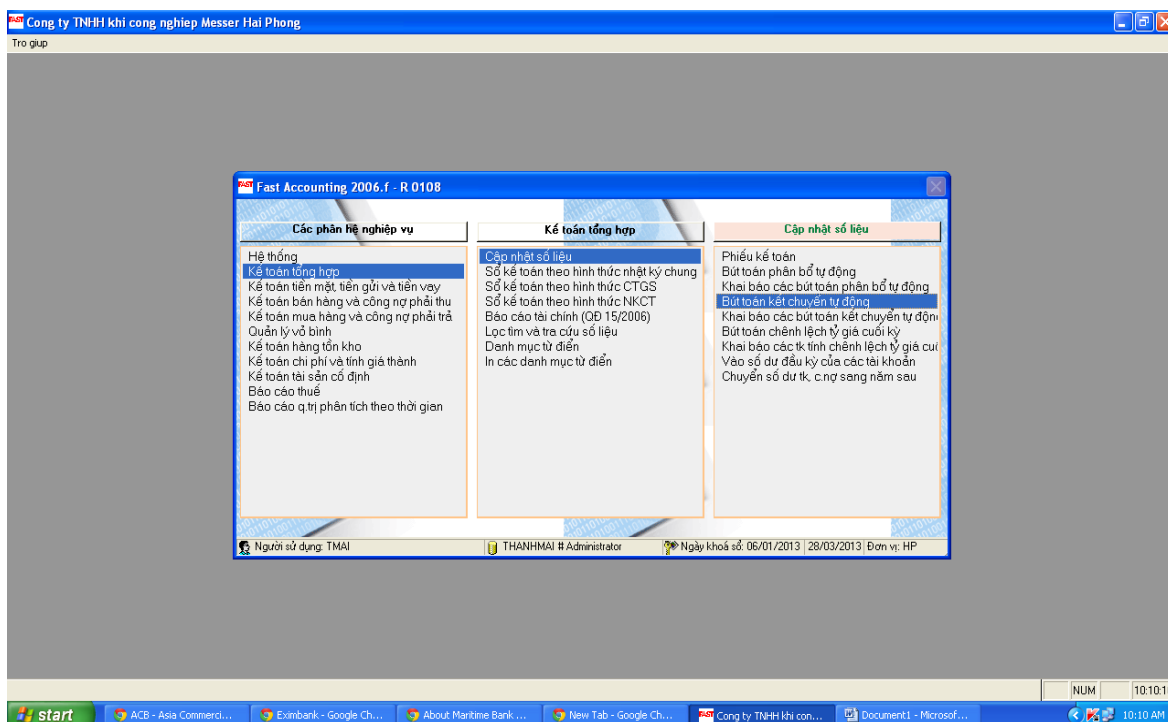
TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

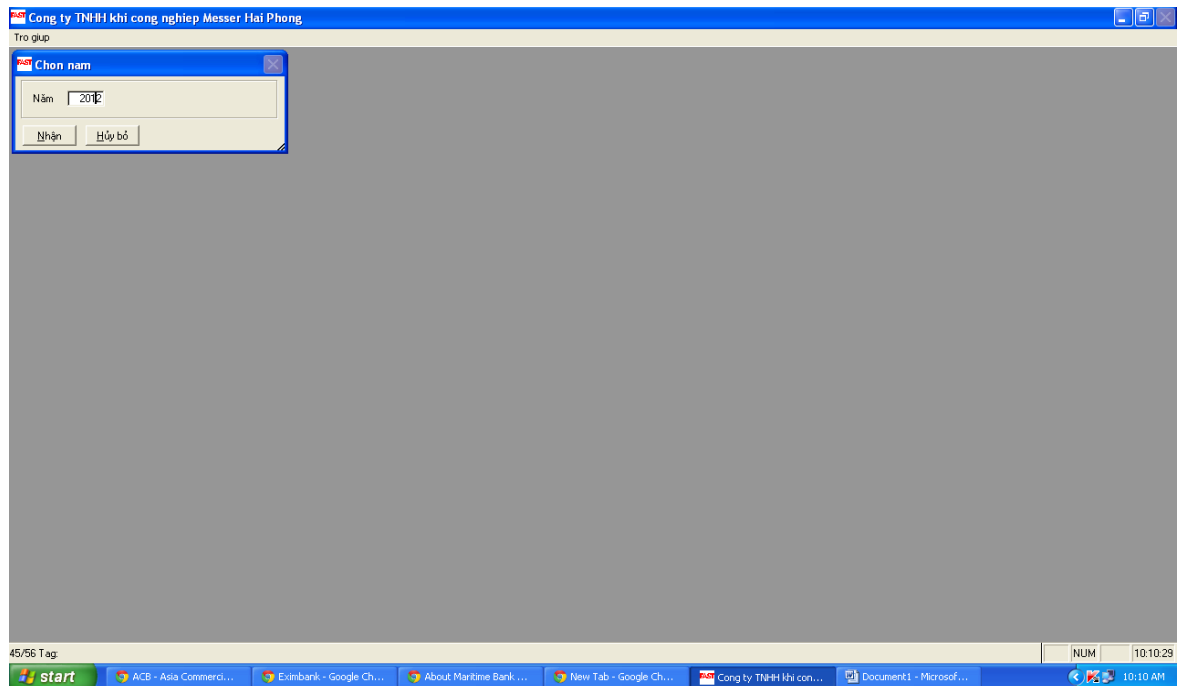
Cuối năm kế toán tổng hợp vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Bút toán kết chuyển tự động* để kết chuyển tổng số phát sinh của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2012 kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

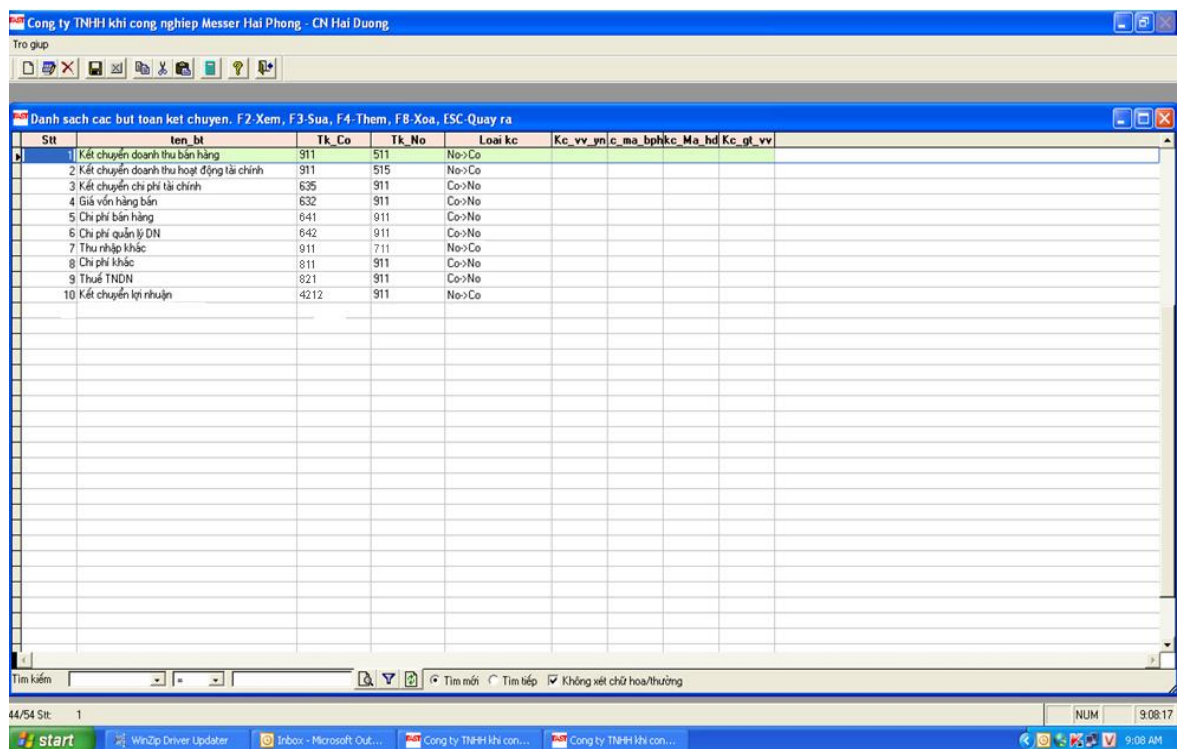
Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Bút toán kết chuyển tự động*.



Sau đó chọn năm kết chuyển năm 2012 -> chọn “Nhận”



Màn hình giao diện các bút toán kết chuyển



Sau khi chương trình thực hiện xong. Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển tới các sổ sách liên quan : Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, sổ cái TK 421.

Biểu số 45 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải PhòngMẫu số S03a-DN (Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5112	59.949.530.242	
		Kết chuyển doanh thu bán hàng 5112->911	911		59.949.530.242
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	5152	398.352.960	
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5152->911	911		398.352.960
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	37.853.401.580	
		Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322->911	6322		37.853.401.580
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	1.222.312.119	
		Kết chuyển chi phí bán hàng 64142->911	64142		1.222.312.119
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	163.658.997	
		Kết chuyển chi phí quản lý DN 6424->911	6424		163.658.997
.....					
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	585.232.963	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->911	8211		585.232.963
31/12/2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận	911	1.755.698.888	
		Kết chuyển lợi nhuận 911->4212	4212		1.755.698.888
		Cộng phát sinh		748.934.158.169	748.934.158.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 46: Sổ cái TK 911 năm 2012**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN** (Ban hành theo

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5111 -> 911	5111		18.603.520.926
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5112 -> 911	5112		59.949.530.242
....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển DT hoạt động tài chính 5152 -> 911	5152		398.352.960
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính 6351 -> 911	6351	815.337.062	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính 6352 -> 911	6352	797.662.676	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321 -> 911	6321	12.750.616.194	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322 -> 911	6322	37.853.401.580	
....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí bán hàng 64141 -> 911	64141	2.605.978.046	
....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý DN 6422 -> 911	6422	258.972.276	
....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển thu nhập khác 7112 -> 911	7112		992.545.216
....					
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8112 -> 911	8112	234.545.398	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí khác 8113 -> 911	8113	341.702.915	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211 -> 911	8211	585.232.963	
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận 911 -> 4212	4212	1.755.698.888	
		Tổng số phát sinh		89.632.033.694	89.632.033.694

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 47: Sổ cái TK 421**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG**Địa chỉ:** Thị trấn An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**(Ban hành theo
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Số dư có đầu kỳ: 14.311.390.608

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12/ 2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận 911->4212	911		1.755.698.888
		Tổng số phát sinh		-	1.755.698.888

Số dư có cuối kỳ: 16.067.089.496

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3:**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng****3.1.1. Ưu điểm****3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.
- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng. Mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau.
- Đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.
- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh **Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán***Về hệ thống chứng từ*

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Các chứng từ được lưu trữ bảo quản cẩn thận, kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ phần hành đó. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

Hệ thống tài khoản sử dụng

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ tài

chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Về hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến hình thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, là hình thức phù hợp nhất và sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho ba loại doanh thu như doanh thu bán chai, doanh thu bán bồn và doanh thu khác.
- Tương ứng với sổ chi tiết về doanh thu là các sổ chi tiết thành phẩm, hàng hóa của công ty, chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng thuận tiện hơn.
- Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học, đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

Về việc hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Tổ chức thông tin tại Công ty được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+ *Về kế toán doanh thu*: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí.

+ *Về kế toán chi phí*: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*: Công ty tập hợp kết quả kinh doanh theo từng năm, vì vậy luôn đảm bảo quá trình cung cấp thông tin kịp

thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo công ty ra những quyết định nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

3.1.1.3. Về bộ máy quản lý

Công ty đã có những sự thay đổi về quản lý phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Người quản lý có chuyên môn và trình độ cao, đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác, đảm bảo yên tâm cho nhân viên thực hiện công việc được giao.

3.1.1.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán FAST do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST cung cấp. Phần mềm kế toán FAST có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ phải cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách liên quan. Ngoài ra phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo quả trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại được những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng còn một số hạn chế sau:

Về việc chưa áp dụng chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Về việc chưa áp dụng chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại dẫn đến không khuyến khích được khách hàng mua hàng số lượng lớn đặc biệt trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng như hiện nay, không đẩy nhanh được doanh thu tiêu thụ, giảm sút số lượng khách hàng, khó giữ chân được những khách hàng lâu năm và thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng

3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong cơ chế thị trường gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng tổ chức kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng nhất đối với doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng vì:

- Công tác này sẽ giúp khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.
- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện

thuận lợi cho tổ chức kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng suốt, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.

3.2.3.1. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Là một công ty có uy tín trên thị trường thường xuyên có những hợp đồng lớn công ty đang không ngừng phát triển, tuy nhiên trong tình hình kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua hàng thanh toán sớm để kích thích khách hàng thanh toán sớm. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề quan trọng nhất đối với mỗi doanh nghiệp chính là hiệu quả sử dụng vốn hay chính là sự quay vòng vốn, vấn đề này có liên quan đến việc thu hồi nợ của doanh nghiệp thông qua việc mua bán giao dịch. Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng trong sự tồn tại phát triển của công ty. Chiết khấu

thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn.

Tỷ lệ chiết khấu:

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán công ty có thể đưa ra những tỷ lệ (%) chiết khấu phù hợp. Thông thường tỷ lệ chiết khấu thanh toán là từ 0,5 % -> 2 % trên tổng giá thanh toán.

Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần chú ý một số điểm sau:

+ Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

+ Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp được thiệt hại cho việc giảm lợi nhuận hay không.

Tài khoản sử dụng:

TK 635 “Chi phí tài chính”

Tài khoản cấp 2: TK 6353 - “Chiết khấu thanh toán cho khách hàng”

Phương pháp hạch toán

Chiết khấu thanh toán kế toán công ty hạch toán vào tài khoản 6353: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Nợ TK 6353 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112.....

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển TK 6353 sang TK 911

Nợ TK 911

Có TK 6353: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Ví dụ minh họa

Ngày 03/12/2012, công ty bán cho công ty TNHH công nghiệp YANGSIN Việt Nam 25XL Nitơ theo HĐ GTGT số 0019512 với tổng giá thanh toán là 56.265.000 đ (VAT 10%). Thời hạn thanh toán theo hợp đồng kinh tế là 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Nhưng công ty TNHH công nghiệp YANGSIN Việt Nam thanh toán trước hạn 15 ngày.

Trong trường hợp này, công ty nên cho Công ty TNHH công nghiệp YANGSAN Việt Nam được hưởng chiết khấu do thanh toán sớm. Trong ví dụ minh họa này, công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu 1%

Khoản chiết khấu công ty TNHH công nghiệp YANGSIN được hưởng là $56.265.000 \times 1\% = 562.650$ đ

Kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* -> *Cập nhật số liệu* -> *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán, định khoản như sau:

Nợ TK 6353 : 562.650

Có TK 1311: 562.650

3.2.3.2. Về việc áp dụng chiết khấu thương mại

➤ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

➤ Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác.

➤ Tỷ lệ chiết khấu:

Hiện nay, không có một văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của vật tư, hàng hóa trên thị trường. Đồng thời, Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản

này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp, người mua hàng nhiều lần mới đạt được chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131....

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển số tiền cho khách hàng sang TK 511

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ.

KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải hoàn thiện hơn.

Vận dụng các kiến thức đã được học trong nhà trường, khóa luận của em với đề tài : Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng đã đề cập đến những vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .
- Về mặt thực tế: khóa luận đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
- Về các kiến nghị đề xuất: đối chiếu với lý luận và tình hình thực tế tại công ty, khóa luận đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Việc đưa ra các kiến nghị cũng dựa trên những lý luận và chế độ chính sách của Nhà nước cùng tình hình thực tế của công ty nên rất mong sẽ giúp ích phần nào đó cho công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng, đặc biệt là cho phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên do trình độ còn hạn chế và lần đầu tiên em tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn CN. KTT. Tô Thúy Hoa, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

Lê Thị Thanh Tâm

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Quản trị tài chính doanh nghiệp – TS Võ Đăng Nam
- 4/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.
- 5/ Khóa luận các khóa 11, 12 tại thư viện trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	PB KH TSCĐ	Phân bổ khấu hao tài sản cố định
3	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
4	TK	Tài khoản
5	CLTG	Chênh lệch tỉ giá
6	Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng	Công ty trách nhiệm hữu hạn Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng
7	VP, VPP	Văn phòng; Văn phòng phẩm
8	NV	Nhân viên
9	TN	Trách nhiệm
10	CN	Chi nhánh
11	TMCP	Thương mại cổ phần
12	VND	Việt Nam Đồng
13	CP	Chi phí
14	SX	Sản xuất

MỤC LỤC**LỜI MỞ ĐẦU****CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP..... 8****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 8****1.1.1. Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 8****1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 9****1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp 9****1.1.3.1. Doanh thu và các loại doanh thu..... 9****1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu 11****1.1.4. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp 12****1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp..... 13****1.2. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 14****1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu 14****1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 14****1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 20****1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác..... 20****1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 22****1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí..... 24****1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... 24****1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 29****1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính 32****1.2.2.4. Kế toán chi phí khác..... 33****1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 34****1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 36****1.3. Tổ chức sổ sách vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 38****1.3.1. Hình thức Nhật ký chung 38****1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái..... 39**

1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	40
1.3.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ	41
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	42
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER HẢI PHÒNG	43
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng	43
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	44
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	44
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty	45
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	46
2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	46
2.1.6.2.Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty	47
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.....	50
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.....	50
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....	50
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	57
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	63
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác	70
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	70
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính	75
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	84
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	109
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	115
2.2.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	119
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP MESSER	

HẢI PHÒNG	124
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.....	124
3.1.1. Ưu điểm.....	124
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	124
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	124
3.1.1.3. Về bộ máy quản lý	126
3.1.1.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin.....	126
3.1.2. Hạn chế.....	126
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng.....	127
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	127
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	128
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng...	128
3.2.3.1. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán	128
3.2.3.2. Về việc áp dụng chiết khấu thương mại.....	130
KẾT LUẬN	132
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	133
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	134